

Nét Đẹp Của Phong Trào Nhân Văn

The Beauty of Humanity Movement

Tác giả: Camilla Gibb

Dịch thuật: Lê Hoàng Việt

Hiệu đính: Hoàng Diễm Ly

Thứ 7, ngày 3 tháng 3 năm 2012

Thân tặng sn DL, người tôi quý mến, cùng những ai trân trọng những giá trị nhân văn và một lịch sử không có lỗi
trống.

Lê Hoàng Việt

Mục Lục

[Lời dịch giả](#)

[Tiểu thuyết về Phở và Nhân Văn - Giai Phẩm](#)

[Chương 1. Một ghi chép vinh dự](#)

[Chương 2. Một Sự Chấp Nối giữa các thế giới](#)

[Chương 3. Bình minh mới](#)

[Chương 4. Nét Đẹp Nhân Văn](#)

[Chương 5. Một Đất Nước Thống Nhất](#)

[Chương 6. Nội tâm tĩnh lặng](#)

[Chương 7. Một thế giới ngược](#)

[Chương 8. Tay công tử lờ loẹt](#)

[Chương 9. Tuyên truyền giáo dục chính trị](#)

[Chương 10. Những bức tranh sơn dầu ghê tởm](#)

[Chương 11. Chỗ của chúng ta trong trời đất](#)

[Chương 12. Ký ức hương vị](#)

[Chương 13. Chiến dịch sửa lỗi](#)

[Chương 14. Một Việt Nam thật sự](#)

[Chương 15. Một Người Bạn Đích Thực](#)

[Chương 16. Những Bức Tường](#)

[Chương 17. Một Bộ Từ Vựng Cảm Xúc](#)

[Chương 18. Ngôi Sao Sáng](#)

[Chương 19. Cô Gái Nhà Bên](#)

[Chương 20. Cây Cầu Vòng Hạ Thế](#)

[Chương 21. Dịch Vụ Cộng Đồng](#)

[Chương 22. Nốt Nhạc Lững Lờ](#)

[Chương 23. Những Giọng Nói Chết Chóc](#)

[Chương 24. Tầng Đá Trong Tim](#)

[Chương 25. Góc Góc](#)

[Chương 26. Sự Mệnh Của Một Ông Già](#)

[Chương 27. Thế Giới Bên Kia](#)

[Chương 28. Phở Nhân Văn](#)

[Ghi chú của tác giả](#)

[Lời cảm ơn](#)

Lời dịch giả

Tình cờ đọc được một bài viết giới thiệu về cuốn sách trên BBC News. Ngẫm lại tôi đã học English từ những năm lớp 6 đến giờ vẫn chưa đọc một nguyên tác văn học nào trên thế giới bằng tiếng Anh, cái học của mình mặc dầu không thể nói là vô dụng, nhưng cũng không hơn là bao. Lại trộm nghĩ đây cũng là một cơ hội để học rồi hành, lấy cái mình biết ra góp một phần cho những bạn muốn đọc mà không có thời gian để đọc nguyên tác, một số độc giả chưa thể đọc được nguyên tác, hay một số bạn chưa có hứng thú, thì đây là một cơ hội để tác phẩm viết về người Việt được người Việt đọc, tiếp cận với độc giả Việt, rút ngắn thời gian đọc nguyên tác hơn.

Một lý do thứ hai không kém phần quan trọng là vụ Nhân Văn Giai Phẩm hầu như ai cũng biết, nhưng chỉ là biết tên đối với giới trẻ, giới trẻ trong nước cũng như hải ngoại hầu như không có tài liệu minh xác nào, chỉ qua những lời kể thời gian không rõ ràng. Hiển nhiên, tác phẩm này chỉ là hư cấu, và là một tiểu thuyết, ta không thể căn cứ vào đây để xét đoán, nhưng viết về vụ Nhân Văn Giai Phẩm âu cũng là thêm một vài câu chuyện kể để phần nào những ai có hứng thú có thể đi xa hơn, sâu hơn, cùng giúp cộng đồng người Việt hiểu hơn lịch sử đất nước, cũng như người ngoài hiểu hơn về Việt Nam.

Tác phẩm là một lần thứ hai tôi cảm thấy rất kinh ngạc chuyện người nước ngoài viết về Việt Nam lại có thể hay như vậy, sâu sắc như vậy. Tác phẩm thứ nhất tôi được đọc bản dịch của dịch giả Dương Hiếu Nghĩa - Mẹ Việt Nam ơi dân ta có tội tình gì của một nhà báo Pháp, Pierre Darcourt, nguyên tác VIETNAM, QU'AS TU FAIT DE TES FILS? Và lần thứ hai này tôi lại có cơ duyên được đọc nguyên tác của một nhà văn Mỹ, bà Camilla Gibb, với tác phẩm: The Beauty of Humanity Movement, dịch theo như tên đề nghị là: Nét đẹp của phong trào nhân văn.

Tác phẩm hay hay không, sâu sắc hay không, thật sự cũng tùy thuộc nhiều vào góc nhìn của độc giả, của người phân tích, hay thậm chí có một số chỉ vừa đọc lời tựa hay tên truyện đã đánh giá câu truyện. Tuy vậy, tôi vẫn xin mạn phép được đưa vào đây những ý kiến riêng của mình, những cảm nhận của mình, không mong muốn định hướng người đọc hay hé lộ cốt truyện, chỉ mong đưa thêm một phần gợi mở để người đọc có thêm thông tin, cảm xúc của một người sau khi đọc tác phẩm. Ngoài ra, với tư cách một dịch giả không chuyên, cũng xin thay lời editor, một người bạn tri âm mà cuộc đời đã sắp xếp gặp trên mạng đã giúp đỡ hiệu chỉnh cuốn truyện được hoàn hảo, mong mỗi người đọc hãy luôn có một sự phê phán, phản biện, độc lập nhận xét với câu truyện. Bởi vì qua bản dịch, dù vô tình hay cố ý, dịch giả cũng đã chuyển

nguyên tác về một góc nhìn của dịch giả lẫn tác giả, dẫu góc nhìn đó luôn ý thức hãy trung lập. Nếu đọc giả sau khi đọc cảm thấy không hay, thì đó cũng là lỗi của người dịch không tốt vậy. Có một số hạn chế, với những dịch giả, và nhất là những dịch giả không chuyên là làm cách nào để giữ được một cái nhìn trung lập mà lại chuyển đi được toàn vẹn cảm xúc của câu chuyện, những ý định tác giả đã gửi gắm vào đó. Nền văn hóa khác nhau đã gây ra những nhận thức khác nhau là một chuyện, ngôn từ khác nhau lại là một vấn đề đầu đầu nữa mà quả thật khi dịch tôi luôn gặp lúng túng. Một vốn kiến thức nông cạn, một tác phẩm chuyển dịch đầu tay, một người không chuyên nghiệp, kinh nghiệm sống nhỏ nhoi, hẳn sẽ để lại trong bản dịch muôn ngàn hạt sạn. Bởi tác phẩm được viết cho miền Bắc, cho trái tim Hà Nội, nhưng dịch giả lại là người miền Trung, học Đại Học ở Sài Gòn, editor cũng ở Sài Gòn, chắc chắn phong tục tập quán miền Bắc không rành rọt, ngôn từ lại càng không chuẩn, nên chi rất mong tất cả sự lượng thứ và đóng góp.

Về mặt dịch thuật, có những hoàn cảnh được tác giả xây dựng đối thoại giữa những nhóm người, khi cao trào, vẫn chỉ là “I - You”, dịch giả thường gặp khó khăn khi gắng giữ một thái độ trung lập, dịch là “mày-tao, cậu-tớ” hay “thằng này, gã kia, tên kia” đây?! Bởi lời nói của nhân vật ngoài biểu thị thái độ của nhân vật đó, còn biểu thị quan điểm của tác giả, thà rằng tác giả viết rằng “you bastard” ta còn có thể dịch theo nghĩa tiêu cực, nhưng chỉ có “I - You” thường tôi rất băn khoăn không biết phải đâu mới đúng. Hay đôi khi chỉ một con người xa lạ, chỉ giới thiệu vài dòng “The nurse” rồi biến mất mãi mãi, nếu cứ dùng nguyên nghĩa “người y tá” mãi đọc cũng sinh nhàm, mà dùng đại từ nhân xưng để thay thế thì thật băn khoăn không biết cần dùng “anh ấy” hay “ông ta”, “cô ấy” hay “bà ấy”, quả thật là rắc rối, bởi tác giả không xác định giới tính người ta!

Một khó khăn khác là có những ngôn, hành, không có trong tiếng Việt. Và sau 24 năm sống trên cõi đời này, tôi mới nhận ra được một điều rằng tiếng Việt của chúng ta không phải là vạn năng, những từ mới luôn phát sinh, và luôn thiếu những từ để biểu thị sự vật hiện tượng. Ngay trong bản thân tiếng Việt, chúng ta có cụm từ “Nhân Văn” thì “Nhân” nghĩa là con người, “Văn” là vẻ đẹp, “Nhân Văn” đã hàm ý là vẻ đẹp của con người, của nhân loại; nhưng đôi khi ta vẫn dịch cho dễ hiểu là nét đẹp nhân văn. Như trong nguyên tác, có một đoạn nhỏ miêu tả anh Tư, một chàng trai Hà Thành nấu phở, anh ta lấy một thìa nước mắm và hất nó vào nồi, trong nguyên tác sử dụng từ “slash of nước mắm”, nó là một cái vung, cái vẩy, một đoạn nước mắm trong thìa, không nhiều, không ít, nhanh chóng, nhưng hầu như ta không biết phải diễn tả thế nào cho đúng chỉ trong đôi ba từ, nhiều quá thì rườm rà, trong khi nguyên tác chỉ cần 1 từ mà

diễn ý. Quả thật, có những cái khó mà nếu không trải qua ta sẽ chẳng thể nhận ra được, cũng như những cái hay của một dịch giả trong quá trình dịch, quá trình đi tìm hiểu những từ lóng, những hình ảnh, những phong tục. Và rồi nhận ra một điều, tại sao một tác giả người Mỹ, lại am hiểu Việt Nam như vậy?!

Hẳn nhiên, một người nước ngoài thì nhìn Việt Nam qua con mắt nước ngoài, có những cảm nhận, những hiểu (lầm) theo cách của họ, nhưng nhìn chung rộng lượng, ta sẽ thấy rằng tác giả là một người hiểu rất rõ người Việt, một số khía cạnh, một số lĩnh vực rất đáng khâm phục, cũng như khéo léo lồng vào đó quan điểm của một người rất Mỹ thông qua cô gái Việt Kiều Maggie, quan điểm về sự tự do đối với nghệ thuật đương đại, và Tư, với quan điểm của một người Việt Nam đang còn nằm ở giữa kì chuyển tiếp với cái nhìn nửa bảo thủ nửa cởi mở.

Câu chuyện còn đưa chúng ta quay lại thời quá khứ, những năm cải cách điền địa, có vài phê phán nhẹ nhàng được đưa ra dưới góc nhìn của ông già bán phở Hưng, nhưng trên hết là một điều đã, đang, và tiếp tục được “chúng ta” xóa đi những vết tích, xóa bỏ lẫn thay đổi lịch sử, và một bộ phận lớn giới trẻ đang quan tâm hơn đến tương lai hơn là quá khứ, thì tác giả lại hiểu khá sâu sắc, tất nhiên sẽ chẳng có cứ liệu lịch sử nào đưa ra trong này, đây chỉ đơn thuần là một tác phẩm tiểu thuyết, nhưng rồi chúng ta, khi hiểu lịch sử, đọc tác phẩm, sẽ càng cảm phục những hiểu biết và cảm nhận, cũng như những sự thật (hư cấu) trong truyện. Tại sao lại là sự thật hư cấu, vì nó là sự thật, nhưng hư cấu qua tiểu tiết, tình tiết trong truyện.

Bên cạnh lịch sử, những cụm từ mà giờ đây đã lãng quên trong giới trẻ, một số gốc từ sẽ được dịch giả chú thích ở nửa sau tiểu thuyết như “Trotsky”, “China Beach”... ta sẽ tìm thấy sự hiện đại, đương đại, một Việt Nam mạnh mẽ vươn lên, cũng như những góc tối của xã hội hiện tại. Câu chuyện là sự đan xen giữa hiện tại, quá khứ, và hướng đến tương lai, một sự thật rõ ràng là tác giả hiện tại đang viết về quá khứ, cuộc đời qua lời kể của những con người.

Chúng ta nghĩ gì khi biết rằng từng chi tiết nhỏ của người Việt Nam đều được người nước ngoài nhìn nhận, sự thật vẫn là sự thật, nó vẫn phơi bày ra đó dù người ta không để ý hay khoa lấp, người nước ngoài thấy chúng ta đi, chúng ta đứng, thấy những hàng xe đan cửi trên đường, thấy một người khạc nhổ giữa phố, thấy vài gã say khật khưỡng trong đêm, thấy những bà bán hàng quán xúm lại mời mọc gây phiền hà, thấy những người Hà Nội kì thị Việt Kiều, xem họ như những kẻ bỏ chạy theo giặc, người nước ngoài cũng thấy những con người của một dân tộc thờ phượng tổ tiên, coi trọng mồ mả cha ông phải bỏ xứ mà đi, phải tị nạn, phải khai sinh ra cái tên “thuyền nhân”, rồi ngày nay, người nước ngoài đi dạo qua khu phố cổ, trong

con hẻm tối họ thấy một người đàn bà đang ngồi tiểu, họ thấy ông già bán phở dạo bị truy đuổi, bị đánh, bị bắt đóng thuế kinh doanh. Than ôi, tôi từng nghĩ đến, ai cũng từng nghĩ đến, nhưng phải khi đọc một tác phẩm đương đại ta mới thấy rằng người nước ngoài vẫn luôn nhìn người Việt Nam đó thôi, đâu ta biết hay không.

Tác giả sẽ đưa chúng ta qua một món ăn đã trở thành một trong những linh hồn của Hà Nội, một trong những món ăn của Việt Nam, Phở! Phở dưới sự chế biến cầu kì của người nghệ sĩ nấu phở, ông già Hưng, hay của chàng trai trẻ Tư, Phở được làm từ những sợi rong trong một cái ao, hay Phở được làm từ những nguyên liệu cao cấp, những bước chế biến, cũng được tác giả chăm chút miêu tả khá kĩ càng, từ bước chế biến đến cảm xúc người nấu, người ăn. Tại sao phở lại chế biến từ những sợi rong?! Là bởi những năm tháng bao cấp chúng ta cơm còn chẳng đủ mà ăn, nói gì đến phở, mà đến nỗi tôi lo ngại giả như kéo dài chừng vài chục năm nữa, liệu chẳng những món ăn quốc hồn quốc túy chỉ còn là dĩ vãng?!

Cái đói khát, cái nghèo nàn mà chẳng sách vở nào miêu tả, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết nếu không tìm không đọc, tìm cũng chưa chắc ra, là những năm tháng sau cái cách điện địa, nếu sách vở chính thống chỉ cho ta những lời lẽ đơn giản như sản xuất suy giảm, năng suất thấp, thì đến với tác phẩm, ta sẽ có một góc nhìn rất con người hơn, là thực phẩm giảm đi như thế nào, từ từ, chậm rãi, chúng tác động đến đời sống thành thị vừa nhanh lại vừa chậm, ông bán hàng thịt không còn thịt để bán, rau cỏ trong chợ chỉ còn chẳng những bó rau héo, những quả dòi đục, một không khí u ám nặng nề, và sự tuyên truyền mỗi ngày được phát đi phát lại không mỗi một. Lại bất chợt nghĩ mà khâm phục tác giả lấy đâu ra những cảm nhận đó để mà viết nên đây?!

Nếu ai đã nghe nhạc, hẳn người Việt Nam nào ít nhiều cũng đều biết nhạc phẩm “Gửi người em gái” của cố nhạc sĩ Đoàn Chuẩn - Từ Linh; trong nhạc phẩm sáng tác năm 1956 ấy có đoạn “Hà Nội chờ đón Tết, vắng bóng người đi, liều rữ mà chi...” miêu tả một Hà Nội chờ đón Tết không tấp nập người đi, mà vắng bóng lặng lẽ, tại sao lại vắng bóng lặng lẽ, do chiến tranh ư, không, không phải chiến tranh, vậy do đâu thì đành để lại cho độc giả tự tìm hiểu vậy, sau này được cố ý đặt lại rằng “Hà Nội chờ đón Tết, hoa chen người đi...” tôi lại nhớ đến một câu nói của người thầy dạy nhạc rất lâu trước đây: mỗi nghệ sĩ là một chứng nhân lịch sử, không thể phủ nhận sự thật trong lịch sử được, sự thật qua thi ca, qua âm nhạc. Dẫu mai sau dù lịch sử đã hoàn toàn bị xóa bỏ hay thay đổi, thì lúc này đây, lịch sử vẫn đang xảy ra, trôi qua từng phút khắc một là sự thật. Và trở lại với tác phẩm, ta sẽ được tác giả dẫn dắt cả trong nghệ thuật

những năm tháng xưa và nghệ thuật đương đại của Việt Nam, với sự Tây hóa, với sự chuyển mình mạnh mẽ, cả nét đẹp lẫn tính xấu, giữa những tác phẩm được sáng tác và tác giả chết trong đói nghèo như Bùi Xuân Phái nay được bán cả hàng ngàn Dollar và những sáng tác được làm một cách công nghiệp, với những họa sĩ bị đồng tiền chi phối, với những gallery, những phòng tranh ở Hà Nội, những thực trạng, hay cũng chính là những nét hiện đại của Việt Nam đang hướng đến. Tất nhiên, những nghệ sĩ chết trong đói nghèo thì nhiều không kể xiết, hầu hết ở miền Bắc, và tôi cũng chỉ nghe nói nghệ sĩ chết vì đói nghèo ở miền Bắc, lại là thủ đô Hà Nội, nếu muốn biết rõ hơn, độc giả có thể tự tìm hiểu vài nghệ sĩ như: Đặng Thế Phong, Nguyễn Văn Thương (nhạc phẩm Đêm Đông sáng tác trong đêm giao thừa ở Hà Nội 1939 khi nhạc sĩ lang thang giữa phố phường vắng lạnh vì không có tiền về Huế...)

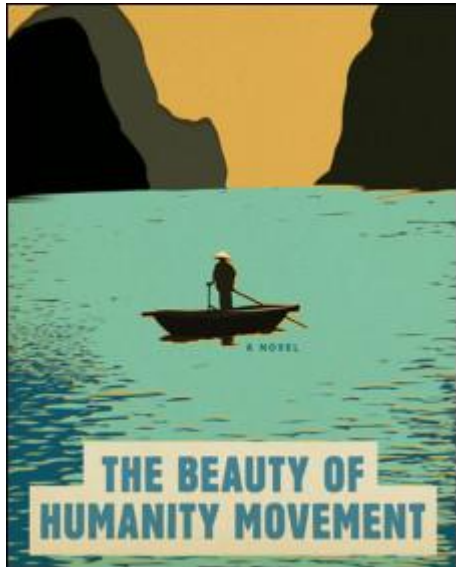
Cuối cùng, với tất cả những sự trân trọng và biết ơn. Đầu tiên, cảm ơn tác giả đã cho chúng ta thêm một tài liệu, một cứ liệu, một góc nhìn về Việt Nam, lịch sử và đương đại, một tác phẩm trong kho tàng văn học của thế giới tin rằng sẽ làm sâu sắc hơn nhận thức của người đọc, khắc họa lại một Việt Nam mới mẻ trong tâm trí độc giả. Tôi cảm ơn những người, cuộc đời đã cho tôi những thứ tôi có để hoàn thành tác phẩm, là tri thức, là kinh nghiệm sống, là cơ sở học hành. Đặc biệt cảm ơn người bạn đã luôn đồng hành cùng tôi trong quá trình dịch truyện, người đã nhiệt tình giúp tôi edit tác phẩm, với tất cả lòng tri âm, mến mộ, và cả tình cảm đặc biệt dù chúng ta chưa một lần gặp mặt, nhưng tin rằng trong một lúc nào đó thì tôi mạn phép gọi là đồng điệu tâm hồn, bạn Hoàng Diễm Ly. Sau rốt, một phần rất lớn tài liệu được tham khảo từ hệ thống tìm kiếm Google, wikipedia, Google Images, Google Translate và trang web tratu.soha.vn.

Trân trọng,

Tùy Phong.

Seoul, 2012 February 2nd (last edit: February 18th)

Tiểu thuyết về Phở và Nhân Văn - Giai Phẩm



Một tiểu thuyết tiếng Anh vừa ra mắt, lấy món Phở và phong trào văn nghệ Nhân Văn - Giai Phẩm làm nền để kể về một giai đoạn khốc liệt trong lịch sử Việt Nam.

Camilla Gibb, nhà văn sống ở Toronto, Canada, có cảm hứng để viết cuốn tiểu thuyết thứ tư của bà sau khi trải qua một tháng ở Việt Nam ba năm trước đây.

The Beauty of Humanity Movement (tạm dịch: Về đẹp của Phong trào Nhân Văn) là câu chuyện về ông Hung, một người nấu phở nổi tiếng ở Hà Nội và chứng kiến bao thăng trầm của đất nước.

Tác phẩm còn sâu chuỗi cuộc đời của Maggie, người Việt lớn lên ở Mỹ, nay buôn mỹ thuật ở Khách sạn Sofitel Metropole ở Hà Nội. Cô quay lại Việt Nam để tìm kiếm dấu vết của người cha, đã chết khi lính Bắc Việt tiến vào Sài Gòn năm 1975.

Cô làm quen với Tú, một hướng dẫn viên du lịch chuyên đưa cựu binh Mỹ đi tham quan. Hai người sau đó bị thu hút bởi những câu chuyện của ông Hung và gánh phở của ông.

Trong thập niên 1950, những khách đến ăn phở của ông Hung có cả những văn nghệ sĩ tham gia phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm đòi tự do cho văn nghệ.

Sau khi nó bị dẹp tan, người bán phở trở thành người lưu giữ ký ức về một truyền thống cõi mờ đã bị đàn áp.

Camilla Gibb, 42 tuổi, thăm Hà Nội năm 2007. Tại đó, bà gặp một hướng dẫn viên du lịch có ước mong mở một quán phở.

Bà kể lại rằng người này làm bà nhớ lại chính mình của 10 năm trước, khi bà cũng không vừa lòng với công việc và mơ có cơ hội viết văn, cho dù bà đã hoàn tất luận án tiến sĩ về nhân học xã hội ở Đại học Oxford.

Khi đó, một người hào phóng - mà đến giờ bà chưa biết tên - tặng bà 6000 đôla để theo đuổi giấc mơ.

Bà quyết định tặng lại 6000 đôla cho người bạn mới quen để anh ta có thể mở tiệm phở.

Bà nói bà biết ơn người này vì đã cho bà cảm hứng viết cuốn Beauty, khi anh ta kể về một cụ già bán phở "chui", thường xuyên bị công an rượt đuổi.

Tiểu thuyết gần đây nhất của bà, Sweetness in the Belly (2005), được giải Trillium của tỉnh Ontario, Canada.

Nguồn: http://www.bbc.co.uk/vietnamese/culture/2010/09/100901_gibb_beauty_book.shtml

Chương 1. Một ghi chép vinh dự

Ông già Hưng là một người nấu phở ngon nhất thành phố, ông đã nấu gần cả thập kỷ nay. Có một thời ông từng mở quán phở, giờ chẳng còn nữa, bởi giá thuê tăng quá cao, cả tiền thuê cứng lẫn mềm. Tiền thuê mềm là khoản hối lộ mà người thuê phải trả cho công an trong cái thời tự do này.

Vẫn thế, ông Hưng có một nhiệm vụ, nếu không được thừa nhận. Là đẩy những khúc củi, những lò than và những cái nồi lớn được xếp thẳng bằng trên chiếc xe gỗ của ông, băng qua những con đường thuộc quảng trường cũ của Hà Nội vào lúc nửa đêm, rồi lập một gian hàng của riêng mình trong một con hẻm nào đó, trên một sân nhà máy nồng mùi dầu mỡ, ở một góc cũ kỹ của công viên hay trong một hốc rỗng của tòa nhà đang thi công nào đó. Ông là một người đàn ông tháo vác, luôn rong ruổi, cho đến mãi gần đây, ông vẫn còn có thể thách đố những người kém hơn cả nửa tuổi đời của mình có thể bắt kịp ông.

Khi ông bị buộc phải rời đi, địa điểm mới lại được truyền miệng nhau từ những người bán hàng rong, người làm bún, anh giao báo, đến những người bán hàng dọc đường Hàng Bông, họ đảm nhiệm việc đưa thông tin đến thực khách giùm ông, đặc biệt là ông Bình, một người như con ông. Đầu giờ sớm, ông Bình thường ra ngoài mua một tờ báo, hay vài điều thuốc, rồi trở lại nhà để đánh thức con trai, Tư, sau đó ông nhét những bát, muống và dưa vào cái túi của cậu, rồi xách xe máy ra khỏi căn bếp và lao vào con hẻm, hòa mình vào dòng xe cộ với hơn 3 triệu xe máy đang đi ăn sáng, và ít nhất 40 trong số đó là đang đi đến xe phở của ông Hưng.

Phần lớn thực khách của ông đều là nam giới. Biết ông đã nhiều năm. Họ rất trung thành và vài người thậm chí có thể nói là lệ thuộc. Ông cũng là người trung thành và hiển nhiên là lệ thuộc. Đây là kế sinh nhai của ông, là sự tồn tại của ông, là con đường của ông trong thế giới này. Tất cả bắt đầu từ khi ông trở thành thợ học việc tại tiệm phở của chú Chiến vào năm 11 tuổi.

Đó là năm 1933, theo lời cha, ông rời xa ruộng đồng để lên phố thị, cách xa người mẹ đã dành cho ông ít tình yêu thương nhất trong 10 đứa con. Bà luôn giữ một khoảng cách với ông từ khi người thầy bói xác nhận sự ngờ vực của bà rằng cái nốt ruồi lớn màu đen kéo dài từ đuôi mắt trái của ông đến giữa xương gò má là một điềm gở. Thầy bói phán rằng ông mang đến một tương lai đen đui.

Bởi thế, ông đến chỗ chú Chiến chỉ với cái tên “Chín”, vì ông đứng thứ chín trong nhà. Và rồi trở thành “Hưng” khi ở Hà Nội, dưới sự bảo hộ của chú ông, một người không ủng hộ sự mê tín và cũng không thể quay lưng lại với ai cần sự giúp đỡ.

Sáng hôm ấy, ông dựng xe bán phở trong một góc trống của một hồ bơi trong tương lai sẽ gắn liền với một khách sạn đang được xây dựng gần đền Ngũ Xá. Ông đã phải thử rất nhiều lần mới thổi bùng được ngọn lửa trong cái bầu không khí ẩm ướt này. Bóng đêm đã bắt đầu nhường chỗ cho những ánh ban mai nhợt nhạt trong buổi sớm u ám mây, và những tia lửa màu cam đã cháy sáng lên tựa như tấm áo choàng thuần khiết và rực rỡ của nhà sư.

Vài khách hàng của ông đã bắt đầu chạy bộ dọc theo thành hồ bơi, trượt xuống theo mặt nghiêng của nó, trong tay cầm theo tô, muống và dưa, để giành đứng đầu trong hàng người chờ mua phở.

Thao tác như một chuyên gia, ông thành thạo dùng tay phải để trải sợi phở vào từng tô phở đặt trước mặt mình, rồi phủ lên đó những lát thịt bò tươi. Tay trái của ông cũng đồng thời pha nước dùng nóng hổi vào, khiến những lát thịt lập tức săn lại khi tiếp xúc.

“Của cậu đây, Nguyễn. Xong luôn rồi đây, Phúc, nhóc Minh,” ông nói và chuyển các bát phở đến những vị khách đầu tiên đang ngồi xõm trên nền xi măng, với thìa và dưa đón chào buổi triều dương của ngày mới.

À, Bình đây rồi, vẫn chào ông Hưng một cách lặng lẽ như thường lệ, bát trong tay, không bao giờ tỏ ra hoạt bát cho đến khi ông đã được húp đủ nước phở. Mặc dầu đã bước vào độ tuổi ngũ tuần, ông Bình trông vẫn như cậu bé đi cùng cha thuở nào, Đạo. Ông Bình đã đến quán phở của ông Hưng sau khi quay trở về từ những ngày diễn ra cách mạng đầu thập niên 1950. Thế giới đã đổi thay quá nhiều kể từ dạo ấy, nhưng ông Bình, một con người trầm tính nhưng

luôn quan tâm đến ông Hưng, vẫn lặng lẽ phụ mang những tô rỗng ra chỗ rửa bát đằng sau quán như ngày nào.

“Của cháu đây, Bình”, ông Hưng nói, như ông vẫn làm hằng ngày, thả một tay đầy hành xắt nhỏ vào bát Bình từ tầm vai một cách thuần thục.

“Bác Hưng, có chuyện gì với cái kính thế?” Bình hỏi về vết nứt chia đôi mắt kính bên trái của ông Hưng.

Một cách bất đắc dĩ, ông Hưng phải thừa nhận rằng ông đã tình cờ ngồi với họ đêm qua, với một cái nhún vai như thể nó cũng bí ẩn với ông vậy.

“Đưa cháu ạ” – Bình ra dấu – “để cháu sửa lại cho bác.”

Ông Hưng tháo kính khỏi tai một cách trịnh trọng rồi đưa cho Tư. Cậu đang đứng đợi bên bố với cái bát rỗng. Tư gấp chúng lại trong túi áo sơ mi của bố. Rồi ông Bình lách qua trái, nhường đường cho con trai.

Tư chỉ vừa hai mươi hai nhưng đã trông rất chững chạc, cậu chào ông Hưng một cách hồ hởi, không kiêu lời như bố, trong khi tay cầm đĩa cứ vẩy sang trái rồi lại phải để tính toán kích cỡ của cái hồ bơi... Đây mới chính là cậu, Tư thích và bị mê hoặc bởi những con số. Tư đã từng dạy toán cấp 3, nhưng cậu mới bỏ nghề để theo đuổi đam mê của ngành du lịch giải trí. Ông Hưng không chắc rằng sự tiếp xúc với văn hóa nước ngoài là tốt cho cậu, nhưng ông tin là Bình đang kiểm soát tình hình.

Tư hài lòng với một thách đố sáng nay của ông Hưng: “Ông rất muốn biết cháu tính xem bao nhiêu bát phở mới có thể làm đầy cái hồ này.” Tư cười mỉm khi cậu nhắm tính, tay vẫn giữ bát phở sát ngay dưới mũi để bao phủ gương mặt mình với từng làn hơi nước đang bốc lên.

Ông Hưng đã mách cho Tư, ông Bình và cả cha của ông, ông Đạo, để phân biệt được nước phở ngon và dở chỉ cần dựa mùi thơm của nó, theo cách mà nó thấm vào cơ thể qua cánh mũi. Phở Bắc, phở của Hà Nội, là bậc thầy quyến rũ bởi nó nắm bắt được phần tinh túy nhất trong điệu vũ hòa hợp của các gia vị thể hiện sinh động trong nước phở. Không chỉ gia vị làm cho bát phở Bắc khác biệt, đó còn là nguồn cội, một bài học ông Hưng luôn vui vẻ chia sẻ với những người muốn biết.

Lịch sử của Việt Nam đặt trong tô phở này, vì nó mang đậm chất Hà Nội, trái tim của Việt Nam, nơi phở được sinh ra. Phở là sự kết hợp giữa bột gạo làm bánh phở được lưu truyền từ ngàn năm bắc thuộc của Trung Quốc, và hương vị của thịt bò được du nhập dưới thời Pháp vì những người Pháp dùng thịt bò làm nguyên liệu chính cho món bifteck và pot-au-feu. Tên món

súp của đất nước họ phát âm như chữ ‘cháy’ trong tiếng Pháp, chú Chiến của ông Hưng đã giải thích cho ông như thế rất lâu về trước.

“Chúng ta là một dân tộc thông minh”, chú ông đã từng nói thế. “Chúng ta lấy những gì tốt nhất từ bọn xâm lược và làm chủ nó. Nước mắm là một điểm mấu chốt – trong nấu canh và hơn cả vậy. Thậm chí còn là sự lãng mạn, vài người đã nói thế.”

Đó chỉ là một phần đau đớn của sự phân li giữa 2 miền Nam-Bắc vào năm 1954, khi phở vào miền Nam. Hàng triệu người đào tị vì muốn thoát khỏi chế độ Cộng Sản nhưng vẫn khắc ghi hương vị quê nhà trong vị giác và công thức chế biến trong con tim họ. Nhưng khi được những ngôi chợ Sài Gòn mở rộng tầm mắt, họ bắt đầu biến đổi công thức chế biến bằng những nguyên liệu ngoại nhập. Phở Sài Gòn đã được ươm mầm và nảy nở-sinh sôi từ sự tự do và trù phú của miền Nam, trong khi đó người miền Bắc ăn thứ nước phở lạt và loãng của người nghèo. Ở miền Bắc, thịt bò được thay thế bằng thịt gà, những tiểu thương tự do như ông Hưng bị buộc phải ngừng hoạt động theo lệnh nhà nước và được thế chỗ bởi các chuỗi cửa hàng bao cấp của chính phủ.

Những sự thay đổi này thật khủng khiếp, mang một sắc màu xám xịt như nước mưa đọng lại trong máng xối. Những ai đã đủ lớn để nhớ đến thời kì này đều cảm thấy biết ơn ông Hưng vì đã giúp họ quên đi cái vị ảm mốc trong miệng. Những đứa trẻ thế hệ của Tư có lẽ sẽ chẳng bao giờ tưởng tượng ra được. Tư chào đời trong giai đoạn chính phủ bắt buộc phải tiến hành công cuộc cải cách kinh tế vào năm 1986. Từ đó, thị trường được tự do hóa để khắc phục sự đói nghèo của đất nước, cho phép tư hữu trở lại. Chỉ khi đó thì những tinh hoa của phở mới có thể được khám phá một cách toàn diện.

Thử thách hiện giờ của ông Hưng là có quá ít nguyên liệu có thể dùng để chế biến hơn là việc phải tiết kiệm. Ông tự xem mình như là người bảo vệ sự thuần khiết của phở Bắc bằng việc tránh lạm dụng giá và rau xanh để trang trí, theo đúng như truyền thống miền Bắc. Người ta có thể mở cửa và hướng ra thế giới bên ngoài, nhưng điều đó không có nghĩa là họ phải quên đi nguồn cội. Ăn Bắc, mặc Nam. Người ta vẫn thường nói – ăn uống như kiểu miền Bắc, ăn bận như kiểu miền Nam – có những điều rất cơ bản phải được gìn giữ như một hình thức thể hiện sự tôn trọng truyền thống.

Ông Hưng là một người đàn ông tuân theo những nguyên tắc hơn là luật lệ, đặc biệt là những luật lệ cưỡng chế được thi hành bởi công an, những người hay gây phiền hà cho ông và khách hàng. Khi nhân viên công lực đến phạt ông vì tội lấn chiếm hoặc buôn bán không có giấy phép sau khi ông đã bình yên dựng cửa hàng trong vài ngày, thì khách hàng của ông sẽ buộc phải ôm bát bỏ chạy, với nước phở văng tung tóe vào chiếc áo sơ mi vừa mới ủi, những cọng phở

roi vương vãi đầy vỉa hè. Họ nhảy lên xe máy và nhanh chóng rời đi, hoảng hồn suốt cả ngày hôm đó.

Tội của ông Hưng thì ngày nào cũng như nhau, nhưng thỉnh thoảng, công an lại khoái hạch hỏi một người đàn ông hơn là ghi giấy phạt. “Sáng nay ông đi tiểu ở đâu?”, điển hình là một công an đã hỏi ông như thế vài tháng trước.

Ông Hưng lắc đầu, câu hỏi quá vô nghĩa. “Ông đã tiểu tiện ở đâu hả ông già?”. Viên sĩ quan lớn tiếng đe dọa sẽ bắt ông về đồn vì tội chống người thi hành công vụ nếu ông vẫn không chịu trả lời.

Ông Hưng miễn cưỡng chỉ về một trảng cỏ và hỏi: “Bây giờ việc tiểu tiện cũng bị xem là phạm tội à?”

Dĩ nhiên là không, nhưng đó rõ ràng là một trảng cỏ mà ông vì không biết nên đã vô tình đứng đến. Tại trảng cỏ được hiến tặng này, bộ lao động, thương binh và xã hội sắp tới sẽ cho xây dựng một đài tưởng niệm các anh hùng, liệt sĩ đã hi sinh trong cách mạng. Và thế là ông Hưng đã bị bắt giữ ngay lập tức với tội danh xúc phạm Đảng Cộng Sản, đó là nói thế, bởi chỉ một bên kết tội.

Ông cho rằng buổi tối đó sau song sắt, nằm trên nền xi măng và đi tiểu vào một cái xô, như thế vẫn còn nhẹ hơn cái lần ông đã bị buộc tội lăng mạ Đảng. Thế là họ đã bắt ông phải im mồm bằng cách đánh báng súng vào miệng ông, làm gãy mấy cái răng cửa.

“Tại sao phải lãng phí tiền bạc vào mấy bức tượng đó chứ?” ông hét lớn sau khi Bình đã hối lộ để ông được thả ra khỏi trại giam lần thứ hai. “Tại sao phải có một đài tưởng niệm khác cho cách mạng chứ? Đã năm mươi năm rồi. Ôi, giá như họ có thể nghe được những câu lăng mạ trong đầu bác...”

“Họ đã từng thề rằng họ đọc được suy nghĩ của chúng ta rồi ạ”, ông Bình nói. Rồi họ lang thang cùng nhau, lẩm bẩm như hai lão già dù rằng trong suốt ba mươi năm qua, họ đã có lần thật sự tin vào đường lối của Đảng.

Ông Hưng phục vụ ông khách cuối cùng trong buổi sáng và nhìn sang chỗ Bình và Tư, cậu vẫn đang tính toán gì đó trong không khí với đôi đũa của cậu. Ông Bình thì đang ăn một cách chăm chú. Ông tự hỏi đến lúc nào thì Tư mới lập gia đình. Ông hi vọng mẹ của Tư, bà Anh, sẽ sớm chú ý đến chuyện này, nếu không Tư sẽ trở thành người cuối cùng của dòng họ được ông Hưng phục vụ mất.

Tiếng lanh canh của thìa kim loại va chạm với sứ đột nhiên bị gián đoạn bởi tiếng hét lớn, nó vang vọng trong quả thận thiếu máu, dội lại từ bên này sang bên kia. Những cọng phở lẫn nữa đập vào những cái cằm của thực khách trước khi lạng lẽ rút xuống. “Mấy người đang làm cái

quái gì ở đây hả?” một người đàn ông hét lên, bước xuống trong một đôi ủng nặng nề. “Tôi đang giám sát dự án này. Tôi sẽ kêu tổng giam hết mấy người nếu không cuốn gói ngay tức khắc!” Ông ta đập đập cây xà beng lên lòng bàn tay chai sạn của mình.

Ông Bình đứng dậy và mọi cặp mắt đều đổ dồn về ông. “Thưa ông, ông phải ngửi thử nó,” ông nói, gật gật đầu với tô phở trên hai tay.

Ông Hưng cảm thấy luồng một luồng nhiệt huyết tự hào bơm đầy lồng ngực. Bình thật sự là con của ông, không phải là huyết thông mà là tấm lòng của Bình. Trong bất kỳ trường hợp nào, thế nào là máu mủ mà không có mối quan hệ, không sự sẻ chia trong cuộc sống? Ông Hưng đã đến mức tin rằng nó không cần là một thứ máu đỏ.

Một bầu không khí im lặng bao trùm cả hồ bơi khi viên quản đốc bước đến chỗ Bình và hỏi rằng họ có biết đang kinh doanh ở khu vực tư nhân không, rằng họ làm cái gì mà lại tụ tập ngồi xõm ở đây như đang trong giờ ăn cơm hợp tác xã.

“Đây là bí mật lớn nhất của Hà Nội”, Bình nói, đôi mắt ông hạ xuống nhìn tô phở một cách tôn kính. “Nghiêm túc mà nói, ông nên thử cho biết, tô phở này sẽ thay đổi suy nghĩ của ông.”

Bỏ mặc sự đe dọa của cây xà beng gỏi, bỏ qua những nỗi đau đã trở nên quen thuộc gây ra bởi thứ công cụ này, ông Hưng biết đây là cơ hội của ông. Ông bước qua những mảng bê tông trên đôi dép của mình. Ông đưa tô phở nghi ngút hơi nước đến gần mũi người quản đốc. Thực khách của ông cũng hít mạnh vào như thể đang sẻ chia chung một buồng ngực. Không một ai tạo nên âm thanh gì khi viên quản đốc liếm môi và cầm lấy đôi đũa từ ông Hưng. Ông ta đẩy đầu đũa xuống tận đáy tô và kéo những cọng phở lên cao, tạo nên một làn sóng nhấn chìm những cọng hành xuống đáy trước khi chúng trôi lên lại, trộn lẫn phở và nước dùng theo cái cách mà bất cứ người mẹ nào cũng dạy con mình như thế từ nhỏ.

Viên quản đốc chứng tỏ mình cũng như những đứa trẻ bình thường đó. Ông nghiêng tô và hít lấy một hơi khi thả những cọng phở xuống ngập trong nước phở, rồi quán một vài sợi giữa đôi đũa và đưa chúng lên miệng. Những người thợ nề đứng xung quanh viền hồ bơi, nhìn sếp mình một cách lạnh lẽ. Viên quản đốc húp hết nước phở trong muỗng, sau đó lấy đũa gấp và cuộn tròn vài cọng phở lên, quán lại và đặt vào trong muỗng, rồi lại gấp một lát thịt bò đặt lên trên, rồi sau đó là một cọng húng quế đặt lên trên cùng. Cuối cùng, ông ta đưa cái hỗn hợp hoàn hảo, cân bằng như âm với dương này vào miệng.

Và rồi ông lẩm bẩm gì đó.

Cuối cùng quay sang nói với Bình “Tôi hiểu ông muốn nói gì rồi”, đoạn trả tô lại cho ông Hưng.

“Hãy mang tô của cậu đến vào ngày mai, cả họ nữa”, ông Hưng nói một cách nhẹ nhàng, cùng đó nheo mắt nhìn về phía những người công nhân đang đứng ở trên rìa. Mắt trái của ông đã bị

khua, nhưng mắt phải vẫn có thể phân biệt được hàng người ngoài cùng. “Tôi chỉ lấy nửa giá cho họ, với cậu thì tất nhiên là miễn phí.”

“Cháu sẽ trả đầy đủ”, viên quản đốc đáp. “Chỉ cần ông và khách của ông rời khỏi đây trước 7 giờ là được.”

“Được, thưa ông”, ông Hưng trả lời, rồi quay trở lại cuối góc dập tắt bếp lửa. Ông cảm thấy run lên vì sung sướng, nhiều đến mức không dám nhìn sang chỗ Bình. Thay vào đó, ông cười với ngọn lửa, chia sẻ thắng lợi với than hồng.

Lúc này vẫn chưa đến sáu rưỡi – vẫn còn nhiều thời gian để kịp bán cho những người mới đến muộn. Ông Hưng lại bắt tay làm với một niềm hứng khởi và tập trung mới mẻ, ông cho những sợi phở và thịt bò vào tô bằng tay phải, đổ nước dùng từ trên xuống bằng tay trái theo một nhịp điệu đều đặn như những nhịp đập của con tim vậy.

Ông Hưng nhận biết mỗi người đàn ông làm nghề gì bằng cách nhìn vào đôi tay của họ: thợ sửa máy có các đầu móng tay bị đóng dầu mỡ, người thường làm việc với máy tiện có đôi tay đầy các vết chai sần, còn học sinh đang bận rộn thi cử thì lại có những móng tay bị cắn nham nhở.

Nhưng sao lại có sự hiện diện của một đôi tay nhỏ xinh trộn lẫn giữa đoàn diễn hành của những đôi tay đàn ông thô kệch này? Đó là những ngón tay mềm mại, mảnh mai của một người phụ nữ mà dường như chưa bao giờ phải làm lụng vất vả. Còn cái tô thì, chào ôi, nó sáng bóng và được làm từ sứ.

Ông ngước lên nhìn. Đứng trước mặt ông là một người phụ nữ trẻ, đẹp một cách cổ điển với các đường nét hài hòa, tinh tế, và mặc dầu cô ta không phải là một trong những thực khách thường xuyên của ông, nhưng ông cảm thấy như có những nét thân quen trên khuôn mặt cô ấy.

Có lẽ Bình cũng nhận ra điều đó, bởi vì ông ta đã húng hắng ho đúng lúc ấy và đẩy con trai ra bằng tay áo – không có thời gian để mà lễ mễ đâu, đến lúc phải làm việc rồi.

“Cháu từng ăn phở của bác rồi phải không?”, ông Hưng hỏi, lái sự chú ý của mình vào người phụ nữ trước mặt.

Cô cất tiếng: “No”, qua cách phát âm chỉ một từ này đã làm lộ thân phận là một ngoại kiều của cô. Bận một bộ vest đen nghiêm chỉnh kết hợp với áo sơ mi trắng thẳng thớm theo phong cách doanh nhân khiến cô trở nên lạc lõng và xa lạ. Và hàm răng – trắng như tuyết và thẳng đều như những hàng thông trên núi Quyết như trong kí ức của ông khi còn là một cậu bé.

“Có thể bác đã biết cháu khi cháu còn bé chăng?”

“Cháu không nghĩ thế, thưa bác. Cháu lớn lên ở Mỹ. Nhưng có lẽ bác biết bố cháu – Lý Văn Hai.”

“Lý Văn Hai?”, ông Hưng lặp lại. Cái tên đó không hoàn toàn xa lạ với ông, nhưng nó là một âm thanh xa xăm, như tiếng chuông chùa vọng lại từ một thung lũng xa xôi nào đó.

“Bố cháu đã từng là một nghệ sĩ ở đây những năm năm mươi hồi trước.”

Ông Hưng thôi không quây chiếc môi múc phở nữa. Gượng đã, người phụ nữ này là ai? Cô ta muốn gì? Phải chăng chính phủ giờ đây lại đi thuê một người phụ nữ ngoại kiều trẻ đẹp để làm gián điệp? Và hẳn cô ta được thuê để giăng bẫy ông, sau ngần ấy năm đã trôi qua, ông lại phải thừa nhận rằng đã đồng lõa với những người ủng hộ Phong trào Nhân Văn?

Ông Hưng duỗi thẳng lưng, sẵn sàng tư thế phòng vệ. Nhưng khi ông thấy mặt cô bỗng trở nên nhợt nhạt, ông tự nhủ: Cô gái này không phải là gián điệp.

“Xin lỗi bác” cô gái nói như thì thầm. “Cháu biết điều cháu sắp nói nghe thật hoang đường và khó tin, nhưng cháu nghe bảo bác biết nhiều văn nghệ sĩ thời trước. Trước đó cháu đã mất cả năm để tìm kiếm nhưng không một ai biết gì cả, và cháu chỉ...”, giọng cô nghẹn lại trong khi đôi vai thì chùng xuống. “Cháu chỉ hi vọng rằng có thể bác quen biết bố cháu.”

Ông Hưng háng giọng, không biết phải nói gì lúc này. Người nữ doanh nhân thành đạt trước mặt ông phút chốc biến thành một cô gái đáng thương. Một người con đi tìm cha. “Một người đàn ông gốc Hà thành, phải không?”

Cô chăm chú nhìn ông, cái nhìn làm ông bất động trong tư thế đang cầm cái môi múc nước phở giữa chừng không. Ở cô toát ra cái vẻ dễ bị tổn thương với đôi mắt lấp lánh như những viên ngọc trai đen, chiếc cằm rung nhè nhẹ, và nét mặt cô trở nên thật khó đoán.

“Bố cháu sinh ra ở Hải Phòng, nhưng ông chuyển đến đây sống để tập huấn tại trường nghệ thuật École des Beaux Arts vào cuối những năm 1940”, cô trả lời.

Cũng đã nhiều thập kỉ trôi qua kể từ khi một người con gái đẹp nhìn ông theo cái cách như vậy. Lan là cô gái cuối cùng từng nướng mắt chờ đợi câu trả lời của ông. Nó gần như là không thể chịu đựng nổi. Giá như ông có thể đem đến cho cô gái này, và ngay cả cho ông nữa, một sự nhẹ nhõm. Nhưng thành thật là ông không thể nhớ bất cứ chuyện gì về Lý Văn Hai, ngoại trừ những mảng kí ức rời rạc.

“Tên bố cháu nghe quen quen”, ông Hưng nói và tiến lại gần. “Còn gì về ông ấy mà cháu biết nữa không?”

“Ông ấy bị gửi đến trại cải tạo vào năm 1956.”

“Rất nhiều người cũng thế,” ông Hưng lặng lẽ thêm vào.

“Nếu vậy bố cháu hẳn có bạn chí cốt trong trại rồi.”

“Đúng là thế, có khi còn là vài người rất giỏi.” Ông trả lời và cảm thấy một sự khẩn thiết để được chia sẻ với cô niềm tự hào về những tác phẩm văn thơ và nghệ thuật sản sinh ra từ phong trào nhân văn-giai phẩm, về sự can đảm của các văn nghệ sĩ ông biết thể hiện qua sự chống đối, tầm tác động và nguồn cảm hứng trong những tác phẩm của họ.

Nhưng ông đã không nói gì khác ngoài: “Hãy quay lại đây một lúc nào đó. Có thể bác sẽ nhớ ra được điều gì về bố cháu.”

Cô lấy ra danh thiếp của mình và đưa cho ông. Ông liếc nhìn những dòng chữ viết bằng tiếng Anh và gật đầu một cách kính nể dù rằng ông chẳng hiểu lấy một từ nào cả.

Từ ngồi sau bố anh trên chiếc Honda Dream II khi họ đang trên đường về khu phố cũ sau khi đã xong bữa sáng. Hai người họ len lỏi tìm một lối đi trong dòng xe đông đúc và chật chội tạo nên bởi xe máy, xe đạp, xích lô, người đi bộ, xe hơi, xe chở hàng và những người bán hàng rong với đòn gánh trên vai trong bầu không khí đầy khói và sương sớm.

“Bố chưa từng gặp cô gái đó trước đây ợ?” Tư to giọng hỏi khi bố anh giảm tốc độ để quẹo cua.

“Đã nói rồi, chưa” ông Bình hét trả lại qua vai mình.

“Theo bố, cô ấy muốn gì?”

“Không rõ, thật là một buổi sáng kì quặc”

Ngay cả điều tốt lành xảy ra cũng thật kỳ lạ. Bố của Tư dường như sở hữu sức mạnh của trăng non - khi nhìn lại chiến thắng sáng nay của ông với viên quân đốc. Mặc dù bố cậu vốn dĩ là một người đàn ông kín đáo và bảo thủ, Tư đã thấy ông biết bao nhiêu lần vượt qua mọi gian nan trắc trở. Trọng trách của họ là chăm lo và bảo vệ ông Hưng, nhất là khi ông ngày càng trở nên già yếu. Đạo gần đây mắt ông đã mờ, đi lại có phần nào khập khiễng và chậm chạp hơn. Tư cảm thấy đau lòng khi nhận ra rằng người chiến binh đường phố bất bại hôm nào đang dần bị khuất phục bởi tuổi tác. Tư bóp vai bố một cách trêu mếu trước lúc nhảy xuống khi xe của họ dừng trước khách sạn Metropole, khách sạn tốt nhất của Hà Nội, hay có thể nói là đã từng tốt nhất Đông Dương. Cậu bước lên bậc thềm và tiến vào đại sảnh. Những chậu cảnh khổng lồ, những chiếc đèn treo và quạt trần như tạo nên một bầu không khí sống động thời thuộc địa. Phương là người bạn thân nhất và là người đồng hành trong chủ nghĩa phiêu lưu của Tư; cũng lúc đó bước vào sau Tư. Phương trông có vẻ cáu kỉnh và ám mùi của một quán Karaoke khuya. Cậu ta quên cạo râu nên đôi môi trông như dính vào với nhau. Phương rõ ràng là không mặn mà với việc cần có một tô phở cho hoạt động hằng ngày.

“Cậu đã lỡ mất một vở kịch hay sáng nay đấy,” Tư nói.

Phương đáp: “Tớ đã xem quá đủ kịch cho sáng nay rồi.”

Phương là một tài xế, còn Tư vì khá tiếng Anh hơn nên làm hướng dẫn viên; mặc dù vậy, họ cùng ở trong đội A của được văn phòng lữ hành Bình Minh Mới (New Dawn Tour Agency) mượn. Cả hai đều bận áo thun đồng phục và mang giày Nike có đế màu vàng như màu xoài chín. Tên trong nghề của Phương là Hanoi Poison, viết tắt là Hanoi P. Phương bảo cách gọi đó là để thuận tiện cho khách ngoại quốc vì họ khó mà phát âm được tên của cậu; Nhưng thật ra đó cũng là từ nghệ danh Rap của cậu ta mà ra. Phương đang nuôi mộng trở thành một ca sĩ đọc rap nổi tiếng. Cậu ấy có một nền tảng âm nhạc vững chắc với danh tiếng ngày càng đi lên và lượng người hâm mộ đông đảo, nhưng quan trọng nhất là cậu thật sự có tài năng. Phương thử pha trộn tên của Tư kiểu như là Tư-Dangerous (Tư nguy hiểm), hay TaTư...nhưng Tư không hứng thú lắm. Tư bảo: “Tớ là một người cổ hủ thế đấy, hãy cứ để là chính nó vậy đi.”

Tư gặp Phương vào hai năm trước, khi họ cùng giảng dạy tại một trường phổ thông ở quận Đống Đa. Tư khi ấy hai mươi và vừa mới chán nản nhận ra rằng tình yêu toán học hoàn toàn khác với việc yêu thích giảng dạy nó. Cậu sợ hãi khi nghĩ bốn mươi lăm năm nữa mình mới được về hưu. Nhưng khi nghĩ đến nỗi cực nhọc mà bố mẹ cậu gặp phải lúc họ mới bắt đầu đi làm, Tư không cảm thấy mặc cảm tội lỗi nữa.

Ông Bình và bà Anh từng làm ở nhà máy KAO của Nga trong vài năm, họ tham gia sản xuất bánh bóng bàn và nhận được rất ít tiền cấp dưỡng. Bố của Tư làm ở bộ phận nhựa, bà Anh phụ trách việc kiểm tra độ nảy của bóng, bởi thế nên Tư từng có một hộp cạc-tông đựng đầy những quả bóng trắng bị lỗi để chơi khi còn nhỏ. Nhưng vào thập niên 1980, liên bang Xô Viết bắt đầu trở nên suy yếu. Bị mất nguồn Viện trợ từ phía Xô Viết, nhiều nhà máy buộc phải đóng cửa hàng loạt. Việt Nam trở thành một đất nước không bạn bè, đói nghèo và rơi vào tình trạng khủng hoảng. Và thế là bắt đầu thời kì Đổi Mới - với những cải cách về kinh tế rất riêng của Việt Nam - kinh tế thị trường được phục hồi, cho phép một thị trường tự do để phát triển. Sự tự do hóa của nền kinh tế cũng từ đó hoàn toàn thay đổi cuộc sống của họ.

Bố của Tư giờ đây bận rộn với nghề mộc với việc nhiều đến làm không xuể. Ông đã mượn hai trợ lý, bốn thợ mộc có tay nghề, và một thợ học việc. Thế nhưng vẫn có quá nhiều yêu cầu đóng đồ mộc đến nỗi thỉnh thoảng ông phải từ chối vài đơn đặt hàng để làm cho kịp. Mặc dù có chí hướng muốn thành lập một doanh nghiệp tư nhân, ông Bình trông vẫn giống một thợ thuyền hơn là người người làm kinh doanh.

Trong khi đó, bà Anh, mẹ của Tư, đi gõ cửa từng cửa hàng bán thịt một đã được mở lại vào những năm 1990 cho đến khi bà tìm được một chủ hàng chịu lắng nghe bởi vì ông ta là đồng hương với mẹ của bà. Câu chuyện này giờ đây đã trở thành chuyện kể trong gia đình. “Chị hãy

nói tôi nghe chín cách để chế biến thịt heo cho dịp Tết, nếu được tôi sẽ xem xét coi có thuê chị không”, người bán thịt heo bảo. Mẹ Tư nhớ lại những đĩa thịt heo họ đã từng ăn trong dịp tết ở nhà bà ngoại. Bà miêu tả lại cảm nhận khi ăn một cái gói cuốn nhân thịt heo có lớp vỏ bánh trắng giòn rụm, cắn vào lát thịt heo mềm mại được cuốn giữa rau ngò mùa Xuân, vị mặn mà sắc sảo của tép mỡ phi thơm với hành, rồi cảm giác sự mượt mà của thịt heo thượng hạng được phủ sốt pa-tê mùi quế, hay sự mềm dẻo của xúc xích heo mềm, hay cảm giác tan chảy của mỡ trong món măng xào thịt heo, hay cảm giác sần sật của lòng heo nằm trên bát miến với xôi, hay bánh tét với nhân thịt heo đậu xanh được bọc trong lá chuối nấu cả ngày đêm. Chỉ đến lúc bà ngập ngừng, nhớ lại cái cách cha bà từng hồi tưởng về những đĩa thức ăn mẹ ông làm trong dịp tết thời thơ ấu ở Huế: món thịt heo hun khói, thịt lợn băm nhỏ lên men, hay món óc heo...thì người bán thịt lợn đưa ngón cái lên ngắt lời “Đủ rồi, tôi thuê chị. Dừng ở đây hoặc tôi đến phải đuổi việc chị mất.”

Tư không phải một lần làm việc trong nhà máy: cậu lớn lên trong một thế giới mà người ta được tự do lựa chọn nghề nghiệp của mình. Cậu có tư cách gì để phàn nàn về nghề giáo viên của cậu? Thế rồi cậu đã gặp Phương, một giáo viên dạy nhạc bán thời gian lớn hơn Tư vài tuổi. Phương dạy đàn bầu cổ điển hai ngày mỗi tuần. Khi đó Phương đang ngồi buồn bã trong phòng dành cho giáo viên, cậu đã gọi nghề của họ là một cái nghề chỉ nhận toàn sự vong ân bội nghĩa. Lúc đó, Tư cảm thấy mình đồng cảm với Phương, và từ đó giữa họ nảy sinh một tình bạn gắn bó, thân thiết.

Phương có tâm hồn và trí tưởng tượng của một nghệ sĩ và một doanh nhân, đủ để thổi bùng lên giấc mơ của cả hai. Khi năm học đó kết thúc, Phương đã thuyết phục bố của Tư ủng hộ quyết định nghỉ việc và đăng ký học ở trường cao đẳng Du Lịch Hà Nội của họ.

Các giảng viên ở trường cao đẳng đã bảo họ: Các cậu là thế hệ Đổi Mới, là những đứa con của sự đổi mới, là tương lai của Việt Nam - một tương lai phụ thuộc vào việc mở cửa, kể cả những cánh cửa mậu dịch và quan hệ quốc tế. Tư cảm thấy phấn khởi và tự hào khi được là người đi tiên phong trong tương lai, trong vai trò của một hướng dẫn viên đạt chuẩn quốc gia và đầy tự tin bắt tay với thế giới.

Khả năng tiếng Anh của Tư có lẽ tốt hơn Phương, nhưng cũng có nhiều khi Tư phải học từ Phương để hiểu rằng người nước ngoài thật sự muốn gì. Tư luôn tự hào là mình có một trí nhớ tuyệt vời, nên lúc đầu cậu hay dựa vào việc ghi nhớ một số lượng thông tin và chi tiết khổng lồ. Thí dụ cậu đọc thuộc và nhớ nằm lòng cuốn “Cẩm nang các phát minh” (*The Big Book of*

Inventions). Và nếu có một du khách nào đến từ Na-uy, cậu có thể gây ấn tượng bằng cách hỏi: Ngài biết phát minh nào nổi tiếng nhất của Na-uy không? Chính là bình phun.

Người du khách sẽ giương đôi mắt xanh lên nhìn người bạn đồng hành và nói: thật thế à. Tôi đã không biết.

“Vào năm 1926, một kỹ sư hóa, ông Erik Rotheim,” Tư có thể chêm vào như thế. Cậu cũng có ý định làm họ bất ngờ với những con số thống kê theo cái cách mà một nền giáo dục cộng sản hay chú trọng như diện tích của mỗi tỉnh thành của một quốc gia, số sinh viên tốt nghiệp từ các chuyên ngành, chiều dài của sông Cửu Long và sông Hồng, hay Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc.

Really.

Đến một ngày Phương phải kéo Tư sang một bên và chỉ ra rằng: “Khi họ nói really, nó có nghĩa là họ đang thấy rất nhàm chán.”

“Thật hả?” Tư hỏi lại.

“Thật.”

Tư tin rằng việc chia sẻ hiểu biết như thế đã giúp họ trở thành đội A. Nhưng cậu vẫn không ngừng học hỏi, và có lẽ đó là điều cậu thích nhất trong công việc này. Như người Mỹ vẫn thường nói: Không đau khổ, không thành công.

Sáng nay, Tư và Phương sẽ hộ tống một cặp vợ chồng trung niên người Canada đến vài ngôi làng gần đó. Tư thích người Canada, ngay cả nếu phát minh thú vị nhất của họ chỉ là chiếc túi đựng rác. (Thật thế. Năm 1950, ông Harry Wasylyk ở Winnipeg, Manitoba đã làm ra nó). Họ là những người tử tế, nghĩ về cái cách họ giới thiệu bản thân luôn làm cậu vui thích thú: Hello, rất vui khi gặp các bạn, chúng tôi đến từ Canada, các bạn có thấy những chiếc lá Phong được khâu vào túi đựng đồ của chúng tôi không? Đất nước chúng tôi dù sát bên nước Mỹ thật nhưng lại hoàn toàn khác biệt với người hàng xóm phương Nam này. Thực tế thì chúng tôi đã cung cấp nơi cư trú cho một lượng lớn những người tị nạn phản đối sự can thiệp của người Mỹ ở Việt Nam - khủng khiếp, chiến tranh thật là khủng khiếp, U.S.A thật là tồi tệ, ôi, George Bush, và rồi thì Iraq, ôi tệ thật, tôi không muốn lại lần nữa về Iraq nữa...

Vâng, vâng, Tư sẽ gật gật đầu và mỉm cười, bởi vì cậu không muốn nói về một sự thật khiến họ cảm thấy phức tạp hay bất đồng quan điểm. Đó là ý nghĩa của việc tránh đụng chạm. Chiến tranh đã qua đi một thời gian dài, từ trước lúc Tư sinh ra. Hơn nữa, cậu cũng đồng tình với phần lớn bạn bè cậu rằng mọi thứ vĩ đại đều được phát minh ở Mỹ. Blue Jean là một ví dụ điển hình, rồi Nikes, Tommy Hilfiger, MTV, Nintendo hay Internet. Và hơn nữa, dù người Việt Nam đã đánh bại người Mỹ, họ không đi khoe khoang điều đó, nhưng đó là sự thật. Không như

người Trung Quốc, dày xéo người Việt cả ngàn năm, hay người Pháp đã tra tấn và tàn sát cả thập kỷ, bắt người Việt Nam phải làm nô lệ ở chính đất nước của họ và cướp hết tự do từ tay họ.

Những suy nghĩ miên man cứ trôi lơ lửng trong đầu Tư như quả bóng bàn, nhưng không vị khách nào nghi ngờ cả. Tư làm việc rất chuyên tâm và tận tình để gây ấn tượng với họ bằng bản chất tốt đẹp của cậu và làm họ hài lòng với sự phục vụ tốt nhất, đi kèm với nụ cười thường trực trên môi.

Những du khách Canada ngày hôm nay đến từ Quebec, và đây cũng là lần đầu tiên Tư gặp những người Canada đã từng bị Pháp đô hộ. “Chúng tôi trước đây cũng là thuộc địa của Pháp, chắc ngài cũng biết.” Tư bắt đầu câu chuyện với họ trong thang máy như thế để tìm kiếm sự tương đồng.

Tuy nhiên phản ứng của họ khiến Tư đã thức gần như cả đêm qua trong một quán cafe Internet. Hôm nay, cậu hi vọng có thể ghi điểm bằng những hiểu biết tinh tế về lịch sử và văn hóa độc đáo của họ. Cậu sẽ cần nó, vì Phương với vẻ xanh xao và cấu kính, có vẻ như sẽ không giúp được gì thêm.

Tư nợ bạn của mình vì đã thay đổi cuộc đời cậu, cậu xem Phương như một người anh. Với Tư, cậu cũng xem mình như một người em, và Phương cũng là người cậu hay đem ra so sánh với mình. Phương cao và gầy hơn, và Tư thì kém hơn vì thừa hưởng cái tật hơi khuynh chân từ bố cậu. May mắn là chiếc quần Jean thun đã giúp che nó đi. Chỉ ít đôi mắt của cậu rất tốt và không có nguy cơ phải cần hỗ trợ kính đeo mắt như bố cậu. Tư cũng không có nụ cười sáng như Phương, vì hàm răng trên của cậu đã bị xỉn màu dưới tác dụng của thuốc kháng sinh cậu phải uống từ nhỏ - và đó cũng chẳng phải là lỗi của cậu. Tay của Tư ư? Hơi nhỏ một xíu, nhưng lại được bù đắp bằng kích cỡ và sự hăng hái của “thằng em” cậu - mà cô vợ tương lai của cậu chắc chắn cũng sẽ công nhận như thế.

Hiện giờ thì Tư chưa có ai làm ý trung nhân. Một sự mai mối qua gia đình luôn là lựa chọn tốt nhất. Ngay cả khi Phương thích lựa chọn một cô gái ngẫu nhiên cho chính mình, với tư cách là anh trai của Tư, Phương cũng đã giới thiệu bạn gái cho cậu hết lần này đến lần khác.

Giáng sinh năm trước, Phương cứ nói mãi về một cô gái. Mặc dù Tư lúc đầu cũng cảm thấy thú vị, nhưng càng về sau cậu trở nên kém hứng thú khi phải nghe mãi về việc làm từ thiện của cô ta. Cuối cùng, lúc Phương giới thiệu họ với nhau, Tư tưởng tượng đó là một người với chiếc đầu cạo trọc nhẵn thín, khoác chiếc áo vàng nghệ, và không còn thích thú với sự lãng mạn hay chuyện thể sự như thể xác. Thay vào đó, cậu lại được giới thiệu với một cô gái xinh xắn ăn bận

như thể là người giúp việc của ông già Noel Santa. Cô ta mặc một chiếc váy ngắn với các sọc ngang màu đỏ và trắng, tóc buộc theo phong cách đuôi ngựa của nữ sinh Nhật bên dưới chiếc nón mềm kiểu ông già Noel. Thốt nhiên lúc ấy Tư cảm thấy rất ngượng. Cậu cũng cảm thấy nhiều cảm xúc khác, nhưng ngượng ngùng có lẽ ở vị trí thứ hai trong cái danh sách ấy.

Đó là đêm giáng sinh mà ba người bọn họ đã cùng với hai nghìn con chiên khác chiêm ngưỡng máng cỏ được trang trí bằng đèn nê-ông màu xanh dương tại nhà thờ thánh Joseph. Có những bong bóng, cờ hiệu phất phơ trong gió và những dải băng giả tuyết trôi nổi trong không khí phía trên cao. Một cầu vòng tạo nên từ những tia sáng đầy màu sắc trên đỉnh nhà thờ và âm nhạc phát ra từ những chiếc loa khổng lồ trên bậc tam cấp nhà thờ, nhưng bây giờ Tư chỉ còn cảm nhận được hơi ấm mờ ảo tỏa ra từ chiếc váy của cô gái khi cô đứng chen giữa họ. Tất cả những gì cậu nghĩ được là mùi nước hoa từ cơ thể cô làm lu mờ đi mùi nhựa áo quần, tất cả những gì cậu nhận thức được là đột nhiên tay cô gái đã nằm trong tay cậu, đầu cô dựa vào vai cậu, và mọi âm thanh cậu nghe được chỉ còn là tiếng thì thầm của cô bên tai “Anh có thể hôn em, anh có thể chạm vào em, nếu anh muốn thế.”

Tư cảm thấy sốc: họ bị ép vào nhau trong đám đông, cô xoay người lại đối diện với cậu, khiến mũi cậu chỉ cách mũi cô gái một cách sít sao, và cảm tay cậu đặt lên ngực cô, đầy tròn như chiếc bánh ngọt được làm bởi một tiệm bánh Pháp, với nhũ hoa như một hạt nho khô cứng. Rồi cô thông tay cô xuống giữa họ, và mặc dù không còn chỗ để dịch chuyển, cô vẫn gắng để chà xát “thằng nhỏ” của cậu qua lớp quần jean. Tư bị hạ gục ở giây thứ ba mươi, ừ ừ một âm thanh như tiếng chó rên nho nhỏ.

Từ đó Tư đã không bao giờ còn thấy lại cô gái đó. Cậu cố gắng liên lạc với cô ngày sau đó nhưng số điện thoại của cô không tồn tại. Chỉ khi cậu hỏi Phương, “Cô gái ấy, cô ta không...? Phương, cậu không...phải cậu?”

“Giáng sinh vui vẻ, chiến hữu.”

Tư đã thật sự rất bối rối về tất cả mọi chuyện, cậu tự nhủ phải chăng đây mới là ẩn ý thật sự của “việc từ thiện” mà Phương hay nhắc tới. Cậu vẫn còn giữ ký ức ấy và mơ về bữa ăn sẽ đến khi cậu kết hôn, bởi vì nếu cậu chưa từng gần gũi một cô gái nào đến mức độ như vậy, cậu phải có trách nhiệm cưới cô ấy, cho dù cậu không muốn cưới tuýp con gái ấy. Cậu muốn vợ mình là một cô gái trầm lặng và truyền thống, người mà cậu có thể tự hào giới thiệu với mọi người trong gia đình mình, người sẽ trở thành một phần tử của gia đình họ, vì cô ta sẽ đến sống cùng cậu và bố mẹ cậu như truyền thống bắt buộc, bởi vì Tư là đứa con trai đầu lòng và duy nhất.

Hơn hết thấy, vợ tương lai của cậu phải thể hiện sự kính trọng to lớn đối với ông Hưng. Già Hưng là trưởng lão của gia đình họ, theo một cách phức tạp và độc đáo nhất, vượt qua huyết thống. Bố của Tư biết ông già Hưng từ thời thơ ấu, từ trước khi ông trở thành một lão già và chỉ đơn giản là Hưng. Ông là người đã giữ cho ngọn lửa tinh thần của ông Đạo, ông nội Tư, luôn bùng cháy, giữ chặt nó qua hàng thập kỷ của nghèo đói và chiến tranh, và kiên nhẫn chờ đợi cái ngày mà ông có thể chia sẻ nó, truyền nó lại.

Già Hưng đã hiện diện trong mọi sự kiện quan trọng của cuộc đời Tư. Từ ngày cậu được sinh ra, mỗi dịp Tết, cho đến ngày tốt nghiệp của cậu. Tuy nhiên, việc già đi trông thấy rõ của ông Hưng trong vài tháng gần đây khiến Tư lo lắng sự hiện diện của ông Hưng trong các mốc cuộc đời còn lại của mình chỉ đếm trên đầu ngón tay. Cậu không hề thiếu sự tôn kính với ông nội mình, ông Đạo, nhưng trong những sự kiện, và ngay cả trong đời sống hằng ngày, Tư cảm thấy ông Hưng mới là người ông thật sự của mình chứ không phải là nhà thơ huyền thoại có hình ảnh được vẽ lên mặt trái của một cái thùng giấy lật ngược trong căn lều ọp ẹp cũ nát của ông Hưng cạnh cái hồ bốc mùi hôi thối.

Việc giới thiệu một cô gái với ông Hưng sẽ là một bài kiểm tra sau cùng và khó nhất để đánh giá về đạo đức cô ấy. Ông Hưng còn nghèo hơn cả nghèo, và một cô gái vụ lợi sẽ liên tưởng từ mối quan hệ này và trở nên lo ngại cho cuộc sống sung túc của cô ta sau này. Ngay cả nếu Tư phải hổ thẹn bởi sự nghèo khó của ông già những lúc ấy, thì thực ra là Tư đang tìm một ai đó tốt hơn ông. Ngay cả Tư thỉnh thoảng cũng cảm thấy áy náy cho cuộc đời nghèo khó của người đàn ông này.

Ông bà Henri Lévesque vừa tiến vào sảnh, chấm dứt phút mặc tưởng của Tư. “You’ve slept well?” (Ông bà ngủ ngon chứ ạ?) Tư hỏi. “Had a satisfactory breakfast? You have enjoyed some of the amenities of the hotel such as the free Wi-Fi? You have your camera in your bag there? This is our driver, Phươg, and he will be taking us to the ethnic minority craft villages this morning. First in our journey, we will be crossing the Red River via one of the city’s three bridges. The Red River comes to us from China through the Honghe Autonomous Prefecture in Yunnan Province and runs in a southeasterly direction for a total of 1,175 kilometres before emptying itself in the Gulf of Tonkin (Bữa ăn sáng có ngon không? Ông bà đã sử dụng những tiện nghi của khách sạn như là Wi-Fi miễn phí chưa? Ông bà có mang máy ảnh theo không? Đây là tài xế của chúng ta, anh Phươg, anh ấy sẽ đưa chúng ta đến làng nghề của một dân tộc thiểu số sáng hôm nay. Đầu tiên, chúng ta sẽ đi qua một trong ba cây cầu lớn nhất của thành phố bắc qua sông Hồng. Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc, xuyên qua vùng tự trị Hồng Hà của tỉnh Vân Nam và chảy theo hướng Đông Nam khoảng 1,177 cây số trước khi đổ vào vịnh Bắc Bộ).

“Thế à,” Phương làm bầm khi cậu dẫn họ xuống bậc cấp hướng về chiếc xe du lịch đang chờ. Ông Hưng vỗ nhẹ lên túi áo. Danh thiếp của cô gái trẻ được lồng trong đó cùng với cái danh thiếp của Tư, mà cậu kiên quyết bắt ông phải giữ bên mình mọi lúc. Ông trấn an Tư với một lời hứa trang trọng sẽ làm như thế, thậm chí có phần nào kẻ cả.

Ông Hưng sử dụng tất cả sức lực để đẩy chiếc xe qua những con đường đến chợ Hàng Da, nơi ông sẽ ghé thăm vợ của Bình, bà Anh, ở gian hàng bán thịt của bà. Bà là một người đồng sự rất tốt, luôn niềm nở tiếp chuyện ông sau khi đã mời ông nhâm nhi một tách trà hoa nhài nhẹ nhàng, nhưng hôm nay có thêm một sự khẩn trương trong hành động của ông: ông hi vọng chiếc danh thiếp có thể hé mở một đầu mối. Việc nóng lòng muốn nhớ lại vài chuyện, hoặc bắt cứ chuyện gì có liên quan đến bố cô gái sâu sắc đến nỗi có thể khiến người ta có những suy nghĩ hoang đường viễn vông, chưa kể là tự dằn dưng. Giờ đây ông phải xoay sở với lượng thông tin ít ỏi mà ông nhận được.

Khi ông Hưng đã thấm mệt vì đẩy chiếc xe gỗ, ông quay nó lại và nhấc lên, đôi cánh tay ông duỗi ra sau trông như ách vào một con bò đực. Ông có thể cảm thấy mặt đường gồ ghề dưới bàn chân trái của mình; đã đến lúc phải thay dép mới rồi. May thay, những chiếc dép nhựa đen lổ mốt đều rất rẻ. Ông nhớ có một thời gian không quá xa trước đây, khi mọi người không còn lựa chọn nào khác ngoài phải mang chúng. Trong vài năm đó họ chỉ có thể mua độc nhất một loại dép này ở những cửa hàng bao cấp. Hiếm hoi lắm một người mới may mắn tìm được một chiếc dép vừa chân, hay một cặp dép đồng bộ. Nhưng vì ai ai cũng phải đối mặt với cùng tình cảnh khó khăn, mọi người luôn chuẩn bị để tham gia những cuộc trao đổi đồ điên cuồng nhưng trong tinh thần ái trên đường phố.

Ngày nay, tinh thần cộng đồng như thế đã trở thành thứ hiếm hoi. Và giờ thì mỗi ngày ông Hưng đều đi qua một cửa hàng giày dép mới mở, ở đó những đôi giày được dán giá bằng cả Đồng lẫn Dollar Mỹ treo lủng lẳng như những quả chín. Những con đường của khu phố cũ cách đây không lâu còn ám mùi của sự mục nát giờ được tô điểm rực rỡ với hàng hóa nhập khẩu, những nơi đó cách nay không lâu chỉ cho ra những cụm khói rã rời mùi thối. Thi thoảng, sự hào nhoáng đó trở nên kịch cỡm quá mức cần thiết. Ở những thời điểm đó, ánh sáng chói như là quá sáng.

Ông Hưng dừng lại trước một ngôi chợ. Ông đã quá mệt, và cần phải nghỉ một lát. Ông nhấc cái nôi lớn nhất từ trên xe xuống và lật ngược nó, quăng xuống vỉa hè tạo nên một tiếng bùm của không khí rỗng. Ông nhóm ngời cho vững lên nó, chân mở rộng hai bên, và vẫy gọi người bán nước mía ra hiệu mua một ly. Ông tựa hai khuỷu tay lên hai đầu gối và dụi mắt bằng hai gót tay. Thật là một buổi sáng đầy kịch tính và cảm xúc!

Thấy Bình đứng lên và tiến đến viên quản đốc khiến ông quay lại những ngày hùng hổ đầu thập niên 1950, khi Đạo cùng với những trí thức và nghệ sĩ tụ tập với nhau để ăn sáng ở cửa hàng của ông Hưng, cái cửa hàng mà ông được thừa hưởng từ chú Chiến.

Bình, khi ấy vẫn còn nhỏ, ngồi trên một chiếc đôn gỗ bên cạnh bố, trông có vẻ sợ bị nước dùng bắn lên chiếc áo sơ-mi trắng khi cậu cúi đầu xuống tô và gắng điều khiển đôi đũa dài bằng những ngón tay bé xíu của mình.

Ông Đạo và những người đàn ông khác hoàn toàn không để ý đến sự khó khăn của cậu bé, ăn nhiệt tình như thể họ đã nhận được tin tức từ cuộc đấu tranh giải phóng và tham gia trong cuộc tranh luận nảy lửa về tương lai của Việt Nam. Sau khi bỏ tô xuống, nhóc Bình sẽ ngồi đợi một cách kiên nhẫn bên cạnh bố mình, trong khi ông bố lúc đó lại đang nguệch ngoạc trên một cuốn sổ bọc da hoặc tranh cãi về một quan điểm bằng cách đâm vào không khí với đầu điều thuốc đang cháy dở trong tay.

Ông Hưng một mình quan sát cậu bé. Và sự lạc lõng của Bình khiến ông mỉm lòng.

“Đến đây, cậu bé”, cuối cùng ông Hưng gọi, kéo Bình ra khỏi bàn. “Có một tổ chim trên khung của cái cửa đó”.

Cậu bé chạy băng qua phòng sau lưng ông Hưng, đến nơi mà ông đã chỉ về cái tổ chim nép dưới mái hiên.

“Có chim con không ạ?” ông nhớ Bình đã hỏi thế.

Ông Hưng cúi xuống khích lệ cậu bé trèo lên ngồi trên vai ông. Ông xiêu xiêu đứng lên, ép hai bắp chân cậu bé vào ngực mình. “Cháu có thấy được bên trong tổ không?”

“Có một quả trứng màu xanh ạ,” Bình đáp, giọng nói tràn đầy niềm phấn khích. “Khi nào nó sẽ nở ạ?”

“Bác sẽ nói cháu gì nào, chúng ta sẽ phải quan sát nó mỗi ngày cho đến lúc nở.” ông trả lời.

Một tối nọ, ông Hưng lấy một đôi đũa bằng ngà voi, tách ra và mài chúng cho đến khi vừa đủ nhỏ nhắn và sáng bóng. Ông đã kéo Bình thoát khỏi địa ngục trong buổi sáng tiếp theo bằng cách tặng chúng cho cậu. Cậu bé đã giữ chúng trong một tay và nắm chặt trước ngực khi cậu đi lại bàn của mình và ngồi xuống mà không bị ai chú ý. Mắt Bình sáng lên và tỏ rõ sự ngưỡng mộ khi cậu xoay chuyển và ngắm nghía đôi đũa dưới mọi góc cạnh làm cho ông Hưng trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, cảm thấy mình như là cha của cậu. Ông cảm thấy điều ấy lần nữa vào buổi sáng nay khi ông nhìn Bình tiến đến viên quản đốc: đó là niềm tự hào xuất phát từ tình phụ tử. Tuổi tác đã đảo ngược vai trò không thể tránh khỏi giữa của họ, đưa con trai giờ đây lại đang bảo vệ người cha của mình.

Thật là mềm mỏng và vị tha như Bình vẫn hằng thế. Thật là cứng rắn và lý tưởng như bố ông. Nhưng có lẽ tính chính trị của thời đại quyết định những nhân tố tất yếu làm nên một người đàn ông; có lẽ một nhà cách mạng chỉ là một nhà cách mạng trong giai đoạn kháng chiến. Ông Hưng không thể nói chính xác điều gì làm nên một người đàn ông. Nhưng ông biết rõ cái gì hủy hoại một con người.

Có lẽ cô gái tội nghiệp xuất hiện bất ngờ sáng nay cũng biết một vài điều gì đó. Nếu Lý Văn Hai là một trong số những người đàn ông đã từng thường xuyên đến tiệm ông Hưng, ông ta dường như đã không có một kết thúc có hậu.

Ông vỗ đùi, nói với chính mình, đúng. Đã đến lúc nói với bà Anh về cô gái và bóng ma bố cô ta. Ông Hưng chống tay lên đầu gối và khẽ rên lên khi đẩy mình đứng dậy. Ông thật sự đang già đi. Ông đã bắt đầu tự hỏi rằng đức Phật có gì cho ông ở thế giới bên kia, cũng có thể là sự đầu thai thành kiếp trâu bò hay sâu bọ.

Bà Anh khua con dao phay đang cầm trong tay để vẫy chào ông. Bà đặt con dao xuống và chùi đôi tay dính máu vào chiếc tạp dề trắng của bà trước khi tế nhị cầm góc cái danh thiếp ông Hưng đưa. Bà cũng không biết đọc tiếng Anh. Họ cần một ai đó cùng lứa tuổi Tư để dịch. Thế là bà Anh với gọi con của người bán cá, nhưng cậu ta lắc đầu: cậu ta là một cậu bé lớn lên trên thuyền, không phải trong lớp học.

Tin tức truyền đi khắp cái chợ nhỏ nhanh chóng đạt đến đỉnh của nó khi tám danh thiếp được chuyển khắp các quầy hàng ở chợ từ bàn tay dính máu đến bàn tay buôn cá, và cả bàn tay lấm bùn. Qua loa phóng thanh một giọng nói dội lại như cái ống xả, rề rề nêu đích danh tên và địa chỉ những người quên chưa trả lệ phí thu gom rác của họ, hay gia hạn bằng lái của họ, hay những ai đã mười tám mà không báo cáo để đi nghĩa vụ quân sự.

Ông Hưng đã quen với việc tên của mình được nhắc đến nhiều lần đến nỗi ông trở nên miễn dịch với loại sỉ nhục trước đám đông này. Ông hợp với những âm thanh nhỏ hơn, như tiếng thở và tiếng nấc của tự nhiên. Tiếng ếch kêu trong chảo nước ngập ngựa báo hiệu những ngày cuối cùng trong vòng đời của nó; tiếng chim hót trong những chiếc lồng ren. Mặc cho bao nhiêu năm ông sống ở Hà Nội đã trôi qua, ông Hưng vẫn nghe được tiếng chim Hoàng Yến hót át tiếng loa phát thanh, vượt lên tiếng nổ, tiếng vù vù của động cơ, và dàn hợp tấu của những tiếng còi xe. Ông vẫn có khả năng nhận biết và cảm thụ những âm thanh mà tự nhiên ban tặng. Khi /tám danh thiếp trở lại tay ông Hưng, nó bị vô số dấu vân tay in lên, nhưng một ai đó đã viết lên mặt sau bản dịch tiếng Việt.

MISS MAGGIE LY Curator of Art

Hotel Sofitel Metropole

15 Ngô Quyền Street
Luxury at the heart of Hanoi since 1901

CÔ MAGGIE LÝ - Giám Sát Quản lý Nghệ Thuật
Khách sạn Sofitel Metropole
Số 15 đường Ngô Quyền, tọa lạc ở trung tâm Hà Nội từ năm 1901

Chương 2. Một Sự Chấn Nối giữa các thế giới

Chiếc taxi chờ Maggie giờ đây đang bị mắc cứng trong dòng kẹt xe. Cô muốn chồm lên chỗ tài xế, đâm vào vô lăng và bóp còi inh ỏi cùng điệp khúc còi xe xung quanh. Nếu là vào một ngày bình thường nào khác, cô chỉ đơn giản là ngã đầu vào lưng ghế, không buồn bực dọc với giao thông Hà Nội, nhưng sáng nay cô lại có một cảm giác hoàn toàn mới lạ và tràn trề hi vọng hơn cả mấy tháng trước cộng lại. Cô đã kịp thoáng bắt gặp một ánh mắt nhận ra trong đôi mắt ông già khi ông nhắc lại tên bố cô, nó giống như cuối cùng cô cũng đã thấy một ánh sáng le lói dưới bức màn sắt. Cô muốn trượt tay xuống dưới, bất kể nguy cơ bị gãy, để mò mẫm xung quanh tìm một bàn tay ở phía bên kia.

Cô đã mất một năm bực bội và đau buồn tìm trong các kho lưu trữ mà không có bất cứ tài liệu nào liên quan đến bố mình. Thậm chí cũng không tìm ra bất kỳ mối liên hệ nào của ông trong những kho lưu trữ của bảo tàng mỹ thuật, ngay cả một catalogue của một cuộc triển lãm các tác phẩm của ở nơi có thể ông đã từng làm cũng không có. Sự hiện diện của bố cô ở trường mỹ thuật cũ của thành phố - École des Beaux Arts - cũng không có bất kỳ ghi chép nào chứng tỏ ông đã từng theo học. Các nhà kiểm duyệt đã xóa tên của những nghệ sĩ bất đồng chính kiến khỏi các ghi chép và ấn phẩm. Họ xem xét và thay đổi mọi thứ một cách triệt để và có hệ thống, để lại một lịch sử đầy những lỗ trống.

Nếu Lý Văn Hai không tồn tại trên giấy tờ, thì cô là con gái của ai? Và ai là người đàn ông với đôi bàn tay sần sùi như của một võ sĩ đấm bốc bởi một tai nạn mà ông từ chối kể lại, người đã dạy cô viết những chữ cái tiếng Anh với một cây bút được nắm chặt lại bởi đốt tay ngón cái và ngón giữa điều khiển cây bút, người đã dùng móng vuốt nguệch ngoạc vẽ những con vật cho cô biết, người nào đã cố gắng chỉ cô cách bắt chước động tác tay của mình khi họ đang quý cạnh nhau trên một sàn nhà trong căn phòng của họ ở Sài Gòn?

Ông ấy đã từng nắm tay cô mỗi buổi sáng khi họ đi bộ trên đường cùng nhau mặc dù ông không có khả năng nắm chặt. Mọi người cứ lầm tưởng ông là ông của cô vì ông đã tương đối lớn tuổi khi cô ra đời, và cô cũng là đứa trẻ duy nhất được sinh ra sau ba lần mang thai không thành công trước đó của mẹ cô. Tóc ông khi ấy đã trở nên bạc trắng trong suốt ba năm trong trại cải tạo sau khi ông trở về từ Mỹ.

Là một người đàn ông Việt Nam, nhưng bố của Maggie có những cách thể hiện tình cảm mà cô biết là rất khác biệt với cách thức thông thường như hôn lên trán cô mỗi khi ông tạm biệt cô ở sân trường mỗi buổi sáng - cô học tại trường học chỉ dành cho con cái của những người Việt Nam thân Mỹ và làm việc trực tiếp với người Mỹ. Mẹ cô là y tá, và bố cô là thông dịch viên vì thế mặc dù ông không còn vẽ được, ông vẫn thông thạo tiếng Anh nhờ vào bốn năm học tập ở Chicago trong đầu thập niên 1950.

“Bố đã nhớ con cả ngày hôm nay đấy.” Ông vẫn thường nói thế mỗi khi ông đón cô.

“Nhưng con ở đây trong lúc tới trường thôi mà bố. Cái chỗ bố đặt con xuống ấy.”

Cũng có những ngày cô được nghỉ học và ba người lại ở trong căn phòng bí bùng của họ, Buổi tối, Maggie nằm trên một chiếc nệm lò xo, bố mẹ cô chiếc còn lại, họ thường thì thầm với nhau về diễn biến của chiến tranh, hay lập kế hoạch cho việc gì đó. Bụng của Maggie căng lên như thể nó đầy những cá. “Nếu chúng ta có một chọn lựa,” mẹ cô thì thầm, và những con cá sẽ trở nên quấy rộn với cái đuôi của nó, cô hồi hộp lắng nghe.

Chỉ khi họ đang đứng chờ trên đường băng sân bay Tân Sơn Nhất năm 1975 để lên một máy bay quân sự của Mỹ, Maggie mới nhận ra được họ đã thực hiện lựa chọn gì. Bố cô đã bước ra khỏi vạch khi cô và mẹ lên máy bay, nhập bọn cùng những người đàn ông khác cũng đang đứng tụ về một phía. Maggie vùng ra khỏi vòng tay mẹ, chạy về phía bố cô, úp mặt vào bụng bố trong khi vòng tay ôm chặt lấy bắp đùi ông.

“Bé con”, ông nói, vừa cố gắng gỡ tay cô ra. “Nghe bố.” Ông quì xuống nhìn vào mặt con gái.

“Chúng ta không còn lựa chọn khác, Maggie à. Con có biết những ai đã làm tay bố thế này không? Con biết những người từ miền Bắc đó không? Họ đang tiến vào Sài Gòn.”

Hơi nóng bốc lên từ đường băng uốn gợn như sóng nước, và mùi của chiếc máy bay làm cho Maggie cảm thấy buồn nôn. Cô vùi mặt vào cổ bố, hít vào mùi cay cay của mồ hôi và hồ áo hòa quyện nơi cổ áo sơ-mi của ông.

“Phụ nữ và trẻ em phải được an toàn trước tiên, Maggie à”, bố cô nói trong khi vỗ vào lưng cô với móng vuốt của ông. “Bố sẽ đi trên một chiếc máy bay khác.”

Maggie nhìn qua vai mẹ cô trong bộ đồng phục y tá của bà, đang ẵm một đứa bé con ai đó. Xếp hàng sau lưng bà là hàng trăm y tá và các sơ đang nắm tay nhiều đứa trẻ khác hay ẵm những đứa trẻ sơ sinh đang khóc ré lên.

“Con quay về bên mẹ ngay đi. Hãy đi cùng với mẹ. Mạnh mẽ lên nào.” ông nói, đẩy cô đi một cách âu yếm.

“Nhưng bố...”

“Mẹ cần con, chuột con à

Khi Maggie đã bước ra khỏi ga đến của sân bay Hà Nội một năm trước, hỗn hợp mùi nhiên liệu máy bay, mùi mồ hôi và hồ áo của đàn ông khiến cô chỉ muốn thả túi xách xuống mà vùi mặt vào trong tay mình. Mùi của quê nhà không khác biệt gì lắm so với mùi của xa nhà: mỗi một lần hít vào là một pha trộn của thân quen và sợ hãi.

Việc xác nhận kết thúc ở đây. Maggie hòa mình vào một thành phố sáng lóa và nhộn nhịp, chứ không phải là một Hà Nội lạnh lẽo và tăm tối theo như miêu tả của mẹ cô. Nơi đây đã trở thành một nơi đầy hi vọng và năng động, mở rộng cửa với phương Tây, đón nhận sự giàu có và các cơ hội mới mẻ - mẹ cô hằng khó mà tin được cái tinh thần sục sôi và đầy adrenalin của ba triệu rưỡi dân đang theo đuổi giấc mơ của họ nhưng đồng thời lại thờ ơ với những vấn đề phát sinh cùng với sự đổi mới.

Maggie thấy mình như đang ở trong thế giới của thanh thiếu niên, một thế hệ đầy ấp hy vọng, kích thích, và không hứng thú với những chuyện xảy ra trong quá khứ. Họ phải tiến lên phía trước, đối mặt với tương lai, với phương Tây. Quá khứ được khép lại: cùng với những nỗi đau của nó, có lẽ; cả những điều hổ thẹn. Lúc này đây, Maggie chỉ có thể dựa vào những người đã lớn tuổi, những con người già cả, ốm yếu, với ký ức nhạt nhòa pha lẫn sự kinh hãi.

Vài tháng trước đây, trong một lần chịu trách nhiệm trưng bày tác phẩm của một nghệ sĩ trong phòng triển lãm của khách sạn, Maggie được người này mách cho biết một ông già, và kể cho cô về một quán cafe được thiết kế như một gallery nghệ thuật không chuyên đồng thời cũng là nơi triển lãm các tác phẩm nghệ thuật sáng tác trong những ngày đen tối trước thời kì Đổi Mới. Maggie đã tìm đến đường Nguyễn Hữu Huân ngay sau đó trong ngày. Cô dừng lại trước lối vào vài phút để cho đôi mắt thích ứng với ánh sáng bên trong. Những vết nứt lớn chạy ngang sàn gạch như thể tòa nhà từng trải qua một cơn địa chấn, và các thanh kim loại dày trên cửa sổ mang lại một cảm giác hình sự. Một vài người đàn ông ngồi trên những chiếc ghế đầu nhỏ đang uống cà phê, dưới bóng đèn nê-ông tù mù tỏa ra thứ ánh sáng xanh nhờ khắp căn phòng.

Khi cô đến gần nhà bếp, người chủ quán, ông Võ, mang đôi dép đen, tay cầm chổi, bước ra. Cô tự giới thiệu mình, nhưng ông Võ không mỉm cười. Mặc dù cô đã từng gặp phải sự tránh né từ các những người Hà Nội lớn tuổi bởi vì giọng Mĩ của cô, nhưng sự lạnh lùng của ông khiến cô phải đặc biệt thận trọng. Theo lời người họa sĩ, ông Võ nổi tiếng là cảnh giác với người nước ngoài, nhất là với những ai có hứng thú với nghệ thuật. Trong những năm gần đây, ông liên tục bị quấy rầy bởi những tay buôn tranh và người sưu tập tranh.

Các vách tường được treo đầy những tác phẩm nghệ thuật san sát nhau, như thể chúng tạo nên một bức tranh tường nối tiếp nhau. Maggie dạo quanh căn phòng, chăm chú nhìn lần lượt mỗi tác phẩm, cô nhận thấy nhiều tác phẩm không có chữ kí tác giả cũng như ngày tháng.

“Cháu được bảo rằng đây là nơi ta có thể nhìn thấy Hà Nội cũ một cách chân thực,” cô nói, hi vọng có thể xoa dịu ấn tượng của ông. “Bác biết tất cả những nghệ sĩ này ă?” cô ra hiệu về phía những bức tường.

“Tất nhiên,”

“Bác có biết Lý Văn Hai không ă?”

Môi dưới ông Võ cong lên. Ông nhún vai đáp: “Ông ấy hẳn là một trong những người bạn của ông Hưng”.

Maggie lắc đầu tỏ ý không hiểu.

“Ông Hưng là người bán phở,” ông Võ nói tiếp. “Nhiều năm trước, ông ấy có một tiệm phở và rất nhiều người trong giới văn nghệ sĩ đến ăn sáng ở đó, nhưng giờ thì ông ấy bán ở lề đường, luôn đi loanh quanh.”

“Bác biết làm cách nào để tìm ông ấy không ă?”

“Người ta thường nói phải tìm ông ta bằng lỗ mũi của bạn.”

Nhưng điều đó cần nhiều hơn là những giác quan của cô. Sau 3 tháng thăm hỏi hầu như tất cả mọi nhân viên, nghệ sĩ và đại lý cô biết, bất kì tài xế hoặc hướng dẫn viên nào đang đứng đợi ở sảnh của Metropole, cuối cùng cô đã gặp may. Hôm qua cô gặp được một phó bếp vừa mới nhậm chức của nhà bếp - một người phụ nữ Ấn Độ đã học nghệ ở Pháp tên Rikia Saddy nhưng nói tiếng Việt rất chuẩn.

“Tôi nghe bảo ông ấy nấu phở ngon nhất thành phố”, người phụ nữ nói trong khi rót cho Maggie một tách cafe đậm màu như chocolate nóng chảy.

“Nhưng nếu là phở ngon nhất thành phố, tại sao không nhiều người biết đến?” Maggie hỏi, trong khi tựa lưng quầy bếp bằng thép không gỉ.

“Tôi không cho rằng đó là một bí mật, nhưng chỉ một số ít người biết thôi. Tài xế của chồng tôi cũng ăn sáng ở đây.”

Trong ngày hôm đó Rikia gọi cho chồng cô. Cô đưa cho Maggie tên của một khách sạn mới đang được xây dựng phía bờ Đông của hồ Tây. “Anh ấy bảo mang theo tờ trước 7h sáng. Và nhớ chuẩn bị tinh thần bỏ chạy nếu cảnh sát có kéo đến.”

Và thế là Maggie đã mang theo tờ của cô vào buổi sáng ấy để gặp ông già Hưng. Và phải chăng có một thoáng nhận ra mờ nhạt trên gương mặt ông Hưng khi ông nhắc đến tên cha cô. Một khoảnh khắc rung động đã hé lộ sự kết nối giữa các thế giới.

Ông Hưng tựa toàn bộ sức nặng của mình lên chiếc xe để đẩy nó đi hết 100m cuối cùng của con hẻm bẩn thỉu dẫn vào khu ổ chuột. Ông dựng chiếc xe sau căn lều của mình và lôi những cái nồi xuống bờ ao, ngâm chúng trong bùn trong khi ông đi lấy nhựa đu đủ để giặt chiếc tạp dề.

Khi tra chìa khóa vào ổ, ông trông thấy một gói đồ nhô ra dưới mái tôn. Hẳn là Bình đã ghé qua để gửi cho ông cặp kính đây, cậu bé thật tốt bụng. Cái cái gọng cong queo đã thẳng thớm, và đôi tròng bẻ đã được thay mới.

Có rất ít chuyện ông có thể làm được để với đôi mắt bị đục thủy tinh thể của mình, nhưng với cặp kính, ít nhất tầm nhìn mắt phải của ông cũng được cải thiện. Ông Hưng lại có thể đọc được các chữ cái Cyrillic được chạm nổi trên tấm vải mà ông đã tự may thành một tấm nệm đệm rơm nhiều năm trước. Nếu dựa lên bức tường kim loại phế thải của chiếc lều, ông có thể đọc được tiêu đề của những bài báo cũ được ông chêm vào các kẽ hở để tránh gió đông. Nhưng ông đã từ bỏ thói quen đọc sách từ khi nào đó rồi vì đọc chỉ gọi lại cho ông những mất mát.

Ông Hưng mang chai mủ đu đủ xuống ao và phun lên chiếc tạp dề, sau đó chà sát tới lui bằng tảng đá dùng cho việc giặt trước khi rửa nó cùng với nồi nấu ăn của mình trong làn nước ao đục ngầu. Từ chỗ ông ngồi xổm trên bờ ao, ông có thể quan sát một cái tổ chim nằm lẫn trong bụi lau sậy, có hai quả trứng sắp nở. Ông nghĩ tốt hơn cả, mặc dầu, về lâu dài, một sự xa xỉ chỉ xảy ra những năm gần đây.

Cái ao có hệ sinh thái riêng của nó, phần lớn không được con người để ý, chỉ trừ khi cuộc sống của họ phụ thuộc vào đó. Ông Hưng, cũng như 150 người khác đã trôi dạt đến cái vùng lầy lội ở giữa một khu đất công nghiệp bỏ hoang ở rìa thành phố này, từ lâu đã là một quan sát viên tận tâm và hòa hợp. Ông Hưng đến từ nông thôn và những thứ liên quan đến nó vẫn ở trong ông. Ông biết điều kiện nào thuận lợi nhất để thúc đẩy sự lây lan của tảo, cũng như các chi tiết chính xác về chu kỳ sinh trưởng của chuồn chuồn, và nơi chôn giấu trứng của các loài vật sống trong hồ hay trên cạn. Ông là một học trò của thiên nhiên, như là một đứa trẻ được cha nó

khuyến khích học, thay vì tình bằng hữu mà ông có thể không bao giờ biết được thế nào ở cuộc sống đô thị.

Ngày ấy, ông Hưng còn trẻ, cũng như ông, những người tụ lại bên bờ ao này từ sau thập niên 1950 đã mất tất cả mọi thứ. Họ đã ăn cả chuột và chí trong tóc họ. Lều của họ được làm từ sắt phế thải, lau sậy đan lại và tre nửa. Cây gỗ thì đã bị khai thác theo sắc lệnh của chính phủ. Những ngôi nhà nhỏ và bếp vườn ở vùng đất này đều bị phá bỏ để thi hành cuộc cách mạng công nghiệp như bác Hồ chỉ đạo. Sự kết hợp của nhà máy sản xuất lốp quanh ao và việc xây dựng các khối nhà ở hợp tác xã ở bờ Đông thải ra những cụm khói đen khổng lồ trôi lơ lửng trên không trung đến nỗi ngay cả trong một ngày đẹp trời, mặt trời cũng chỉ chiếu được thứ ánh sáng màu cam yếu ớt xuyên qua những đám mây xám.

Nhưng thiên nhiên là một người chiến sĩ, và Hưng là người được ban tặng trí tưởng tượng của một người đầu bếp. Ngay lập tức ông đã nhìn thấy sự hứa hẹn ẩn dưới mặt hồ biếng nhác, đục ngầu, đầy lũ muỗi sinh sản. Không ai trong khu ổ chuột sẽ bị đói khát nếu như ông Hưng còn ở với họ, và thực tế trở nên rõ ràng một thời gian ngắn sau đó khi ông bắt được một con vịt trong đám lau sậy, con vịt đầu tiên bất cứ ai thấy trong hơn một năm qua.

Ông Hưng vặn cổ con vịt và nhổ lông nó trước khi đưa que sắt nóng lên những con đĩa đang hút máu ở bàn chân và mắt cá. Rồi ông lấy máu để làm tiết canh, lột da và chiên cho đến khi thành một dải vàng rộm, dùng lớp mỡ đã cạo từ dưới da để chiên và làm tăng hương vị những miếng thịt lườn đã được thái nhỏ. Ông luộc và nghiền nhỏ gan với một ít tiêu hột ông đã dự trữ sẵn, hầm cặp chân trong nước vắt ra từ một trái cam, rồi nướng cặp mắt và não con vịt trên một đôi đĩa nhón. Sau đó ông luộc mình con vịt, dùng tim và cật để nấu canh. Cuối cùng ông Hưng băm nhỏ tim, cật, phần thịt đen của cặp chân và bọc trong lá trầu, rồi xào những thứ còn sót lại với tỏi tây đại và củ nhãn tử xắt lát.

Mùi thơm tỏa ra nhanh chóng thu hút những người hàng xóm xung quanh, rồi họ lại thu hút những người ở phía ngoài, và chẳng bao lâu cả một hàng dài người đã đứng trước lều của ông - từ những người đàn ông ăn mặc rách rưới, bẩn thỉu, đến những phụ nữ và trẻ em gầy trơ xương gò má, da lở rỗ, xám xịt và đầy vảy. Mỗi người đều nắm chặt chén, đĩa và gậy đầu cầm ơn trước khi nếm thử các món ông Hưng đã làm.

Bản thân ông Hưng hôm đó đã quên cả ăn. Ông gần như quên cả thở và cơn đói bụng khi nhìn thấy một cô bé với bà của cô ở lều kế bên đang tiến lại gần, cô gái duyên dáng và mảnh mai như cánh hạc có làn da như thể màu ngọc trai hay trứng gà.

Cô không thuộc về chốn này, ông muốn nói thế. Trời ơi. Cô phải làm nữ hoàng mới đúng.

Ông Hưng ngắm cô bé ăn trông như chú chim thanh nhã nhất trong những loài chim, và nhận ra rằng ông vẫn đang chăm chú nhìn về phía lều cô gái sống cùng người bà hằng giờ sau khi cô đã khuất dạng.

Mọi người cảm ơn cậu về bữa tiệc bằng những món quà nhỏ vào ngày hôm sau - một mảnh thiếc gỉ, một cành cọ dừa, một đoạn ống tre, một tờ báo cũ, một mảnh gương vỡ - từng mảnh một cùng nhau xây nên chiếc lều của ông Hưng. Cô gái lều bên cũng xuất hiện, tặng ông hai mảnh vỏ khô của cây hồi. Cô thả chúng vào lòng bàn tay đang mở của ông không một nhướng mắt. Rồi cô cất tiếng, thánh thót như tiếng chim hót: “Từ bà của cháu ạ.”

Ông Hưng khó mà tin được cô bé thật sự hiện hữu.

Trong khi ông cảm thấy cần phải đi cảm ơn những người bạn và hàng xóm mới vì những món quà của họ, một phản động cơ của ông xuất phát từ lòng ham muốn được đãi họ và cả cô ăn vào tháng sau để được gần cô hơn.

Bữa tiệc thứ nhì, ông đã đun và xỏ những con rắn nước trên một que nướng. Ông Hưng nướng những con cá nhỏ xấu xí có những cái miệng từ thời cổ đại trên lửa. Ông luộc những quả trứng vịt bé xíu trong nước muối, rồi ướp những lát trứng đó trong nước dấm lên men. Tiếp đó ông luộc chín ốc và tôm đồng, thêm vào những lát măng giòn đã thái bên cạnh.

Bà cụ lều bên đã cảm ơn ông với một cái cúi người biết ơn sâu sắc. “Món ăn được bài trí rất đẹp và cực ngon,” bà nói rồi đẩy cô cháu gái tới trước.

“Cảm ơn ông”, cô gái nói trong khi mắt vẫn nhìn xuống mặt đất.

“Đây là Lan”, bà nói.

Lan. Cô gái cũng như tên của mình, hoa Phong Lan, thanh lịch và quý hiếm. Ông Hưng cũng nhìn xuống, ông không muốn bôi đen vẻ đẹp trinh trắng của cô gái với cái nhìn không trong sáng của mình. “Hưng”, ông hắng giọng. “Gọi Hưng được rồi, đừng thêm ông.”

Ông Hưng tiếp tục được tặng quà, những người hàng xóm mang đến thêm cho ông nhiều món đồ bổ sung phần nội thất cho căn nhà: mỗi viên gạch các loại, các dải vỏ mềm của cây bạch đàn, một chiếc chiếu lát, một cái nồi đất được ai đó làm từ đất sét, mấy hộp thiếc xài một lần đã

bị vớt bỏ của lính Pháp, mấy cái gáo dừa để mức nước, đựng canh hay uống trà thì ông nhận từ Lan xinh đẹp và bà của cô.

Ông đã làm trà A-ti-sô - lấy tim khô và cắt như lá - thứ nước này luôn hấp dẫn bà cụ và cô gái, nó đưa họ đến căn lều của Hưng, nơi ba người bọn họ ngồi cùng nhau trên thảm cỏ dưới bầu trời không ánh sao, một dạng nghi thức diễn ra hằng đêm. Ban đầu, họ rất dè dặt về việc chia sẻ những câu chuyện trong quá khứ, hay kể về nơi từ đâu họ đến dường như là một sự hao phí năng lượng không cần thiết khi hiện tại đòi hỏi họ quá nhiều nỗ lực để sinh tồn.

Tất cả những hàng xóm quanh họ đều là những kẻ trộm phiếu khẩu phần, những người bán hàng rong bán bất cứ thứ gì có thể, những ông bố bà mẹ ép con gái họ phải bán dâm. Ông Hưng đã sớm chú ý đến những người đàn ông ăn mặc chải chuốt lượn lờ qua khu ổ chuột. Ngay khi ngửi thấy một mùi dầu chải tóc, ông sẽ gọi cô gái và người bà của cô: “Mọi người có thể nói chuyện cùng cháu vào ngày ẩm đạm này không? Cháu có một câu chuyện có lẽ mọi người sẽ thích. Nó sẽ làm sáng sủa bầu trời âm u này.”

Nỗi lo sợ sẽ mất Lan trong tay bọn buôn người, hay nói đúng hơn, ông Hưng sợ mất cô ấy cho kẻ khác xúi giục ông trò chuyện với họ, làm họ vui vẻ bằng những giai thoại về những người đàn ông đã từng đến quán ăn của ông.

“Cháu từng biết một anh chàng có thể nhìn lên bầu trời và trông thấy đủ thứ đẹp để ẩn giấu trong đó. Một dòng sông, một ngôi chùa, một ngọn núi, một người chăn trâu với con trâu, một cặp chị em nhảy múa trong ánh mặt trời.”

Hưng, Lan và bà của cô cùng ngước nhìn bầu trời tại thời điểm những người đàn ông ăn bần bảnh bao đang lượn đến gần, và Hưng sẽ nói, “Thật khó để tưởng tượng vào lúc này khi bầu trời như một tấm chăn xám xịt, nhưng có một đường lằn giữa những đám mây kia, thấy không? Nó trông như đuôi của con cu đất ấy, bà và cháu có nghĩ thế không?”

“Cháu thấy một chú chim câu,” Lan mở miệng đáp. “Nguyên cả chú bồ câu, không phải chỉ có mỗi cái đuôi.”

“Anh chàng ấy sẽ miêu tả những gì anh ta thấy trên trời, rồi thì một ai đó như Đạo, một người bạn của chú có thể tìm thấy cảm hứng và sáng tác thành một bài thơ.”

Thành thật mà nói, ông Hưng nâng cao vị trí của cậu trong những câu chuyện đó khi nhắc đến Đạo như là một người bạn. Ông chưa bao giờ sánh được với Đạo. Ông Hưng đã trải qua nhiều năm kính nể Đạo, cho dù Đạo nhỏ hơn ông đến 5 tuổi. Đạo giống như là thầy giáo của ông hơn. Đạo quan tâm đến việc ông Hưng bỏ học giữa chừng và khuyến khích ông học chữ cũng

như cùng tham gia vào những cuộc tranh luận về thời cuộc. Cậu đối với Hưng luôn có một sự tôn trọng mà Hưng không tài nào quên được.

“Cậu Đạo bạn của cháu tin rằng mọi người đều có quyền có ý kiến của riêng họ,” Hưng nói với Lan và bà của cô. Cậu ấy từng nói thế này: “Bất kể là cậu hay cô ấy từ đâu đến. ‘Hãy lắng nghe những gì anh Hưng nói về vấn đề này.’”

“Những người đàn ông ngồi cùng bàn với cậu ấy bật cười đầu tiên. Họ cười và chỉ vào cháu. Họ hẳn đã tự hỏi tại sao anh chàng trí thức trẻ mà họ coi trọng này lại xem trọng ý kiến của một anh chàng quê mùa trở thành đầu bếp chứ.

“‘Thôi nào,’ Đạo nói và xua tay trong không khí như thể cậu đang đuổi ruồi. ‘Tôi cho rằng quan điểm của anh ấy có thể hữu ích.’ Cháu nhớ rõ cậu ấy đã quay sang rồi hỏi, ‘Anh nghĩ thế nào, anh Hưng? Phải chăng mọi thứ nên được bán đồng giá? Một đôi giày, một trái dưa hấu, một tô phở?’

“Thế là cả bọn họ nhìn cháu chằm chằm chờ câu trả lời,” Hưng nói với cô gái và bà của cô.

“Cháu không biết Đạo trông đợi gì mình nên chỉ đơn giản đáp lại với cái gì cháu cho là đúng.

‘Các bạn đến ăn ở đây cũng có lý do của nó vì phở ở đây rẻ hơn những chỗ khác.’

“‘Thấy chưa?’ Đạo búng ngón tay và bật cười. ‘Chúng ta là bọn đạo đức giả hết. Chúng ta luôn mong muốn trả không tương xứng mà lại được ăn một tô phở thượng hạng.’”

Lan cười khúc khích như chú chim nhỏ, tiếng rúc rích nghịch ngợm vì cô đã lấy tay che lại.

Sự hứng thú của Lan với câu chuyện của ông Hưng càng làm cho Đạo hiện ra thêm chân thật, mang cho ông một cảm giác mát mát vì thiếu vắng Đạo và đồng thời sự an ủi cho nỗi buồn đó.

Cô gái như một niềm an ủi cho ông: bởi sự hứng thú của cô với câu chuyện và bởi cả vẻ đẹp như không thể có thực của cô. Dù cho nét đẹp của cô có bị che lấp bởi chiếc quần pyjama và áo sơ mi đen được chính phủ phân phát, thì mỗi khi cô múc nước trong ao, sống lưng duyên dáng như một chú cá của cô hiện rõ qua làn vải áo, khiến ông Hưng nghĩ cô xứng đáng được hưởng nhiều hơn thế này - một chiếc áo dài bằng lụa thượng hạng để tô điểm thân hình của cô, nữ trang bằng vàng cho ngón và cổ tay thanh lịch của cô, một chuỗi ngọc trai trên cổ, một vòng hoa nhài trên tóc.

Hưng cầu trời cho cô đủ chín chắn để hiểu được sự cuốn hút của cô, mặc dù ông đồ rằng cô có một vẻ ngây thơ của một cô gái chưa đầy 18 tuổi. Cô gọi ông bằng chú, nhưng tình cảm của Hưng dành cho cô gái không phải là của một người chú. Ông đã gần bốn mươi - một người đàn ông trung niên đang yêu một cô gái xấp xỉ nửa tuổi mình - một người đàn ông xấu xí, nghèo khổ, một người đàn ông lần đầu tiên biết yêu trong đời.

Mặc dù bà của cô gái thường ngủ thiếp đi và mơ màng ngáy khi họ cùng ngồi trên trăng cỏ, thì Lan vẫn tỉnh táo, gật đầu, và hỏi những câu hỏi bằng một giọng êm như đậu phụ lụa, khiến ông Hưng như quên đi tất cả sự nghèo khổ và bần thủ đang bao vây họ mà thay vào đó đưa cả hai đến một vùng đất khác.

“Chú kể cháu nghe về chuyện Một trăm đóa hồng đi”

“Nói cháu biết tại sao chú lại thích thơ tự do.”

Cô bé sẽ nằm bên phía của cô, khuôn mặt trái hình trái tim kê trên lòng bàn tay, đôi chân đẹp hoàn hảo di chuyển tới lui theo một giai điệu nào đó trong tâm trí.

Kể cho cháu. Nói cháu biết. Thi ca và chính trị. Sự thiếu hiểu biết của cô trong cả hai lĩnh vực này làm ông cảm thấy ông vẫn còn nhiều điều phải chỉ và chia sẻ cho cô biết. Đã từng là những khoảnh khắc tươi đẹp: Có khi đó là một khoảng lặng ngắn ngủi của sự sống trên địa cầu, hay một hành trình đến cõi niết bàn xa xăm. Nhưng đó là một nơi ông cũng chưa từng đến vì ông không có phương tiện cũng như mong muốn. Ông quay lưng lại với cô từ rất lâu rồi, và trái tim ông cũng đã trở nên chai sạn. Họ thậm chí không thừa nhận sự tồn tại của nhau, cho đến giờ thì đã hơn 40 năm rồi.

Cô gái đã không chuyển đi mà tiếp tục sống một mình trong túp lều bên cạnh sau khi bà của cô qua đời. Điều đó dần vật ông, dù cho động cơ đó là cố ý hay bắt nguồn từ nhiều lý do tử tế và thiết thực, mà ông thật sự không chắc chắn. Bất kể nguyên nhân là gì thì ảnh hưởng lên ông vẫn thế.

Giọng nói của cô thánh thót như tiếng hót của một loài chim có lẽ đã tuyệt chủng, nhưng ông đã phải tìm mọi cách để ngăn không cho tiếng hót của con chim ấy vọng ra ngoài. Ông thậm chí nhận ra căn bệnh đục thủy tinh thể đã bắt đầu làm mờ đôi mắt ông hai năm trước, nhưng đó lại là một phước lành. Nó hạn chế tầm nhìn của ông đến nỗi ông không thể thấy rõ lều cô gái khi ông lấy chiếc khăn đã khô được mắc trên tay cầm chiếc xe đẩy của ông. Tại sao ông lại vẫn bắt gặp chính mình khế liếc nhìn bên tay trái khi ông đi lấy chiếc khăn vào chiều nay? Tại sao cuối cùng thì ông cũng luôn nghĩ đến cô gái đó? Phải chăng là bởi vì cô gái đã đến ăn sáng nay. Một cô gái đẹp, lạy trời. Maggie Lý, con gái một nghệ sỹ, Lý Văn Hai. Kể cháu nghe, cô cũng nói như thế, chỉ cháu biết.

Lan đang cúi trên chiếc giỏ đan, nhặt những tạp vật và đá ra khỏi giỏ gạo, hay có lẽ cô đang bóc vỏ đậu để bán, hoặc có thể cô đủ may mắn để tìm ra một đám tai nấm từ nơi cô quét bụi.

Hưng lắc đầu để xua đi hình ảnh của cô và quay sang nhìn phía tay phải về phía người hàng xóm Phúc Li, một người đàn ông trông như một cậu bé. Ông ta bị cụt mất đôi chân và có lẽ hơi ngớ ngẩn. Phúc Li đang ngồi, tay gác lên đùi quần, bà mẹ già đang chải tóc cho ông ấy.

Phúc Li vẫy tay với ông Hưng trong khi đang cười tít mắt như đứa trẻ được xem pháo hoa. Mẹ ông dùng chiếc kéo đã đóng gỉ cắt từng sợi tóc trên đầu con trai. “Ông có muốn tôi cắt cho ông luôn không, Hưng?”

“Để khi khác cũng được chị,” ông Hưng đáp, đưa tay vuốt thẳng vài sợi tóc còn sót lại.

Ông thu mình lách vào lều, đặt chiếc khăn khô lên tấm nệm rơm, tìm cây kim và chỉ khâu ông giữ bên trong một đôi ủng cũ. Ông ngắm nhìn khung ảnh của Đạo trên bàn thờ trong khi ngón chân ông luôn di chuyển như thể ông đang đào hố trên nền đất. Bức hình là tất cả những gì còn lại về Đạo mà ông có khi mà ông không thể nào nhớ được những bài thơ của cậu ấy đã từ nhiều năm trước. Bức họa được vẽ bởi một người phụ nữ đến xin sự giúp đỡ vào thập niên trước. “Chị nhìn đi, ở đây ai cũng nghèo khó như nhau,” ông đáp khi người phụ nữ đứng trước cửa lều. “Tôi rất tiếc, nhưng tôi chẳng có gì để cho chị cả.”

Trước sự kinh ngạc của ông, người phụ nữ cởi hết khuy áo và quăng nó xuống nền, lộ ra một bộ ngực ghê lở, gầy trơ xương. “Đủ rồi,” ông quát lên, đồng thời nhặt chiếc áo quăng trả lại chị ta. “Mặc vào ngay. Chị nghĩ chị đang làm trò gì vậy hả?”

“Ông có thể lừa tôi và làm bất cứ gì ông muốn, và hãy cho lại tôi thứ gì đó.”

Ông thốt lên chán nản “Ôi phụ nữ! Trước đây chị làm gì?”

Người phụ nữ kể chị ta đã từng là một trà nữ ở trường nghệ thuật.

“Chị có học bộ môn nghệ thuật nào khi ở đó không? Ví dụ, chị có học vẽ không?”

Người phụ nữ gạt đầu một cái và cúi gầm mặt. Nhưng ông Hưng không có giấy. Thứ duy nhất ông nghĩ ra lúc đó là xé trang cuối cùng của cuốn “Giai phẩm mùa Xuân”, cuốn tạp chí mà Đạo và đồng nghiệp của cậu đã xuất bản vài năm về trước. Và thế là ông Hưng quì cạnh người phụ nữ khi cô ta khó nhọc vẽ theo cách của mình, có nét gì đó giống Đạo, dùng một mẩu than lấy từ bếp lò của ông Hưng để vẽ.

Ông cố gắng miêu tả Đạo cho người phụ nữ một cách tốt nhất có thể, nhưng rồi ông nhận ra rằng sự mô tả đơn giản về hình thể của một người không thể nào khắc họa được một cách đầy đủ tâm hồn của người ấy. Khi người phụ nữ đã phác được những đường nét cơ bản khuôn mặt

của Đạo, ông Hưng chen vào: “Đôi mắt cậu ấy hơi xa nhau, như thể cậu ấy có tầm nhìn rộng hơn người bình thường vậy, quả thật là một người nhìn xa trông rộng.”

Thơ của cậu đề cập đến những bi kịch thậm chí trước cả khi nó đổ xuống đầu họ, cứ như thể cậu có thể tiên đoán tương lai. Cậu đã tìm cách cảnh báo mọi người về những điều sắp xảy ra, hi vọng họ sẽ chuẩn bị để ứng phó. Và ông Hưng đã rất kinh ngạc về khả năng ấy của cậu chỉ qua một vài câu thơ tuyệt vời.

“Cậu ấy là một chàng trai không biết sợ hãi là gì,” ông Hưng nói với người phụ nữ. “Cậu ấy có một vết sẹo, ngay đây này, dấu hiệu của lòng can đảm, vết sẹo dài khoảng 5 cm dọc theo xương gò má cậu ấy.”

Ông Hưng để cho người phụ nữ ngủ trên giường ông khoảng một tuần như là một cách trả công, trong khi đó thì ông ngủ bên ngoài. Khung hình cho bức chân dung của Đạo hình chữ nhật đứng - mà ông không tài nào xoay sở được để có trong vài năm, cho đến khi ông tìm ra cách để bán Phở trở lại và ai đó đã trả công bằng một mảnh gương.

Lúc này, ông Hưng chú ý đến một mạng nhện lấp lánh trên viền khung hình. Ông có thể hình dung ra cậu bé Bình, gương mặt nhăn lại vì tập trung tính số vòng của cái mạng nhện này. Số phận của con người trên quả đất này phụ thuộc vào sự kính trọng của họ đối với những linh hồn tổ tiên đã khuất, và ông Hưng đã giữ kỷ ức về Đạo sống cùng mình cho Bình, khi cha cậu đã mất tích lúc cậu chỉ mới 6 tuổi.

Ông Hưng dùng ngón trỏ phui lớp mạng nhện đi, thả một nén nhang và chấp tay cầu nguyện. Ông cầu mong mọi điều tốt lành cho Đạo dù Đạo ở bất cứ nơi đâu lúc này, và ông cầu nguyện họ sẽ lại gặp gỡ nhau ở kiếp sau. Nhưng vẫn còn nhiều điều ông Hưng phải thu xếp trước khi ông cho phép các linh hồn dẫn dắt ông trong hành trình xa xôi ấy. Ít nhất ông đã có công thức để truyền lại. “Hương vị của gia đình” là cách mà một nghệ sĩ đã miêu tả phở của ông rất lâu trước đó.

Chúa ơi! Ông Hưng thảng thốt. Một ai đó. Đôi mắt đói khát của ông ta đang nhìn hau háu vào tô phở. Một người đàn ông lữ thứ; đến bằng một con tàu từ Hoa Kỳ và đôi chân thì vẫn còn run lập cập. Ông ta đã mang đồ đạc của mình theo trong một cái bao tải. Ông ta bảo rằng cả mấy năm nay chưa được ăn một bát phở. Ông Hưng tự hỏi làm thế quái nào mà người đàn ông này vẫn còn đứng được đến giờ nhỉ?!

Người đàn ông ấy là Lý Văn Hai, ông Hưng chắc chắn thế. Ông phải nói cho cô gái, Maggie Lý, biết rằng ông đã từng gặp bố cô ấy một lần, dù chỉ thoáng qua. Ông sẽ đến khách sạn của cô gái vào sáng mai và làm điều đó, ông vừa nghĩ vừa vỗ vào tấm danh thiếp trong túi áo.

“Đạo”, ông nói với tấm ảnh trước mặt, “cậu còn nhớ về Lý Văn Hai không? Cái người đã ăn phở ở cửa hàng tôi vào một buổi sáng ấy ấy. Khi đó cậu cũng có mặt.”

Ông cần sự giúp đỡ của Đạo. Nó đơn giản là quá nhiều để ông già có thể nhớ ra một mình.

Chương 3. Bình minh mới

Maggie đã đắn đo suy nghĩ về việc quay lại chỗ ông già bán phở để ăn sáng hôm nay. Cô không muốn vội vàng, nhưng quả thật cô đã mất kiên nhẫn rồi. Mình đã để lại danh thiếp cho ông ấy, cô tự nhắc mình thế. Ông ấy sẽ biết cách để liên lạc lại nếu nhớ lại điều gì.

Cô dừng ở nhà bếp để cảm ơn Rikia vì hôm qua đã hướng dẫn cô đến chỗ ông Hưng, rồi thì quay lại văn phòng làm việc với một tách cafe trên tay. Căn phòng như vừa trải qua một trận thiên tai, bừa bộn với những mảnh ghép nghệ thuật mà cô đã lôi ra khỏi thùng chứa, dựa ngả nghiêng trên những bức tường. Cô vật lộn với cả một rừng thùng giấy cac-ton và giấy nâu để đến được chiếc bàn của mình và làm đổ gần như nửa tách cafe.

Cô đã hoàn thành được 85% việc phân loại các bộ sưu tập của khách sạn - cũng là một tập hợp những sáng tác giá trị từ thời thực dân được tìm thấy trong hầm trú bom ngay dưới khách sạn. Nghệ thuật đã sống sót với cả chiến tranh và thời gian qua hàng thập kỷ cùng với sự hoạt động của khách sạn như là nhà khách công đoàn, và trong quá trình đó, tòa nhà đã trở thành nơi trú ngụ của chuột và dơi.

Câu chuyện về việc khám phá ra bộ sưu tập đã đến tai cô qua một đồng nghiệp ở trung tâm nghệ thuật Walker ở Minneapolis. “Đó thật sự là một cơ hội tốt,” cậu ấy nói thế, và Maggie biết đó là sự thật từ tận đáy lòng mình. Một cổng vòm của nghệ thuật đã bị giấu kín trong thành phố của cha cô. Một cơ hội để đưa những tác phẩm trong đó ra ánh sáng. Mẹ cô đã không còn sống để ngăn cản cô nữa, và những cảm xúc của Daniel cũng không còn khiến cô phải đặt lên hàng đầu nữa.

Maggie chuẩn bị một bản dự thảo và gửi cho một công ty quản lý của Pháp đang thực hiện việc nâng cấp Metropole để mở một phòng triển lãm đương đại trong khách sạn. Chưa thời điểm nào tốt như bây giờ. Mọi quan tâm đến nghệ thuật đương đại Việt Nam đã tăng lên từ những thập niên vừa qua - việc có một phòng trưng bày trong khách sạn cũng có ý nghĩa thiết thực cho kinh doanh. Và họ cũng cần một người phụ trách biết nói tiếng Việt với tấm bằng thạc sĩ chuyên ngành phụ trách của viện Nghệ Thuật Chicago, người có thể làm công tác bảo quản và phân loại bộ sưu tập gốc.

Cô đã bỏ ra một tháng rưỡi đầu tiên ở Hà Nội dưới hầm, trong một buồng kim loại với ánh đèn flash. Những tuần đầu tiên cô làm việc với những bề mặt mát lạnh, những bức tranh sơn dầu căng bóng với một trái tim cuồng nhiệt. Cô mải mê nghiên cứu các tác phẩm tồn tại từ cách đây năm thập kỉ rưỡi từ lúc khách sạn mở cửa năm 1901 đến lúc giải phóng khỏi tay người Pháp năm 1954 - thời đại của cha cô, cái thế giới mà ở đó ông được sinh ra, thế giới mà ở đó ông đã vẽ, đã lớn lên, đã tô điểm.

Cô đã tràn đầy hi vọng. Nhưng rồi hi vọng đó lại trở nên nặng nề, vãi lại vãi, giấy lại giấy, cho đến khi nó treo lơ lửng trên đầu cô như đám mây nặng chịch như chì. Rồi cuối cùng một tia sáng cũng xuất hiện. Một ông già. Một người bán phở. Ông Hưng.

Maggie nhắc một bức tranh đen trắng lên và tựa nó lên hai tay ghế. Một sợi dây thép có chữ Hoa chạy dọc theo bức tranh sơn dầu. Cô đã tìm thấy nó vào hôm qua; nó được vẽ nên bởi nghệ sĩ người Hoa mà cô đại diện. Maggie là một nhà sưu tập những con chiên thất lạc: những nghệ sĩ mắc kẹt giữa những đổ vỡ. Ở Việt Nam, nghệ sĩ người Hoa của cô không được công nhận như người Việt, nhưng ở Trung Quốc, nơi ông đã trải qua thời niên thiếu của mình sau khi người Hoa bị trục xuất khỏi Việt nam, ông cũng không được công nhận như là người Trung Quốc.

Maggie có thể hiểu được. Cô trông như người Việt Nam, nhưng tất cả chỉ dừng ở đấy. Cô bị những người bán hàng hét giá gấp bốn lần ngay khi cô mở miệng ra hỏi giá, người ta nhạo báng cách phát âm của cô, đàm tiếu sau lưng và lúc nào cũng dè chừng với một sự nghi ngờ cao độ khi tiếp xúc với cô. Họ gọi cô là Việt Kiều - những người Việt hạ cấp và mất gốc - một kẻ lưu vong, phản bội, và đào tị. Bất chấp những gì người ta gán cho cô, Maggie biết cội rễ của mình là ở đây, với những câu chuyện gia đình dù chúng có lẽ khó mà tiếp cận được.

Mẹ của Maggie không phải là một người hay kể chuyện. Bà đã hé lộ rất ít trong nhiều năm qua, và chỉ bắt đầu kể một cách tự nguyện sau khi bà bị đột quỵ hai năm trước. “Bố con không bao giờ cảm thấy rằng mình là một người Việt Nam thực thụ,” bà kể khi đang nằm trên giường bệnh vào một hôm nào đó. ‘Những trải nghiệm ở Mỹ đã thay đổi ông ấy. Ông cảm thấy nó khiến ông nghệ sĩ hơn và hoàn thiện hơn, và ông quyết không để một ai lấy điều đó khỏi ông ấy.’”

Họ đã nói về những trái táo chỉ một lúc trước đó; bà thềm một thức nước trái cây chua cay của loại trái xanh, cứng mà bà từng ăn hồi nhỏ. Maggie mất một phút để theo kịp vấn đề: từ vị trái cây cho đến đề cập hiếm hoi này về cha cô. Cô bắt lấy cơ hội quý giá đó ngay và tuôn ra những câu hỏi đã ám ảnh cô trong suốt ba mươi năm qua từ cái ngày cô nói lời vĩnh biệt cha mình trên đường băng.

“Điều gì đã xảy ra với bố ở trại ạ? Với đôi tay của bố?”

Mẹ cô bỏ ngổ câu hỏi.

Maggie ngồi xuống bên giường và tựa cằm lên mái tóc của mẹ cô. Cô cảm thấy một luồng run rẩy chạy dọc thân thể mẹ mình như thể cô vừa xua đi một con ma nhỏ nào đó.

Sự thật mà mẹ cô tiết lộ chiều nay là điều mà Maggie đã luôn ấp ủ trong lòng. Cũng có khi cô có thể chia sẻ câu chuyện đau thương này với một người khác - Daniel - nhưng cái thời đó đã qua rồi.

“Họ có thể hủy hoại đôi tay của bố Hai, nhưng họ không thể nào chạm được vào tâm hồn bên trong ông ấy,” đó là điều cuối cùng mẹ của Maggie nói trước khi bà chìm vào giấc ngủ buổi chiều, ánh nắng yếu ớt xuyên qua tấm màn che phủ đổ bóng những song sắt của ô cửa sổ lên giường của bà.

Mẹ cô đã chết trên chiếc giường đó, trong một cơn đột quỵ khác vào buổi tối. Maggie cảm thấy cô như gục ngã, cô đã thành một đứa trẻ mồ côi.

Chuông điện thoại vang lên, một tiếng, hai tiếng, ba tiếng, trước khi Maggie nhấc máy trả lời. Cô vận người và trườn dài qua góc bàn của cô để với đến chiếc điện thoại. Có vấn đề gì đó, mặc dù người thanh niên ở bàn tiếp tân đã khá khá lúng túng và vụng về để trình bày cho tường tận. Từ những gì Maggie đoán được, dường như có một ai đó bị dính vào một vụ tai nạn trước khách sạn. Nhưng tại sao họ lại gọi cho cô chứ?

“Đó là một trong những vị khách mời của chúng tôi à?” cô hỏi.

“Không,” anh thanh niên đáp.

“Một nhân viên? Một nghệ sĩ của chúng tôi? Hay một khách hàng?”

“Không. Tôi nghĩ ông ta là một người vô gia cư.”

Đó là một trong những sự thật không mấy thoải mái của công việc trong một khách sạn thế này khi mà những người giữ cửa được lệnh phải giữ con đường sạch bóng những người hành khất và lang thang. Nguyên tắc ở đây là để khách lưu trú không cảm thấy khó chịu, nhưng nó cũng là một phần của những nỗ lực của chính phủ để khuyến khích sự phát triển của ngành du lịch và cả chính sách rộng hơn của đảng nhằm làm sạch những con đường người một cách định kỳ, đặc biệt là trong các chuyến viếng thăm của quan chức nước ngoài.

“Ông ta có làm bị thương chính mình trong khuôn viên khách sạn không?” Maggie hỏi, vẫn không chắc lắm tại sao điều này lại liên quan đến cô.

“Không, ở trên lề đường,” người thanh niên ở bàn tiếp tân trả lời.

“Ông ấy vẫn ổn chứ? Liệu có cần đưa ông ta đến bệnh viện không?”

“Tôi không biết,” anh ta đáp. “Ông ấy đang hỏi bà.”

Ông Hưng cảm giác như chân ông có một nhịp đập riêng. Ông xấu hổ khi ngồi ở đây với chiếc quần dài sờn rách và lấm đầy bùn, đặc biệt là từ khi một tai nạn nhỏ xảy ra khiến ông quên mất động cơ đi đến Metropole của mình.

Một chiếc taxi tấp vào bên phải khi ông đến gần khách sạn, làm toác một góc phía trước chiếc xe phở của ông và khiến nó lặn ngược ra sau, nghiêng lên ống quần dài và đẩy ông ngã lên nền đường. Ông chà tay lui sau đầu của mình - dính dính, một ít máu. Có lẽ lí do ông ở đây, ở Metropole này, đã nằm lại trên con đường ngoài kia như một khúc cây lạc giữa dòng xe cộ, cũng như ông trong vài phút trước khi người gác cửa lôi ông đứng dậy trên đôi chân của ông về phía vỉa hè.

Ông đến để nói với cô gái Việt Kiều điều gì đó, nhưng là cái gì đây? Có lẽ điều ông dự định nói có liên quan đến bố cô ấy, và nó đủ hấp dẫn để ông phải đẩy cái xe phở đi vòng quanh và về phía ngược lại của cái hồ, hướng tới] khách sạn sau bữa sáng với một sự thôi thúc cấp bách - một sự hối tiếc có lẽ sẽ xuất hiện.

Còn Bây giờ ông chỉ là một mớ hỗn độn của đau thương, xấu hổ và thất vọng. Thật là xấu hổ khi ở đây trong tình cảnh này. Trước đây, ông chưa bao giờ bước vào tòa nhà này; nó không phải là nơi dành cho những kẻ như ông với vẻ hoành tráng và những bóng ma Đông Dương của nó.

Giờ ông thậm chí không thể nhớ được cả tên bố cô ấy. Ông có thể nói cô ấy biết những gì ông nhớ vào năm 1956, ông nghĩ thế, đó cũng là năm cô ấy nói bố cô bị gửi vào trại. Nhưng giống như khi ông nói chuyện với Lan, ông thích nói với cô về những thập kỷ trước đó, những năm tháng đấu tranh giành giải phóng, một thời mà con người vẫn mê muội rằng họ có đủ sức mạnh để thay đổi tiến trình của lịch sử, rằng những lời nói có thể thay đổi thế giới.

Thật là một thế giới mới, lạ thường và say mê mà ông Hưng đã khám phá ra khi được bố mẹ gửi đến làm ở chỗ chú Chiến nơi thành thị năm 1933. Năm lên 11, cậu bé Hưng đã tìm thấy mình lọt giữa vòng tròn ồn ào náo nhiệt, nơi những người đàn ông to tiếng với nhau trong bữa ăn sáng, cắt ngang câu chuyện của người khác nếu họ thấy hứng thú. Bầu không khí đầy ắp những giọng người cãi vã và những đám khói thuốc lớn xoắn lại cùng với những vòng quay liên tục của chiếc quạt trần.

Thoạt đầu, Hưng ngồi co ro một góc, cậu bị choáng ngợp bởi những giọng nói ồn ào hết cỡ của thực khách. Không có một phép lịch sự nào hay sự kính trọng đối với người lớn tuổi hơn mà cậu đã được dạy. Những gì cậu từng trải nghiệm trong cuộc sống ở làng quê đã không giúp được cậu khỏi ngỡ ngàng trước bầu không khí tranh luận nóng bỏng và tốc độ như thế này.

“Tới đây,” chú cậu gọi, kéo cậu ra khỏi góc tối. “Họ có thể gầm lên như những con hổ, nhưng thực ra họ hiền như mèo con vậy, chú đảm bảo với cháu đấy.”

Chú Chiến hình như đã miễn nhiễm với âm lượng và những âm thanh thô tục của đám đàn ông. Ông đảo khắp căn phòng, tránh né những cái hất tay trong khi vẫn giữ cho tô phở đầy khỏi chao trong mỗi tay, có lúc lại đột ngột bước né sang một bên, đổi hướng giữa chừng. Chú Chiến là một vũ công muốn dạy cho đứa cháu trai của mình những bước nhảy của ông.

“Chiều cao của cháu là một lợi thế,” ông nói một cách vui vẻ. Hưng hầu như không cần cúi xuống để nhắc những tô rỗng lên, làm đầy các ly nước và những chai nước mắm, thay thế muống và dưa sạch vào các hộp đựng, và lau những vòng nước khô dính trên những chiếc bàn thấp.

Dưới sự hướng dẫn từ tốn và đều đặn của chú Chiến, Hưng bắt đầu quen thuộc với âm thanh ồn ào của căn phòng. Không lâu sau đó nó không còn là một vùng đất hoang dã của những loài thú hung dữ nữa, mà trở thành một vườn thú có trật tự. Đó là những con người đó tụ tập ở những chiếc bàn ăn quen thuộc vào mỗi buổi sáng. Trong đó có một số người dễ thu hút sự chú ý hơn những người khác. Họ nói về giải phóng nông dân, đấu tranh giai cấp, tư sản và vô sản - những khái niệm này dường như vô nghĩa với Hưng, nhưng dĩ nhiên nó dần trở nên quen thuộc với cậu qua những cuộc tranh luận thường xuyên của họ. Cũng như tên của những người đàn ông và những lí tưởng to lớn của họ: Stalin, Marx, Lenin, Chu Đức, Chu Ân Lai, Mao Trạch Đông.

Hưng không còn phải nao núng khi một ai đó đột ngột đứng dậy, quăng chiếc ghế lui sau và phát tiết vài câu, hay đập tay xuống bàn để nhấn mạnh câu họ đang nói làm những chiếc thìa trên mặt bàn bắn cả lên. Cậu làm công việc của cậu một cách tự hào và bắt đầu cảm nhận được sự uyển chuyển của đôi chân mình. Chiều cao cũng cho phép cậu có thêm lợi thế mà chú cậu không thấy trước được. Hưng có thể học những đoạn văn bản của những người đàn ông để trên bàn họ, phân biệt những từ được viết ngược trong cuốn sổ tay bọc nhung của họ, và nhạc nhiên với những ký họa giống với một người bạn chung bàn của họ cây bút chì quả là có thể làm nên nhiều điều kì diệu với tờ giấy.

Hưng bị mê hoặc. Những người đàn ông này khác với tất cả những người cậu từng biết trước đây. Và đó không chỉ là vì sự thiếu vắng những cái cày, cái cuốc. Những cách suy nghĩ theo kiểu Tây phương của họ khơi gợi trí tò mò của cậu, và cậu đã tiếp thu tất cả, đôi mắt, đôi tai như bừng cháy.

Học vấn hạn chế của Hưng cho phép cậu đọc hiểu ở mức độ sơ cấp, tuy nhiên cậu có quá ít cơ hội để sử dụng kỹ năng này từ khi lên thành phố. Chú cậu, bản thân là một người mù chữ, nhìn

vào một tờ báo người ta vớt đi không hơn gì một nguyên liệu tốt để nhóm lửa. Khi đã lớn hơn, Hưng thấy mình đang nỗ lực để đọc qua đôi vai của những người đàn ông. Và hơn nữa, Cậu thấy mình lặp đi lặp lại một số cụm từ đã quá quen thuộc của họ vào mỗi đêm trước khi chú cậu đi ngủ: Chúng ta phải lật đổ các thế lực đàn áp và suy thoái. Chủ nghĩa Cộng Sản là chìa khóa để giải phóng chúng ta. Bằng chiến tranh du kích, nếu cần phải thế. Các đồng minh của chúng ta là Quốc tế Cộng Sản III và Đảng Cộng Sản Trung Quốc, nhưng tương lai vẫn phải được tạo dựng nên bởi tay người Việt.

Sau nhiều năm bắt chước và lặp lại, Hưng dần mất đi chất giọng vùng quê của mình, cậu bắt đầu hiểu được ý nghĩa của việc giải phóng mà những người đàn ông luôn bàn tán. Cậu không bao giờ để lộ ra những biến đổi đó với chú Chiến, người vẫn giữ chất giọng nông thôn và không phản bội nguồn gốc tầm thường của mình như là một nguyên tắc, cho dù chú đã ở Hà Nội nhiều năm. Mãi cho đến khi chú cậu qua đời, Hưng mới dám nói chuyện bằng những thanh âm đã được gọt dũa của phương ngữ Hà Nội mà cậu cảm thấy mình không hoàn toàn được cho phép.

Hưng đã hai mươi hai tuổi khi cậu thừa kế lại cửa hàng của chú Chiến, và trong khi cậu nhớ chú của mình hơn mức cậu có thể tưởng tượng con người có thể nhớ về một người nhiều như thế, cậu cũng đã sẵn sàng để nổi dỗi và làm chú cậu tự hào sau chừng đó năm học việc từ năm lên 11. Đó là vào năm 1944, chiến tranh thế giới nổ ra. Quân đội nhân dân, Việt Minh, của Hồ Chí Minh, đang chống lại quân Nhật. Quân Nhật đã chiếm đóng đất nước từ 3 năm trước, thế chỗ người Pháp. Nhưng mà con người ta vẫn phải ăn sáng, và có lẽ cần hơn bao giờ hết. Một tô phở có thể cung cấp những dưỡng chất cần thiết và đó là nguyên nhân để thức dậy mỗi sáng, ngay cả trong những thời khắc khốc liệt nhất. Dĩ nhiên, một người vợ người mẹ có thể nấu bữa sáng nếu cần thiết, mặc dù phần lớn họ không làm thế và cũng không đủ thời gian, sức lực để nấu phở, hơn nữa, những những người vợ người mẹ cũng chẳng có bí quyết để nấu.

Khi đã là chủ quán, ông Hưng có thể tự hào mà bảo rằng, tiệm phở tiếp tục là điểm hẹn của tranh luận cũng như ẩm thực. Phần lớn các cuộc chuyện trò được khơi mào trong bóng tối, ở góc Tây Nam của căn phòng, tập trung xung quanh một người thanh niên cương trực tên Đạo. Có một điều gì đó đặc biệt về chàng trai này khiến ông Hưng chú ý ngay lập tức - như có một vầng hào quang tỏa ra từ người anh ta, lan đến những người xung quanh, khiến họ sửng lại trong thoáng chốc.

Đạo là người phê bình mạch lạc nhất mà Hưng từng được nghe. “Vâng, dĩ nhiên chúng ta phải giải phóng đất nước khỏi tay người Pháp,” cậu ấy nói với những người bạn, khi bọn thực dân trở lại sau khi người Nhật rút quân vào năm 1945, “Nhưng song song đó chúng ta phải kiên trì chống lại những giáo điều Nho giáo đã đã trói buộc chúng ta hàng bao thế kỷ nay. Kẻ thù nằm ngay bên trong chúng ta cũng nhiều như bên ngoài vậy.”

Ông Hưng nhận ra là ông quên cả làm việc khi Đạo làm chủ căn phòng. Cậu dừng lại và lắng nghe cùng với những người khác. Đạo đã khiến cho những vấn đề chính trị đương đại dường như trở nên rất dễ hiểu. “Chính trị là lĩnh vực không chỉ dành riêng cho những người uyên thâm hay có quyền lực,” cậu nhấn mạnh, “nó thuộc về mọi người, cả đàn ông và phụ nữ, nhất là những ai đứng đằng sau cái cày, cái cuốc.” Không còn những buổi bàn luận trong quán khiến ông Hưng ngưng làm việc, như thể một trải nghiệm nào đó đã bị tước mất của những người có xuất thân hèn kém; Đạo đã nói cả về cậu và cho chính cậu.

Ông Hưng tìm bất cứ lý do gì để được gần Đạo - như thêm nước mắm trên bàn cậu nhiều hơn mức cần thiết, hay bảo đảm là dọn bàn ngay khi Đạo vừa đặt đôi đũa trên vành tô.

Khi không nói chuyện, Đạo ghi chép vào sổ tay của cậu ấy. Ông Hưng có thể liếc nhìn một cách kín đáo qua vai Đạo nhìn trộm được vài dòng. Một ngày nọ, ông Hưng đọc một bài thơ đặc biệt gây ấn tượng cho ông. Đó chính là khả năng của Đạo, khả năng bắt giữ những thứ nằm lơ lửng giữa cay đắng và ngọt ngào, nó đã khiến Hưng trực tiếp bắt chuyện với cậu lần đầu tiên. “Sự cân bằng âm dương,” ông Hưng bảo.

Đạo xoay người trên ghế và nhìn ông Hưng. “Cũng như phở của anh vậy,” cậu nói.

Ông Hưng cảm thấy gò má mình nóng bừng lên, ửng đỏ một cách hiếm thấy trong khoảnh khắc đó và nhìn tránh đi chỗ khác. Trong khi đó, Đạo chép lại bài thơ lên một trang giấy khác trong cuốn sổ, rồi xé tờ giấy ra và ấn vào đôi tay ông Hưng.

Cử chỉ đó đã khiến ông Hưng mong muốn nâng cao trình độ bản thân. Ông bắt đầu thu nhặt những tờ báo mà những người đàn ông vứt lại mỗi buổi sáng và đọc chúng vào ban đêm, điều ông đã mong mỗi từ khi chú ông qua đời. Ông Hưng đọc chúng dưới ánh đèn lồng, khi nằm trên tấm nệm lò xo ông từng nằm chung với người chú trong căn phòng không cửa sổ phía sau quán.

Một buổi sáng nọ, Đạo đưa ông Hưng một gói đồ. “Em mua nó cho anh đấy,” cậu nói. “Em để ý thấy anh rất thích đọc sách.”

“Cậu thật là tử tế,” ông Hưng đáp, và đó là tất cả vì ông đã ghen lời. Trước đây ông chưa bao giờ được nhận một món quà nào trong cuộc đời.

Gói quà chứa một bộ sưu tập hình máy in rô-nê-ô, những bài viết nói về lịch sử của bảng chữ cái tiếng Việt và sự ra đời của thơ hiện đại Việt Nam, và những bài báo về cách mạng Nga, những lý thuyết của nhà tư tưởng người Đức - Marx, những ghi chép về chủ nghĩa Lê Nin (Leninism - Lê Nin nít) của nhà cách mạng vĩ đại Hồ Chí Minh.

Ông Hưng mất vài tháng để đọc xong tất cả chúng, và lâu hơn nữa để thực sự hiểu chúng. Cũng có một số điểm ông cần làm rõ. Ông gạch chân những mục liên quan và tìm hỏi Đạo vào buổi sáng hôm sau.

“Chỗ này này,” ông Hưng chỉ vào, “nơi Hồ Chí Minh đọc đạo đức cách mạng, ông ấy có hứng thú với quan niệm Nho giáo về nghĩa vụ không?”

“Đó là cách ông ấy truyền đạt ý tưởng mới mà không li khai và làm rách lòng những người đã quen thuộc với cái cũ,” Đạo đáp. “Anh có thể nhận ra là ông ấy áp dụng cách thức tương tự này với những yếu tố văn hóa làng.”

Khi ông Hưng không thể theo liên hệ từ khái niệm ra thực tế, ông sẽ đưa nó cho Đạo. “Nhưng chúng ta không phải là một quốc gia có giai cấp công nhân,” ông Hưng nói vào một buổi sáng. “Đảng sẽ tìm thấy quần chúng vô sản ở đâu?”

“À, cũng giống như Mao nhận định về Trung Quốc,” Đạo giải thích trong khi ngồi lại cùng ông Hưng sau buổi ăn sáng và tìm hiểu làm thế nào để có thể áp dụng các lý thuyết của chủ nghĩa Cộng Sản ở Việt Nam. “Mao đã chuyển trọng tâm từ công nghiệp sang cải cách ruộng đất, thay đổi nó cho phù hợp với hoàn cảnh của Trung Quốc,” Đạo nói. “Không nghi ngờ gì là Ông ấy cũng sẽ làm tương tự.”

Ông ấy ở đây là Hồ Chí Minh vĩ đại, người đã tiếp tục leo thang chiến tranh với người Pháp cùng tuyên ngôn độc lập của Cộng Hòa Dân Chủ vào năm 1945.

“Hiệp ước Đại Tây Dương là gì mà Hồ Chí Minh liên tục nhắc đến nó?” ông Hưng nhớ là đã hỏi Đạo như thế.

“Đó là một thỏa thuận giữa phe đồng minh về quyền tự quyết của một quốc gia. Đó là cách mà chủ tịch thuyết phục người Mỹ phải công nhận nền độc lập của chúng ta.”

“Ông ấy thật thông minh khi sử dụng ngôn ngữ của họ,” ông Hưng thán phục. “Nó giống như là ông ấy làm khi ông mở đầu bản tuyên ngôn độc lập của chúng ta với những từ ngữ trong bản tuyên ngôn của Mỹ: *“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”* Bác Hồ đã củng cố lập luận của mình bằng cách liên hệ đến tình cảm cũng như những sự xúc cảm chính trị của họ.

“Anh để ý hay thật”, Đạo nói và đồng thời nhướn chân mày lên. Ông Hưng đã khiến hai người bọn họ ngạc nhiên với lần đầu tiên đưa ra quan điểm này. “Và cả một trí nhớ không tồi nữa”, Đạo nói thêm.

“Tôi nhớ được nhiều thứ lắm,” ông Hưng bảo. “Tôi thuộc lòng hầu hết những bài thơ của cậu.”

“Đó quả thật là một vinh dự,” Đạo đáp.

Im lặng lại bao trùm họ. Ông Hưng tỏ ý thán phục, nhưng sự chú ý của Đạo làm ông thoáng chút bối rối. Ông Hưng không có ý khoe khoang.

Có quá nhiều thứ ông Hưng chưa biết, điều đó đã dẫn dắt ông đến với việc tìm tòi chi tiết hơn nhiều những bài viết mà Đạo đã tặng. Một phần, ông Hưng cảm thấy cần phải bù đắp cho sự vắng mặt của ông ở ngoài chiến tuyến cùng bộ đội Việt Minh, đặt cược tính mạng trong những trận chiến.

Năm 1954, chiến tranh kết thúc với chiến thắng của Việt Minh, qua Pháp cuối cùng đã thất bại trong trận Điện Biên Phủ. Hưng đã chuẩn bị để bán phở miễn phí, mở quán suốt ngày để mọi người có thể uống rượu và chơi đùa trong lễ mừng, nhưng rốt cục họ cũng không thể vui đùa mãi, ít nhất là Đạo, cậu ngay lập tức đã lái câu chuyện về những thực tế của một Việt Nam tự do và vai trò của những người có học như họ trong đó như thế nào.

Đảng Công Nhân cũng đã đưa ra vài suy nghĩ cho câu hỏi này. Vài ngày ngay sau cuộc giải phóng, Đảng đã ban hành một loạt các tuyên bố kêu gọi thành phần trí thức và nghệ sĩ - những người biết chữ và đã được giáo dục tư tưởng - dẫn dắt quần chúng giác ngộ cách mạng, cũng như giảng dạy và phổ biến các triết thuyết của Mác-Lê Nin. Phát thanh viên tìm cách tuyển người bằng cách tuyên truyền về nhiệm vụ cách mạng từ trên các nóc nhà; các cán bộ thì đi dán những tấm áp phích trên những bức tường quán của Hưng.

“Gượng chút nào,” Đạo là người đầu tiên trong quán nói. “Nhiệm vụ này thích hợp cho văn nghệ sĩ thật à? Trở thành một nhân viên ngôn luận của Đảng, một người viết khẩu hiệu à?”

Cuối cùng, cậu đã bị trừng phạt vì dám hỏi những câu hỏi kiểu đó.

Ông tự hỏi bố của cô gái Maggie phải chăng cũng đã đẩy cuộc sống của ông ấy vào vòng nguy hiểm theo cách đó? Trong tất cả các khả năng, có lẽ là vậy thật vì ông ấy được gửi đến trại cải tạo cùng một năm khi các cán bộ Đảng đến chỗ Đạo và bạn bè của họ. Nhưng nếu ông ấy chịu cùng số phận như Đạo? Thì Lý Văn Hai đã không bao giờ trở lại rồi.

Ông Hưng đang ngồi trên một chiếc ghế bọc lụa. Ông đang ngáy ngủ, miệng mở rộng khoe hàm răng khuyết, một tách trà xanh chưa uống đang còn nằm trên kệ. Maggie đóng cửa một cách im lặng và ông già thức dậy, trông như một con cóc sần sùi đầy bối rối.

“Răng của bác,” ông nói, vỗ nhẹ lên đôi môi.

“Người gác cổng đã tìm thấy chúng bên cạnh bác, trên con đường,” Maggie đáp. “Cháu e rằng là chúng chẳng còn dùng được nữa.”

“Chẳng thể khớp nữa rồi,” ông Hưng lẩm bẩm.

“Và đây nữa ạ,” Maggie nói, trong lúc đưa ông những mảnh kính còn sót lại của cái mắt kính.

Ông già mân mê chiếc kính trong tay như thể nó là một thứ gì đó xa lạ, rồi gập lại bỏ vào túi áo cùng lời cảm ơn. Ông chùn gối như thể muốn đứng dậy. Ông quần dài đã bị rách và dính đầy dầu mỡ, và Maggie thấy một vết cắt kinh khủng chạy dọc suốt cẳng chân gầy gò đã trụi lông của ông.

“Bác đừng đứng dậy ạ,” Maggie bảo và lấy tay đẩy vai ông ngồi lại. “Bác đang chảy máu kìa, bác Hưng. Cháu sẽ gọi bác sĩ khám cho bác.”

Ông già xua tay ngăn lại, trấn an rằng ông vẫn ổn, không gãy xương, chỉ là hơi bị trầy xước và bầm tím. Ông xin lỗi đã làm mất thời gian của cô.

Maggie tự hỏi: Nhưng ông đã làm gì mà đẩy xe phở lên đường Ngô Quyền, một trong những con đường tấp nập sầm uất nhất Hà Nội? Đó chắc chắn không phải là quãng đường ông đi về nhà sau bữa sáng rồi. “Bác đến đây gặp cháu ạ?” Cô hỏi dò.

Ông già ngẩng đầu lên. Mái tóc xám mỏng hầu như không che phủ lớp da đầu bị tàn phá bởi hàng thập kỷ đội nắng mưa. Đúng, ông ấy đã đến đây để gặp cô. Tiếc là giờ đây ông cũng không rõ tại sao.

“Bác có chuyện muốn cho cháu biết phải không ạ?” cô gái hỏi tràn đầy hi vọng.

“Có lẽ bác đã nhớ ra,” ông gật đầu cúi nhìn hai đầu gối.

“Bác hãy nghe cháu. Giờ cháu sẽ đưa bác vào phòng nghỉ ngơi một lúc. Cho cái chân được nghỉ.”

“Không, không.” Ông xua tay. “Quả thật là không cần đâu.”

Thật ra cô không muốn để ông già đi. Cô đã sai lầm khi nghĩ rằng mình sẽ còn nhiều thời gian với mẹ cô, và cô chẳng muốn lặp lại sai lầm đó chút nào.

Ông Hưng chưa bao giờ được nhìn thấy một chiếc giường lớn như thế. Thậm chí sau khi đã tắm nước nóng, ông cũng sợ sẽ làm bẩn những tấm ga trắng tinh đó. Ông chà các cục chai chân lên một tấm thảm dày màu xanh, và mở lần lượt tất cả tủ đồ. Chúng rỗng, nhưng có hai chiếc áo khoác lẻ màu trắng và một cặp dép đi trong phòng. Căn phòng thật tuyệt. Tất cả mọi thứ ông từng có có thể chất vừa trong những chiếc tủ đồ này, nhưng chẳng thứ nào đủ tốt và sang trọng để được giữ ở đây.

Ông mặc chiếc quần dài đồng phục của nhân viên khuôn vác mà Maggie đã treo sau cánh cửa. Chúng quá dài và hơi chật ở hông, nhưng ông thích đường viền vàng chạy dọc hai ống chân. Quả là thông minh.

Ông kiểm tra các góc giường, nó chống đỡ sức nặng của ông một cách đáng kinh ngạc, rồi thì nằm lên cả đồng gối căng phòng. Ông nhìn chăm chăm vào những đà gỗ trên trần nhà nghiêng nghiêng và tự hỏi làm cách nào quay lại được như thế mà không có thiết bị hỗ trợ, và bao nhiêu con vẹt bị vật lông để làm nên những chiếc gối trên giường. Ông vươn tay với lấy tập giấy trên chiếc gối bên tay trái của mình. Nó là một thực đơn để gọi phục vụ phòng. Maggie đã nói ông có thể bấm số 9 để gọi bất cứ món nào ông muốn ăn. Bất cứ món gì. Nhưng ông Hưng chưa từng sử dụng qua điện thoại. Ông cũng chưa bao giờ sử dụng tivi nên miễn cưỡng nhấn đại một nút nào đó trên một thiết bị mà cô gái bảo là điều khiển từ xa.

Khi Maggie đến để xem tình hình của ông vào đầu giờ chiều, cô bấm một nút trên cái điều khiển và mở tivi lên cho ông. “Những mũi tên này,” cô nói. “Đó là cách bác chuyển kênh. Còn giờ thì chúng ta đi ăn nhé?”

Trên trang cuối cùng của cuốn phục vụ phòng, ông tìm thấy một danh sách các món ăn đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt, nhưng không may là quá ít món quen thuộc với ông. Ông chưa bao giờ nếm Club Sandwich, Caesar Salad hay Cheese Plate. Ông chọn Phở, tò mò muốn biết mùi vị của Phở sẽ thế nào khi chúng được làm từ những nguyên liệu mà tiền bạc không phải là vấn đề.

Béo và ngọt, theo sự đánh giá của ông. Thật ra là không hấp dẫn. Được làm cho một cái gì đó hơn là thị hiếu Hà Nội. Tuy nhiên, ông đói đến kinh ngạc, ông vừa húp từng muỗng nước phở vừa xem tivi. Một kênh gọi là CNN phát tin tức lính Mỹ tại Iraq. Họ luôn luôn chiến tranh, dường như thế. Ông ấn phím mũi tên. Những người đàn ông da đen đang nhảy trên kênh MTV. Ông Hưng chưa từng thấy người da đen nào trong đời. Nhìn những đồ trang sức vàng, và những cô bạn nhảy của họ, ôi zôi ôi, họ gần như khỏa thân! Cục phòng chống tệ nạn xã hội giờ đâu rồi? Họ đang bận truy bắt những người chế nhạo Đảng trong khi để mặc những cô gái khỏa thân đang nhảy múa trong những căn phòng ở Metrolpole sao?

Ai đó gõ cửa hai lần, rồi thì đẩy cánh cửa vào phòng. Ông Hưng đặt tô phở sang một bên và nhanh chóng ấn mũi tên quay trở lại đề tài chiến tranh trên kênh CNN.

Hôm nay là một ngày với nhiều điều mới lạ và lần đầu tiên. Ông Hưng bị buộc phải đến nha sĩ một lần rồi, nhưng đây là người bác sĩ đầu tiên từng khám cho ông. Viên y sĩ mặc áo blouse trắng và đeo cà vạt, trông trẻ một cách kỳ cục để đảm đương một công việc quan trọng như thế này; cậu ta thậm chí còn có thể trẻ hơn cả Tư nữa. Không phải là ông Hưng không tin rằng thuốc Tây có bất kỳ quyền phép đặc biệt nào. Ông chỉ thấy ngờ về những viên thuốc và đồ dùng nào thiếu đi sự cân bằng Âm Dương.

Viên y sĩ yêu cầu ông Hưng cúi về phía trước để anh ta có thể khám phía sau đầu ông, rồi yêu cầu ông cởi quần dài để khám chân. Nhưng tại sao viên y sĩ lại cũng khám cả mắt, nách, lưng, tinh hoàn, và còn bắt ông đếm ngược từ 100?

“Bác bao nhiêu tuổi rồi, bác Hưng?” anh ta hỏi.

Trung thực mà nói thì ông Hưng không biết. Ông thậm chí không chắc là năm nào. Rốt cuộc thì có vấn đề gì? Ông đánh dấu thời gian theo tháng, theo dõi chu kỳ trăng; đó là những tháng đầy ý nghĩa, các mùa và những con nước. Năm thì nhiều hơn một ý tưởng của chính phủ hào hứng tổ chức các lễ tưởng niệm bằng cách xây dựng các tượng đài liệt sĩ cách mạng.

“Đủ già,” ông đáp một cách vô ích.

Và rồi viên y sĩ bắt đầu với các dụng cụ, ấn một đĩa kim loại lên ngực ông Hưng, thông qua một dụng cụ khuếch đại để anh ta nghe nhịp thở của ông.

“Bác có hút thuốc không, bác Hưng?” viên y sĩ hỏi, rút hai ống nghe khỏi tai.

“Không.”

“Bác có] từng bị đau ở ngực, hay hụt hơi chưa?”

“Tôi có cảm giác yếu đi một ít thời gian gần đây,” ông Hưng thừa nhận.

“Cháu có thể nghe thấy một ít dịch quanh phổi bác. Cháu nghĩ tốt nhất ta nên chụp X quang,” anh ta nói. “Cháu sẽ viết đơn xin cho bệnh viện.”

Bệnh viện. Bệnh viện đã bị nổ bom trong suốt chiến tranh, và ký ức về cuộc tàn sát vẫn còn sống động một cách khó chịu. Ông Hưng không có tiền để đi khám và cũng không định làm thế.

“Chân tôi thì thế nào?” ông hỏi.

“Chân bác ổn,” viên y sĩ đáp, “Đó chỉ là một vết thương ngoài da. Giữ vết cắt sạch sẽ với xà bông và nước là được, cháu sẽ ghi toa cho bác một ít thuốc kháng sinh bôi ngoài da, bác dùng hai lần mỗi ngày. Nhưng,” anh ta vừa nói vừa ghi vài thứ xuống tờ ghi chú, rồi xé tờ giấy đưa cho ông Hưng, “Cháu khuyên bác nên chụp X quang.”

Ông không cần chiếu tia X. Ông chỉ cần ăn đúng loại thức ăn; thực phẩm là thứ dược phẩm tốt nhất. Rõ ràng là khí lực của ông đã cạn kiệt. Ông cần ăn cháo đậu phụ và tập một vài bài yoga hay thái cực quyền mà ông đã quên tập chúng.

Ông Hưng nhẹ nhõm khi cuối cùng thì viên bác sĩ cũng đã rời đi và Maggie quay trở lại. Cô mang một tách trà cho mỗi người họ. Trà Anh trong một chiếc tách Trung Hoa. Cô kéo ghế đến gần giường và ngồi xuống. Cô hỏi ông cảm thấy thế nào và nghĩ gì về Phở.

“Cũng được,” ông nói, “cũng được.” Ông không muốn là người bất lịch sự hay có vẻ vô ơn.

“Bác đang nói khách sáo phải không ạ?” cô hỏi.

Ông ngạc nhiên. Đây là phong cách của người Mỹ à? Ông chỉ có thể tưởng tượng thế, bởi chưa bao giờ gặp một người Mỹ trước đây. “Ừm, tốt,” ông nói, hắng giọng. “Tất nhiên luôn có chỗ cần cải thiện.”

“Bác có nhớ lý do vì sao bác đến gặp cháu sáng nay không ạ?” cô hỏi.

“Bác rất lấy làm tiếc, Maggie ạ, trí nhớ của bác không còn như xưa. Không nghi ngờ gì là hậu quả của tuổi già.”

“Bác sĩ dường như nghĩ có vài thứ nghiêm trọng hơn đang diễn ra, bác Hưng ạ. Có thể không phải với trí nhớ của bác, mà là về lượng Oxy lên não.”

Bài tập thở, ông nghĩ. Thái Cực Quyền. Lưu thông.

“Có lẽ cháu đã biết,” ông bắt đầu, “quay trở lại những ngày khi bác có một tiệm phở, bác có một nhóm khách quen thường đến ăn sáng - đều là những trí thức và văn nghệ sĩ. Cháu nói bố cháu đã bị đưa vào trại năm 1956 phải không? Đúng vậy, đó cũng là năm những người đàn ông đó bắt đầu xuất bản tác phẩm của họ. Họ xuất bản một tạp chí văn học và đã có 6 kì tạp chí gây tranh cãi. Họ quan niệm những ấn bản đó như là những nền tảng cho trường phái nghệ thuật ấn tượng và tranh luận chính trị, nhưng dĩ nhiên Đảng không có hứng thú trong những việc như thế và họ đã bị lên án vì lãng phí công sức vào thứ gì đó hơn là tuyên truyền tư tưởng và đường lối cách mạng. Họ từ chối truyền bá chủ nghĩa xã hội hiện thực mà Đảng yêu cầu họ theo. Đó là tội của họ.”

“Ý bác là bố cháu có thể là một phần trong mắt xích đó?” cô hỏi, nghiêng người về phía trước ghế, đôi tay tinh tế đặt trên đầu gối, với một nụ cười đầy hi vọng trên khuôn mặt đáng yêu.

Ông bị gọi lại hình ảnh của Lan những ngày khi cô chờ đợi câu chuyện của ông, cái cách cô nhìn ông muốn biết nhiều hơn nữa. Nói cháu biết, cô ấy sẽ nói thế. Dạy cho cháu. Tại sao Đạo lại nói rằng tình yêu như một ván cờ Tướng?

Ông Hưng có một buổi bình minh tồi tệ, có thể sự gần giống Lan của Maggie đã xui khiến ông đến đây, đến khách sạn này. Ông có thể nhớ vài điều về bố cô gái, nhưng việc khiến ông gấp gáp đến đây có lẽ bắt nguồn từ một thứ gì đó ích kỷ.

Ông cảm thấy xấu hổ khi nghĩ rằng Maggie đẹp. Thực tế là mong muốn được biết chuyện về những người đàn ông vĩ đại một thời đã qua của cô đã gợi ông nhớ đến một người khác. Ông vẫn chưa thể nói chắc chắn bất kỳ điều gì về việc ông biết bố cô gái.

“Tiệm ăn của tôi không phải là nơi duy nhất diễn ra những cuộc tranh luận,” ông nói, “nhưng nó được mọi người biết đến. Nó có danh tiếng. Nó thu hút nhiều người đam mê nghệ thuật và ưa tranh luận, nhưng tôi e rằng tôi không thể nhớ lại hết tên của bọn họ.”

“Bác có biết ai trong số họ vẫn còn sống không?” cô hỏi.

Đó quả là một câu hỏi đau lòng, càng đau hơn bởi sự trực diện của nó. Ông Hưng tìm kiếm, nhưng không thấy một thứ nên thơ nào có thể gợi cho ông ở đây.

“Những người không cải tạo được bị giết hoặc tra tấn đến mức họ chết một cách nhanh chóng bởi những vết thương,” ông nói một cách đau buồn. “Đó là một sự thật bi thảm.”

“Hoặc họ tìm cách bỏ trốn,” Maggie tiếp.

Cũng là một ý tưởng, ông nghĩ, khi ông chống lưng dựa vào đám gối và giữ đôi mắt nhìn lên. Nơi đây là tầng trên cùng của khách sạn; cao xa hơn nữa, chắc là vài ý tưởng thuộc địa về thiên đàng. Trốn thoát là bất khả thi, và ông chưa từng nghĩ đến trước đó. Ông thậm chí chưa từng nghe một ý kiến đưa ra như vậy, dù có thâm thì với nhau, rằng có ai vừa trốn khỏi trại. Nhưng rồi nó hầu như không còn nằm trong sự quan tâm của Đảng để quảng bá một điều như thế, để chứng tỏ rằng cải tạo không phải lúc nào cũng thành công. Bằng chứng là có những người đào tẩu vào miền Nam hay thậm chí họ đi trên những con thuyền mục nát hướng ra những vùng nước đầy nguy hiểm ngoài biển Đông hơn là chịu theo học những khóa giác ngộ tư tưởng.

“Bố của cháu - ông ấy cũng đã bỏ trốn?”

“Mẹ cháu là một y tá ở trại cải tạo,” cô nói. “Bà đã đưa ông ra và họ cùng vào Nam. Bố cháu sống ở đó thêm 15 năm ạ.”

Điều đó không thú vị sao, ông nghĩ. Nhiều thập kỉ sau đó, một cô gái Việt Kiều lớn lên ở nước Mỹ xa xôi đã đề cập đến tính khả thi của một hướng giải quyết khác. Thực tế, cô ấy có vượt qua những điều khả dĩ và đưa ra được bằng chứng. Nếu Đạo cũng trốn thoát khỏi nanh vuốt của họ thì sao? Nếu Đạo cũng đã có thêm 15 năm nữa?

“Cuối cùng thì điều gì đã xảy đến với bố cháu?” Hưng hỏi.

“Sự sụp đổ của Sài Gòn ạ,” cô gái nói.

Thế là người đàn ông đã trốn thoát khỏi miền Bắc chỉ để bị giết sau đó ở miền Nam.

“Ông ấy lớn tuổi hơn mẹ cháu nhiều chứ?” ông Hưng hỏi.

“18 năm”

Cũng 21 năm giữa ông và Lan. Có là vấn đề gì chỉ ít hơn 3 năm? Có thể họ sẽ có một cô con gái như người phụ nữ trẻ đáng yêu đang ngồi trong phòng với ông lúc này? Có thể sẽ có gì đó giữa họ đã sống?

Tư vừa tiễn những du khách mới người Đức tại Metropole sớm hơn 2 giờ so với kế hoạch. Cậu không biết là vì đôi tình nhân hay người tài xế cậu đã bị buộc phải làm việc cùng từ khi Phương gọi điện sáng nay xin nghỉ vì bị ốm, nhưng rõ là một ngày thiếu đi niềm vui. Đôi tình nhân trông có vẻ không ấn tượng lắm với danh sách những nhạc sĩ người Đức nổi tiếng của cậu. “Ich glaub, mich laust der Affe,” họ nói, Tư nghĩ phải là người Đức hoặc gần như thế, trừ khi nhiều từ hơn.

Tư nhận ra mình đang ở quán bar nơi cậu và Phương cùng uống bia khi vui vẻ vào những ngày như thế này, khi du khách đã thỏa mãn và chỉ muốn gột sạch bụi bặm của Hà Nội trong hồ bơi của khách sạn. Đôi khi, nếu Phương có vài điều để suy ngẫm, ta có thể thấy cậu ấy ở đây một mình. Nhưng những giờ phút hạnh phúc cũng không thể khiến Tư vui vẻ nếu Phương không có mặt. Thực ra mà nói những người ở đây trông chán chường và chẳng vui vẻ gì, và Tư cảm thấy như một kẻ cực kỳ thất bại cho đến khi cậu thấy nhẹ nhõm bởi tiếng chuông điện thoại.

Cậu lớn tiếng trả lời. Nhưng ai đang ở đầu bên kia? Đó là một cô gái tên Miss Maggie Lý, cô ta nói tiếng Việt lơ lớ. Cô nói cô đang gọi từ Sofitel Metropole. Những người Đức đó đã phàn nàn về cậu với quản lý khách sạn chẳng?

“Về chuyện ông Hưng của anh,” cô gái nói.

Ồi không, Tư nghĩ, phải chăng ông già đang vướng vào rắc rối gì? Ông ấy bôi xấu mình ở khách sạn à?

“Tôi e rằng ông ấy gặp một ít rắc rối trong một tai nạn.”

Tư bỏ vài Đồng xuống bàn, rồi chạy bộ xuống đường. Cậu vẫn luôn lo sợ một ngày như thế này sẽ đến. Dòng xe cộ không bao giờ có lòng thương tiếc gì cho một ông già đẩy xe. Một thoáng do dự hay sơ suất đã có thể giết chết một đứa nhóc 16 tuổi lanh lợi ngay.

Tư học tốc chạy xuyên qua những cánh cửa trước của Metropole, hơi bia ựa lên cổ. Cậu lướt nhanh qua sảnh. Mọi thứ thật khổng lồ: những cột trụ, những chậu cọ kiểng, và những vị khách.

Người đàn ông sau quầy tiếp tân chỉ cậu đến ngồi ở ghế. Tư cảm thấy thật nhỏ bé khi ngồi trong chiếc ghế mạ vàng, đôi chân hầu như không chạm vào nền nhà. Cậu huýt sáo một cách lo lắng và đứng đưa chân cho đến khi cậu chú ý thấy nhân viên giữ cửa đang khó chịu với cậu. Người đàn ông từ bàn tiếp tân đến gần và hỏi nếu cậu muốn uống một tách cafe ở ngoài sân trong khi đợi; cô Maggie sẽ đến lâu hơn vài phút nữa. Tư định từ chối, nhưng điều gì đó trong tình huống này mách bảo cậu không nên thế. Đó là một lời mời rất ẩn ý. Cậu là một hướng dẫn viên du lịch, không phải một vị khách. Họ không thích có những hướng dẫn viên ngồi trên những chiếc ghế đắt tiền của họ; dĩ nhiên họ không mời những người đó đến uống cafe. Cậu lo lắng rằng hoạt cảnh được chuẩn bị để tiếp nhận những tin tức tồi tệ nhất.

Nhân viên khuôn vác đưa cậu đi qua một quầy rượu và đi lên một sàn gỗ Tếch của một quán bar bên hồ bơi. Tư ngồi lên một chiếc ghế đan lớn trông giống như ghế dựa của một bộ phim. Cậu ước gì có một cốc bia lúc này, nhưng người bồi bàn phục vụ cậu cafe - cafe trong một chiếc tách và đĩa chứ không phải ly như cậu quen dùng. Tư lấu lỉnh nhìn trái nhìn phải trước khi nhón lấy một miếng Chocolate đang nằm cạnh đĩa bỏ vào túi áo khoác. Cậu ngấm tiếp những viên đường, cả trắng và nâu.

Đột nhiên cậu thấy như đang bay lơ lửng trên đôi chân khi thấy vẻ đẹp của một làn da trắng hồng hài hòa với bộ đồ đen của người đang bước vào quán bar - là cô ấy, người phụ nữ bí ẩn xuất hiện vào bữa ăn sáng hôm qua! Trước khi cậu có thể nghĩ ra thứ gì để nói nếu cậu đến gần cô ấy, thì cô ấy đã tiến đến trước cậu.

“Anh Tư?” cô hỏi.

Tư gật đầu, choáng váng bởi sự trùng hợp ngẫu nhiên. “Cô Maggie Lý?” cậu hỏi dò.

“Cám ơn anh đã đến,” cô nói, bàn tay mở rộng, phong cách của cô dứt khoát, chuyên nghiệp, Mỹ, giọng cô lơ lớ. “Tôi xin lỗi đã bắt anh phải đợi.”

“Ông già vẫn ổn chứ?” Tư hỏi.

“Ông ấy ổn. Tôi đã gọi bác sĩ đến khám và không có xương nào bị gãy. Mặc dù ông ấy có chút xúc động bởi những gì xảy ra, và chiếc xe hàng cũng bị hư hại kha khá. Tôi không nghĩ ông ấy có thể tự về nhà được. Tôi đã hỏi liệu tôi có thể gọi cho ai giúp ông ấy không và ông đã đưa tôi danh thiếp của anh. Ông ấy đã mang nó trong túi.”

Tư nhẹ nhõm là ông già không bị thương nghiêm trọng, nhưng cậu cũng hơi xấu hổ bởi tình huống này. Những nhân viên có lẽ đã nghĩ ông Hưng là kẻ vô gia cư.

“Cô, ừm, cô quen biết ông Hưng?” Tư hỏi.

“Tôi? Ồ không. Chúng tôi chỉ vừa gặp nhau sáng qua.”

Điều đó chỉ khiến Tư càng tò mò, nhưng trước khi cậu có cơ hội để nói chuyện đó xa hơn, cô đã đứng dậy và vuốt thẳng ống quần dọc theo đùi theo một cách mà Tư thấy hơi gợi cảm. “Nếu anh không phiền đợi ở sảnh,” cô nói, “Tôi sẽ dắt ông ấy xuống.”

Tư nhìn cô Maggie Lý rời đi. Tư không có nhiều kinh nghiệm với Việt Kiều, ít nhất là với cự li gần và mang tính chất cá nhân như thế này. Cho đến gần đây, Việt Kiều mới bắt đầu được hoan nghênh. Cô gái có một thân hình đẹp gọn gàng và những cái lắc hông duyên dáng theo nhịp điệu, mặc dù cô chỉ cao như mọi người phụ nữ Việt Nam khác. Đó hẳn là nhờ các loại sữa trong chế độ ăn của người Mỹ. Nó có thể giải thích cho hàm răng trắng đều của cô. Sữa và Hamburger. Cậu tự hỏi cô trông thế nào lúc khỏa thân. Khi cô trút bỏ hết quần áo trước khi lên giường cùng chồng. Nhưng không, cô ấy là Miss, không phải Mrs. Vậy thì bạn trai cô ấy. Một ý nghĩ còn đen tối hơn.

Tư với lấy mấy cục đường và bỏ một ít vào túi. Một người bồi bàn bắt gặp ánh mắt tội lỗi của cậu.

Ông già Hưng chưa bao giờ trông trí thức thế: ông đang mặc một chiếc quần dài màu đen với đường viền vàng chạy dọc hai bên trông như thể ông làm trong quân đội. Mái tóc thay vì dính vào đầu như bình thường, bây giờ có chút bồng bênh. Người Ông cũng tỏa ra mùi thơm, hơi nữ tính một chút, như mùi hương hoa. Ông trông có vẻ tốt hơn nhiều so với việc gặp tai nạn, thực thế.

Tư gửi cho cô Maggie một tấm danh thiếp của New Dawn và một cái vẫy chào tự tin, cậu nói: “Nếu cô cần các dịch vụ hướng dẫn du lịch trong tương lai.” Những người bạn ở những tầng lớp cao, cậu nghĩ. Ông Hưng vẫy tay chào tạm biệt một cách mạnh dạn trong lúc nói “Bác mong gặp lại cháu vào bữa ăn sáng.”

Nhưng tại sao ông mong gặp lại cô vào bữa ăn sáng? Cái quỷ gì đang diễn ra thế này?

“Bác Hưng,” Tư nói khi họ đi xuống bậc cấp khách sạn, “Chuyện gì đã xảy ra thế ạ?”

“Xe Taxi đụng bác,” ông nói, bước đi khập khiễng và níu lấy Tư bằng cánh tay. Ông xông thẳng vào dòng xe cô, chỉ vào chiếc xe đẩy nằm bên phía kia trên một góc giao thông, tấm bảng trước hoàn toàn bị xé rời.

“Nhưng tại sao bác lại đến đây?” Tư la lên. “Đây không phải đường về nhà bác.”

“Có thể bác thấy chán phải đi theo lộ trình cũ,” ông Hưng nói, lão đảo bước lên gờ. “Bây giờ thì giúp bác kéo nó dậy nào.”

“Bác Hưng, cháu nghĩ chúng ta nên gọi bố cháu đến sửa chiếc xe trước khi chúng ta thử di chuyển nó.”

“Lại đây nào, Tư,” ông nói, bướng bỉnh và kiên quyết. Ông già kéo nó trong khi Tư cúi xuống chống lưng cậu lên một bên chiếc xe, vừa càu nhàu vừa căng đùi và gắng đẩy lên.

Ông Hưng đẩy chiếc xe về phía gờ không có xe cộ và lật nghiêng về bên phải. Những chiếc bánh xe bị lệch hướng.

“Tệ thật. Bố cháu có thể sửa nó,” Tư nói.

Nhưng ông già từ chối về nhà của Tư, ông khẳng khái mình cần quay lại khu ổ chuột. Ông luôn luôn cố chấp về mặt này. Ngay cả lúc Tư tìm thấy ông đang đau đớn sau khi ông tự gây mê mình bằng rượu gạo và nhổ 3 chiếc răng khỏi gốc sau khi bị công an đánh, ông Hưng cũng đã từ chối về cùng Tư. Ít nhất hai ngày sau đó ông đã không ăn được gì. Thay vào đó bố của Tư đã đưa đến một nha sĩ, với chi phí đáng kể, giúp ông Hưng nhổ phần răng còn lại của hàm trên và cho ông một bộ răng giả bị bỏ đi được làm cho một bộ hàm nhỏ hơn nhiều - hàm răng giả đó dường như cũng đã mất trong những sự kiện bí ẩn hôm nay.

Rất nhiều lần trong những năm qua, Tư và bố cậu đã năn nỉ ông già đến ở cùng họ - đó là cách của người Việt - nhưng ông Hưng luôn là người chiến thắng trong trận chiến của sự ương ngạnh, ông không đưa ra lý do nào khác ngoài “một người đàn ông biết mình thuộc về nơi nào.”

Tư cảm thấy không người đàn ông nào lại thuộc về một nơi bản thủ và tồi tàn như thế, trừ ông già Hưng. Cậu vẫn hằng muốn lòng nhân hậu của ông già được đền đáp bằng một nơi ở có điều kiện tốt hơn, một nơi phù hợp để sống, nhưng cậu biết cũng vô ích thôi nếu tiếp tục cố gắng thuyết phục ông già rời xa khu ổ chuột đó. Ông ấy sống một cuộc sống bình lặng với những thói quen hằng ngày, son sắt với mọi người và những nơi ông ấy biết, bán bữa sáng mỗi ngày, rồi thì trở về nhà, về chiếc lều của ông bên bờ hồ bản thủ.

Chương 4. Nét Đẹp Nhân Văn

Ông Hưng đồng ý cầm tiền của Tư để đi taxi, đơn giản là chỉ để chấm dứt những thắc mắc của Tư. Ông thấy xấu hổ về tình huống này trong mọi phương diện, và sự can dự của Tư lúc này cũng sẽ khiến Bình và bà Anh lo lắng. Trong trường hợp tệ hại nhất, ông sẽ không thể đưa ra một lời giải thích hợp lý về những gì đã xảy ra cho họ.

Chiếc taxi bò từ từ qua những con đường đông nghẹt người đang trên đường về nhà. Họ đang chờ con, đồ ăn và tin tức trong ngày, trông chờ được đoàn tụ với gia đình trong buổi ăn tối, ông Hưng nghĩ thế, loại cuộc sống mà có thể ông đã sống nếu trong một hoàn cảnh khác. Cái nhìn qua cửa sổ loại bỏ ông, tách ông ra khỏi những con đường ông biết.

Sự cố hôm nay khiến ông không thể đi lấy nguyên liệu chuẩn bị cho bữa sáng ngày mai được. Xuất thân nghèo khó và để có một cuộc sống tốt hơn có nghĩa là ông phải gắn chặt

cuộc đời mình với công việc để phát triển nó. Phở là người tình, đồng thời là người vợ hợp pháp của ông Hưng, cũng như nó đã từng là thế với chú Chiến.

“Cháu nên nhẹ nhàng với miếng thịt bò khi cháu cắt nó,” ông nhớ lại lời hướng dẫn của chú mình khi đã lớn hơn. “Nếu cháu đối xử với nó dịu dàng, nó sẽ dẫn dắt cháu cắt theo từng thớ thịt, hòa hợp với nước dùng của cháu như thể đây là một người đẹp đang say ngủ vậy; dõi theo cô mọi lúc, và chỉ đánh thức cô ấy dậy vào giờ cuối với một ít nước mắm.”

Mặc dù gần như hoàn toàn trung thành với công thức của chú Chiến, ông Hưng cũng vẫn phải thay đổi nó cho phù hợp với những biến đổi thất thường của cuộc sống trong nhiều năm qua. Đó là thời gian mà ông nấu phở hầu như không có nguyên liệu. Ông không biết nó có thể, nhưng tình yêu đơn phương với một cô gái đã thúc đẩy và lôi kéo ông quay lại với tâm hồn của phở, người tình thân thiện và là người vợ đáng tin của ông.

Ông đã từng ngồi bên ngoài lều của mình cùng với Lan vào một buổi tối rất lâu trước đây, trăng tròn mờ sáng xuyên qua những đám mây, và lúc đó là lần đầu ông thừa nhận với chính mình rằng ông đang gặp rắc rối. Bà của Lan nhập bọn cùng họ ít hơn so với trước đây, bà nói rằng những câu chuyện và những bài thơ chỉ khiến bà buồn ngủ và sự có mặt của bà cũng không đóng góp được thêm gì? Tuy nhiên, bà vẫn khuyến khích cô cháu gái của mình ngồi cùng Hưng vào những buổi chiều tối, bà bảo cô gái cần được dạy dỗ và không còn nơi nào khác để học hỏi.

Ông Hưng nghĩ đó hoàn toàn là một nhận thức sáng suốt của bà của cô, dù ông có lẽ lựa chọn làm ngơ không nghĩ đến mục đích của bà là đẩy cháu gái vào vòng tay của một người đàn ông để bớt phần gánh nặng cho mình, ngay cả khi đó là một người đứng tuổi, đầy khiếm khuyết và nghèo túng như ông Hưng.

Ông Hưng rất quan tâm đến học vấn, vấn đề hệ trọng ông luôn nghiêm túc và nỗ lực, ông học hỏi nhiều nhất có thể từ Đạo. Ông Hưng đã cất giữ toàn bộ những bài thơ Đạo sao chép ra và cho ông, thậm chí mặc dù sau đó Đạo đã vứt bỏ những nỗ lực trước đây của chính mình, xem chúng như những ta thán quá ngây thơ và kém chín chắn về một đất nước đã bị đánh cắp với những hình ảnh ám ảnh của những bà mẹ đang khóc than, những bông hoa nở không hương sắc.

Khi Việt Nam đang trong công cuộc đấu tranh giành độc lập, những bài thơ của Đạo đã chạm vào một tương lai không chắc chắn, khắc họa những hình ảnh đối lập giữa người nông dân Việt trong vườn thú Paris với những kim tự tháp người trông như những ngôi chùa; những công nhân hợp tác người Việt với đôi tay hướng về bầu trời nhuộm vàng. Một

số bài thơ đã được xuất bản trong Giai phẩm mùa Xuân, số đầu tiên mà Đạo và các bạn của cậu đã xuất xướng.

Khi đọc cuốn tạp chí dưới ánh sáng vàng mờ của cây đèn dầu trong căn phòng phía sau cửa hàng, ông Hưng cảm thấy những câu chữ như đang nhảy một điệu nhảy nguy hiểm trên trang giấy. Những minh họa sống động đầy ẩn ý. Da ông như đang bị kiến bò và đôi tai nóng ran lên khi ông đọc một bài thơ viết về những thời gian khó khăn đã xảy đến cho miền Bắc từ năm 1954. Đó quả là một đề tài nguy hiểm để đề cập, nó có thể dẫn đến việc Đảng bắt giữ một kẻ với tội danh là phản tử kích động cho chủ nghĩa đế quốc ở miền Nam.

Khi ông Hưng cố trả lại cuốn tạp chí cho Đạo vào buổi sáng hôm sau, Đạo nhấn mạnh rằng nó là của ông, ông có thể giữ nó. “Vì anh là một phần tử trong nhóm bọn em,” cậu nói. “Cũng đóng góp một phần trong phong trào của chúng ta nhằm giữ gìn nét đẹp của cuộc sống con người.”

Ông Hưng ngập tràn cảm xúc tự hào pha lẫn với lo sợ trong khi ôm những trang mực vào ngực. Ông cúi đầu. Ông đã bị đốn hạ bởi sự vinh dự, nhưng kèm theo đó là trách nhiệm. Là một thành viên của phong trào của họ đồng nghĩa với chấp nhận chia sẻ nguy hiểm cùng họ.

5 năm sau đó, trong niềm hứng khởi của việc dạy dỗ Lan, ông Hưng thấy chính mình đang chia sẻ cuốn tạp chí với cô gái, ông tìm lại bản sao đã mực của Giai phẩm mùa Xuân trong chồng giấy tờ đã được bọc nhựa trong lều của ông để tránh chuột gặm và nước mưa thấm vào. Ông đưa cô tập giấy in bằng máy in Stencil, ông muốn cô cảm nhận tờ giấy, mùi mực trên từng trang giấy với hi vọng cô có thể trải nghiệm nó với tất cả giác quan của mình như lần đầu ông cầm nó.

“Nhưng chú, cháu không biết đọc,” cô nói, vẫn giữ tờ giấy trên đôi tay mảnh mai.

Ông Hưng đã ngạc nhiên khi nghe thế. Ông thất học từ năm 11 tuổi, nhưng vì ông là một cậu bé quê mùa xuất thân ở làng, đó là điều dễ hiểu. Còn cô bé là người Hà Nội, được sinh ra và nuôi dưỡng ở đây, với sự tinh nhạy của thành phố trong cô dù cho hoàn cảnh tệ hại xung quanh cô lúc này.

“Cháu không được đi học à?”

“Bố cháu đã bị giết trong cuộc đấu tranh giành giải phóng khi cháu còn rất nhỏ,” cô nói. “Sau đó chúng cháu có rất ít tiền, chỉ đủ để một trong số chúng cháu đến trường. Chúng cháu đã nhường cho anh cháu.”

Và thế là ông Hưng bắt đầu đọc cho cô bé - những bài bình luận, những câu chuyện và những bài thơ. Ông cố gắng đọc thơ với giọng đọc diễn cảm nhất, thêm vào mỗi dòng một số nhấn nhá và âm điệu gần giống như Đạo.

Ông Hưng đọc nội dung của cuốn Giai phẩm mùa Xuân cho cô gái, rồi đến Giai phẩm mùa Thu. Cô nghe tất cả và muốn được nghe nhiều hơn nữa, thế là ông lại đọc tiếp tạp chí Nhân Văn cho cô, cùng với những bài thơ mà Đạo đã chép tay qua cho ông.

Thông qua thi ca, ông Hưng đã chuyển tải cho Lan một thế giới của ngụ ngôn và ẩn dụ, và như ông đã từng không hiểu những khái niệm, đa tầng nghĩa của từ ngữ, cô cũng không hiểu ngay lần đầu.

“Làm sao anh ấy có thể khẳng định tình yêu của anh ta dành cho cô gái là cao cả nếu anh ta chỉ muốn cho cô gái ăn một quả anh đào mỗi tháng?” cô hỏi. “Anh ta thật là ích kỷ khi để cô bị đói, phải không ạ?”

“Nhưng anh ấy không muốn làm cô gái ngại,” Hưng đáp, nói đến sự thật về mình qua những dòng thơ của Đạo.

Khi Đạo miêu tả đất nước như là con búp bê nhỏ nhất trong đám búp bê sơn mài màu đỏ của người Nga, cô gái nhớ lại lời hứa của ông cô là sẽ mua cho cô một món đồ chơi từ Paris.

Cô hiểu mọi thứ theo nghĩa đen, nhưng nó đã không còn quan trọng nữa. Ông yêu cô vì sự ngây thơ, sự nhạy cảm của cô, vì thật sự là khi cô bé nghe miêu tả một quả chanh, cô có thể cảm thấy vị chua của quả chanh đó. Và ông yêu sự thân thiện dễ gần của cô. Trong khi ông đọc những bài thơ của Đạo cho cô bé, cô sẽ học tưởng tượng những hình ảnh minh họa của những cuộc hành trình, tiến lại gần với ông hơn, ngửi lấy hương thơm của những bông hoa cô tìm thấy và từng dùng chúng để gội đầu.

“Nhưng chú không đọc,” cô bé nói vào một ngày nọ, khi cô ngược nhìn khỏi một trang hình minh họa.

“Chú ghi nhớ rồi,” ông nói về một bài thơ yêu thích.

“Dạy cháu đi,” cô bảo, đặt tay lên trang giấy nằm giữa họ.

Ông ngắm nhìn những ngón tay tuyệt đẹp đó, những đầu ngón tay thon dài và bóng đẹp một cách tự nhiên, và nghĩ rằng, Ôi, nhưng, cô gái đáng yêu của anh, anh không thể. Con tim anh sẽ tan vỡ.

Ông Hưng đã học thi ca của Đạo với cái nhìn chưa được rèn giũa và một con tim rung cảm. Rồi con tim lại bắt đầu dạy ông cách nhìn nhận đúng đắn. Ông đã ngăn nga những

bài thơ thường xuyên đến nỗi chúng bắt đầu trở thành một phần trong ông, thân quen như chiếc lược trong vòm miệng. Dạy cô gái một trong những bài thơ đó cũng tựa như trao chính bản thân ông cho cô.

Để thấy chính ông trong lời thơ cô gái đọc ra.

Ông nhanh chóng thay đổi chủ đề bằng cách chỉ về mặt trăng. “Cháu có biết người Nga đưa người lên mặt trăng tuần này chưa?”

“Nhưng tại sao họ lại làm một chuyện như thế ạ?”

“Có lẽ họ muốn được một lần chứng minh cho mọi người biết rằng Chúa trời không tồn tại.”

Tin tức về thế giới rộng lớn ngoài kia không thể làm cô mất tập trung đủ lâu; nó ít hấp dẫn hơn cái thế giới riêng tư họ đang tạo ra.

Vào một buổi tối, khi đang tựa trên khuỷu tay, mái tóc xoa ngang vai với đôi chân trần bắt chéo, cô nói, “Một ngày nào đó có thể chú sẽ lại có một cửa tiệm và tất cả các nghệ sĩ sẽ quay trở lại. Khi ấy cháu sẽ làm việc cho chú. Cháu sẽ thái hành và rửa chén bát.”

Kịch bản đó quả thật rất không hoàn hảo đến nỗi ông Hưng biết cuộc trao đổi đó không thể tiếp tục được. Nó như cục hình, nhưng lại xui khiến ông mơ tưởng đến điều không thể, dở sống dở chết, hành động theo những cảm xúc hơn là mặc kệ nó bị chôn vùi. Ông sẽ mất chính mình và có lẽ sẽ hủy hoại cô gái trong quá trình đó. Hãy nhìn cô bé đã trở nên gầy thế nào trong những tháng gần đây: làm sao ông có thể nuôi cô bé chỉ bằng thi ca cơ chứ? Ông cần phải tìm cách nào đó để nấu phở trở lại.

Nhưng làm sao một người có thể nấu phở mà không có thứ gì? Thậm chí đến khẩu phần gạo, cho dù có đi nữa, cũng không đủ cho một nắm tay của ông - đấy là đã tính cả mấy con mọt. Và thế là ông buộc phải thử nghiệm. Vào một ngày nọ, ông nhổ những đám rong từ hồ và phơi khô chúng dưới ánh mặt trời cho đến lúc giòn tan như bánh tráng. Rồi ông giã đám rong khô đó trong một chiếc cối tạm cho đến khi trở thành bột mịn, chúng được ông thêm nước vào để làm nên một thứ hồ. Ông đổ hồ đó lên một mạng lưới tạo nên bởi cỏ khô và nướng chúng dưới ánh mặt trời yếu ớt. Khi đã đủ cứng, ông lại cắt những tấm rong đó thành những dải đều làm thành đợt sợi phở rong ao đầu tiên. Lần tiếp theo ông cải thiện sợi phở bằng cách chỉ sử dụng tim rong màu trắng. Vị bùi nhạt được che giấu một cách dễ dàng chỉ bằng một ít nước mắm. Nước dùng được ông làm với cá và tỏi đại.

Cô gái và bà cô là những người đầu tiên nếm món phở thời cộng sản của ông Hưng. Từ những biểu hiện trên khuôn mặt họ, ông Hưng biết ông đã thành công. Vị nước phở loãng

và chẳng có mùi vị gì, nhưng như thế cũng đã đủ để thỏa mãn rồi, còn sợi phở mới thực sự là thuyết phục.

“Cậu có thể bán nó được đấy,” người bà nói, mà thực ra thì ông Hưng cũng đã nghĩ qua chuyện đó.

Tháng tiếp theo, ông làm một cái cối xay bằng đá mà ông có thể vận hành bằng cách đạp một cái bàn đạp. Rồi ông làm cho chính mình một chiếc xe hàng bằng gỗ phế liệu và dây bện, sau đó đưa ra đường và đẩy đi như một người bán phở dạo.

Cho đến thời điểm đó, ý thức của ông Hưng về Hà Nội vẫn còn khá hạn chế, ông chỉ biết độc nhất những tuyến đường do có nhu cầu của các nhà hàng, nhưng thời gian đã thay đổi, cả thành phố và con đường của ông đi trong thành phố. Lộ trình của ông trở nên lòng vòng chỉ cốt để tìm kiếm những thực khách mới. Thành phố thật tĩnh lặng làm sao trong những ngày đó, thật là vắng bóng người. Những con đường thương mại một thời sầm uất nay trở nên im lặng như nhà mồ. Chỉ có vài oan hồn buồn bán như ông là có thứ gì đó để bán.

Không còn những phiên nhiều ồn ào, ông bắt đầu quan sát các tầng lớp của thành phố. Các làng nghề đã mọc lên đầu tiên trên vùng này cả ngàn năm trước, khi kinh đô được dời về Hà Nội. Tường thành của cố đô, được dựng nên bởi những ngôi làng này, vẫn đánh dấu rìa phía Đông của quảng trường cũ. Người dân đã xây dựng những tường thành xung quanh những ngôi làng của họ khi họ quần tụ thành bộ lạc, và dù những bức tường đã bị sụp đổ, ông Hưng vẫn có thể phân biệt được những vùng lãnh thổ tương ứng của họ bằng sự tinh tế khác biệt được thể hiện qua những ngôi đền, chùa, nhà đình của 36 phố phường.

Ông đã đi vòng quanh quảng trường cũ rồi dừng xe nghỉ ở cửa Tây, cái cửa cổ duy nhất còn sót lại. Ông Hưng lý luận rằng một chiếc cổng là một đầu mối giao thông, cho dù không còn một bức tường thành nào, cho dù vắng bóng xe cộ, nên đó là nơi ông đứng đợi cùng chiếc xe hàng của mình.

Nhiều người đi bộ lướt ngang qua ông sáng hôm đó, họ thậm chí còn chẳng liếc nhìn ông, nhưng cuối cùng có 2 người đàn ông đi xe đạp, vì tò mò hoặc do cơn đói đang hành hạ, họ đạp quanh và hỏi ông đang bán gì.

“Nhưng không có gạo,” người lớn hơn trong bọn họ nói, “cũng chẳng có bánh phở. Làm thế nào ông có thể bán phở cơ chứ.”

“Đến đây nào,” ông Hưng nói với một cái gật đầu và nụ cười mời mọc. “Cậu ném thử đi.”

Ông nhấc nắp ra khỏi những chiếc nồi của ông. Một mùi thơm hấp dẫn tỏa ra. Ông nhúng một nắm sợi phở cỏ ao vào nước dùng với cái môi bằng tre. Ông có mỗi một chiếc tô duy

nhất – họ sẽ phải dùng chung. Họ giữ tô phở giữa hai người, chấp nhận đôi đũa được đưa để gấp phở. Họ phải húp từ tô vì không có muỗng.

“Ahh,” người trẻ hơn kêu lên, lấy mu bàn tay chùi miệng. “Nó ngon thật.”

“Đây quả thật là món ngon nhất tôi được ăn sau nhiều năm đấy,” người kia nói trong khi ợ một tiếng lớn.

“Tôi sẽ lại bán ở đây vào sáng mai,” ông Hưng nói. “Mang theo tô của cậu và rửa cả bạn bè nữa.”

“Nhưng ông bán bao nhiêu?” người trẻ hơn hỏi.

“Cậu có thể trả được bao nhiêu?”

“Giờ tôi không có nhiều, nhưng tuần tới thì đủ cho cả một đội quân.”

“Còn tôi, tôi có thể trả bằng da thuộc,” người lớn hơn nói. “Tôi đã từng là thợ thuộc da trước đây khi những đàn bò chưa biến mất, nhưng tôi vẫn còn một ít vụn. Đây, một cái thắt lưng - ông có cần thắt lưng không?”

Và thế là ông Hưng thấy thật tự hào khi được sở hữu một cái dây nịt mới, và không lâu sau đó, là lông chim cú, những chiếc lá cọ và một đồng than miền Bắc.

Ông sẽ chia sẻ những thứ này với cô gái. Tặng họ như là những món quà nhỏ. Rồi ông sẽ nói “Cháu xứng đáng được nhận nhiều hơn thế nữa,” trong khi đưa cô một quả trứng vịt lóm đốt hay một mảnh sừng bò láng bóng.

Cô gái đã cố đáp trả mỗi khi cô có thể. Một buổi sáng nọ, ông thấy cô đang ngồi trên thềm lều, cô đang khâu một chiếc áo sơ mi đàn ông từ một mảnh vải bố. Trong sự thiếu vắng của tin tức, của báo chí bất hợp pháp, tất cả những gì người ta có là những giọng sang sảng tuyên truyền qua loa phóng thanh và những biểu ngữ trên tường, người ta phải dựa vào những dấu hiệu như thế này. Hẳn là một cuộc chiến tranh khác có nguy cơ sẽ nổ ra, ông Hưng nghĩ thế, liệu có đủ xe quân sự cho cô bé lều lĩnh xé những mảnh vải bố ra khỏi đuôi xe jeep. Bây giờ là ai? Ông tự hỏi. Người Pháp hay Trung Quốc? Người Sài Gòn hay Nhật hay Khmer?

Ông phải chống cự lại sự thôi thúc được đến gần và lấy ngón tay quệt vết bẩn dầu mỡ khỏi má cô bé. Thay vì thế, ông nói “Cháu xứng đáng có một cuộc sống tốt hơn thế này.”

“Tụi cháu đã từng có một cuộc sống tốt hơn,” cô gái nói trong khi cắn đứt sợi chỉ. “Dĩ nhiên là lúc đó tụi cháu hầu như đã không nhận ra điều đó. Tụi cháu sống trong một căn hộ rất lớn, và trước khi bố cháu bị giết thì có rất nhiều thứ để ăn. Kể cả bánh sừng bò và chocolate.”

Ông Hưng cảm thấy tất cả chủ nghĩa cộng sản trong người như tan chảy ra hết khi cô gái nói. Cả những oán hận đối với chế độ thuộc địa cũng thế. Chính trị và lịch sử của Việt Nam như nằm trên một vũng nước dưới chân ông. “Cháu đáng lẽ phải có bánh ngọt ngon nhất cũng như Chocolate hảo hạng nhất,” ông nói. “Cháu xứng đáng được một người đàn ông ngưỡng mộ và tặng cháu những thứ như thế.”

“Nhưng cháu đã có một người đàn ông yêu thương và chiều chuộng cháu rồi, phải không?”

Ông Hưng đứng ngây ra đó, cảm thấy như mình đang bị lột trần tất cả. Ông thấy bất lực trong sự hiện diện của cô, giờ đây điều đó lại càng rõ ràng hơn giữa họ.

“Đây ạ,” cô nói, và đưa chiếc áo cho ông, “chú thử mặc đi. Nó chỉ có một tay áo, nhưng cháu sẽ tìm ra vải để làm nốt bên còn lại.”

Vào lúc cô hoàn tất cái áo thì họ cũng không nói chuyện nữa. Chỉ có sự im lặng bao trùm cả hai như những cơn mưa bom trong cuộc chiến của người Mỹ. Nhưng khi cuộc chiến đó kết thúc, sự im lặng vẫn tiếp tục. Ông không tin rằng cô gái có thể chịu đựng những hủy diệt đó, nhưng tiềm ẩn sâu thẳm, những hạt giống vẫn cùng nhau nảy mầm.

Ông Hưng nói với người tài xế khi chiếc taxi đến gần khu ổ chuột, ông hỏi liệu anh ta có thể dừng và để ông xuống ở cuối con đường bùn đất dẫn xuống hồ không. Ông Hưng thấy xấu hổ nếu về nhà mình như một kẻ hoang phí thế này.

“Tôi cũng không thể lái xuống đó, ông bạn à,” người tài xế nói. “Đường thì tệ. Lại đầy những kẻ xấu. Ông nên cẩn thận thì hơn.”

Anh thì biết gì chứ? Ông Hưng muốn nói thế. Người tài xế taxi đã tưởng nhầm ông là một du khách. Ông Hưng đóng mạnh cửa xe và dậm bước đi xuống con đường tối trong chiếc quần dài của nhân viên khuân vác, nhìn rất mạnh mẽ và tự tin bất chấp vết thương ở chân. Trời bắt đầu mưa và ngay sau khi ông Hưng đã đi khuất tầm nhìn của chiếc taxi, ông cúi xuống, lấy tay chà đám bùn bám ở chân rồi quẹt một vệt qua má và lên mái tóc.

Hai bố con đang thay phiên nhau đẩy chiếc xe về khu ổ chuột, nhưng Tư đánh mất dần kiên nhẫn khi họ bước vào đoạn đường dẫn xuống hồ. Họ mất cả một giờ rưỡi để đi được quãng đường xa đó, và nó đã lấy hết sức lực của cả hai - hai tay trên mỗi tay cầm của chiếc xe đẩy. Làm thế quái nào mà ông già Hưng có thể tự xoay xở một mình được chứ? Tư tạ ơn là ít nhất trời đã tối; cậu thật sự không muốn ai làm cậu là người bán dạo với một chiếc xe đẩy ọp ẹp.

Họ nhận ra là con đường đầy bùn đất và trở nên khó đi hơn bởi cơn mưa lúc chiều sớm, Tư thì rất bức bối vì đôi giày Nikes của cậu đã trở nên lấm lem.

“Nó chỉ là một đôi giày thôi, Tư,” ông Bình bảo.

“Bố không hiểu đâu,” Tư làm bầm.

“Ừ, con hoàn toàn đúng. Bố thật không hiểu nổi,” bố cậu nói.

Họ khéo léo đưa chiếc xe đến góc của con đường. Khi họ đến gần ao, họ thấy vài đốm lửa nhỏ đang cháy tí tách trong buổi đêm ẩm ướt. Làn khói đen cuộn cuộn bốc lên và mùi của dầu hỏa đang được đốt. Tư nghe tiếng rì rào nói chuyện, tiếng quấy khóc của một đứa bé, tiếng va chạm lạnh canh của nồi niêu bằng kim loại, tiếng vo ve của những con muỗi đói, và khi họ đến gần lều ông già, họ nghe chất giọng nam cao mềm mại rất riêng biệt của ông khi ông nói chuyện với gã hàng xóm, một kẻ ngây ngô có giọng như con ngỗng.

Ông Hưng là trái tim của cái cộng đồng nhỏ bên bờ hồ ô nhiễm này; ông tử tế với những con người nghèo khó, cho họ ăn và khiến họ vui. Ông đối xử tôn trọng với mọi người - từ những người thuộc tầng lớp cao, như cô Maggie Lý, cho đến những người mất nhận thức hay cụt chân, như người hàng xóm của ông. Thật là khiêm nhường khi có ông già Hưng trong cuộc đời bạn. Nó khiến bạn muốn hoàn thiện bản thân mình hơn.

Ông già cảm ơn Tư và bố cậu đã đưa chiếc xe trở lại với hai bàn tay siết chặt và một cái cúi đầu cảm kích, ông muốn họ ngồi lại ăn thứ gì đó trước khi ra về. Tuy vậy, ông xin lỗi vì không còn gì nhiều để mời họ ăn, ngoại trừ: gạo, một miếng sườn chiên và nước mắm. Tất cả chỉ có thế.

“Bác Hưng, bác Hưng à,” ông Bình nói. “Thực sự vậy là được rồi. Bác đã có một ngày thế nào vậy, hử?”

“Nó quả thực là một cuộc phiêu lưu. Đến đây nào. Hãy vào trú mưa đi đã. Ít nhất cháu phải ngồi lại uống một tách trà cái đã.”

Họ cúi người lườn qua lối vào lều của ông và kiếm một chỗ ngồi trên tấm đệm cứng, độn đầy rơm. Ông Hưng đặt ấm nước trên một cái bếp dầu nhỏ và tìm kiếm hộp trà bằng kim loại của mình.

Tư và bố cậu luôn luôn ghé thăm ông già ở đây vào mùng 1 Tết. Dù cho lều của ông thường tối và ẩm thấp, vào dịp Tết nó luôn sáng sủa hơn với hoa tươi, những bông hoa ông đi cả mấy cây số để thu thập. Căn phòng được quét sạch bụi bẩn và thoảng mùi hương của nhang trầm với những trái cây chín mọng.

Vài lời vượt ra khỏi những phong tục thông thường giữa họ trong hoàn cảnh đó. Họ sẽ chúc ông già Hưng được giàu sang, rồi ông sẽ đáp lại những ước nguyện tốt lành và tặng họ những cặp bánh Chưng vuông vức được nấu suốt đêm trong một nồi nấu bánh trên

ngọn lửa đỏ, với những ngón tay chai sần không đếm xỉa đến sức nóng khi ông kéo mỗi cặp bánh ra khỏi nồi nước đang sôi sùng sục. Họ sẽ ăn gạo nếp và lớp đậu xanh cuộn xung quanh lát thịt và mỡ lợn thơm ngon ở giữa, và Tư sẽ chia sẻ món ngon đó với ông nội Đạo bằng cách đặt một cặp bánh chưng vuông bọc lá chuối giữa bàn thờ của ông cùng một ít gạo, rượu trắng và xấp tiền mới trong một phong bao đỏ.

Hôm nay, bàn thờ của ông Đạo vẫn lấp lánh như một ngôi sao sáng, một ngọn nến được thắp sáng để giữ sự tồn tại của ông. Tư và cha cậu đều cung kính cúi chào tổ tiên của họ trước khi nhận tách trà bằng gỗ nâu từ ông Hưng.

“Thế điều gì đã khiến ông đến con đường đó sáng nay?” Tư cố gắng hỏi lần nữa.

“Đó là cô gái Việt Kiều đã đánh mất thứ gì đó,” ông già bảo, đôi mắt nhạt nhòa trong ánh nến. “Cô ấy nghĩ ông có thể giúp cô ta tìm ra nó.”

“Thế có làm được không ạ?” Tư thúc giục.

“Ông vẫn chưa biết,” ông Hưng nói.

Bình hỏi han về chân ông và việc mời bác sĩ, cố ý thay đổi chủ đề ngay khi nó bắt đầu trở nên thú vị.

“Cái chân sẽ ổn thôi,” ông già nói. “Chỉ cần phục hồi lại khí lực của bác.”

“Cháu mừng là nó không tệ hơn,” Bình nói. “cho cả bác và chiếc xe.”

Họ nghe một tiếng khóc thét lạnh lạnh đột ngột vang lên ngoài lều. “Chuyện gì thế?” Tư hỏi, đứng bật dậy.

“Cái gì là cái gì?” ông già nói.

“Cháu nghe như có ai đó bị thương,” Bình nói.

Bình và Tư thò đầu ra cửa lều và trông thấy một người phụ nữ nằm ngửa cách đó vài mét. Tư gấp rút chạy đến và giúp dìu bà ta ngồi thẳng lên. Bà chửi rủa đám bùn bám trên lưng. “Đây là chiếc váy tươm tất duy nhất tôi có. Thật là ngu ngốc khi mặc cái thứ này đi trong bùn,” bà nói, trong khi chỉ vào đôi dép xỏ ngón dưới chân.

Bố Tư theo sau cậu ra ngoài. “Được rồi bố, con đã giúp bà ấy.” Tư nắm khuỷu tay đỡ người phụ nữ lớn tuổi dậy, nhẹ như một quả trứng. Bà dồn hết trọng lượng của mình lên cánh tay cậu. “Bác ổn rồi, con trai à,” bà nói. “Cám ơn cậu, cậu cứ quay lại với ông của cậu đi.”

Tư và bố cậu cúi người bước vào cửa lều ông Hưng. Mất một phút để đôi mắt Tư điều chỉnh cho quen với ánh sáng mờ trong lều.

“Cháu có biết là ở Metropole mình có thể nhắc điện thoại và gọi bất kỳ món nào mình muốn ăn không?” ông già nói. “Hãy tưởng tượng đi, tất cả mọi thứ đó.”

Tư vuốt nước mưa trên mặt với tay áo sơ mi và tự hỏi liệu ông già có mất khả năng nghe cùng với “khí” của ông. Người phụ nữ vừa nãy chỉ cách vài thước và có một tiếng khóc thét đau đớn thật rõ ràng và sắc bén rõ ràng. Ông ấy không thể lờ đi được. Lúc này đây, ông rõ ràng không phải là chính mình.

Chương 5. Một Đất Nước Thống Nhất

Maggie đi xuyên qua quảng sáng mờ trong hành lang đá cẩm thạch căn hộ của cô. Cô bước vào chiếc lồng sắt hoen rỉ trong một cái thang máy cũ của người Pháp và bấm nút trên cùng. Động cơ hoạt động, những chiếc bánh xe quay rồn rảng.

Mẹ cô đã lớn lên trong một tòa nhà giống thế này trên một đại lộ có ba làn đường ở quảng trường Pháp. Nó thật sự rất to lớn, mặc dù cô đã từng than vãn suốt rằng thật là tệ biết bao sau khi bố cô bị giết trong cuộc chiến chống lại người Pháp. Những vết nứt trên bức tường thạch cao, những cánh cửa sổ bị thủng hay bị vỡ, mà họ cũng chẳng đủ khả năng để sửa chữa bất kỳ cái nào trong đó.

Cô chưa bao giờ thấy mình lại yêu thương ngôi nhà của mình như ngày trước. Mặc dù trong suốt những năm tháng sống ở Sài Gòn và Minneapolis (thành phố lớn nhất bang Minnesota, Mỹ - người dịch) sau đó, bà Nhi chưa khi nào ngừng nói về Hà Nội như là ngôi nhà thân yêu của mình. Đó là Hà Nội của một thời thơ ấu mà bà đã bỏ lỡ, không phải cái xã hội sau độc lập, cái chốn mà “mỗi người là một con rắn, một tên gián điệp.” Bà chưa bao giờ định quay trở lại. Cũng như bà mãi mãi không tha thứ cho gia đình mình vì đã chối bỏ bà chỉ bởi bà yêu một nghệ sĩ bất đồng chính kiến. Bà không thể tin ở cái đất nước đã thật sự nổi lên từ bóng tối; cho dù là Bill Clinton (tổng thống thứ 42 của Mỹ từ 1993 đến 2001 - người dịch) đã dỡ bỏ các lệnh cấm vận thương mại vào năm 1994 cũng không thể thuyết phục nổi bà.

“Mẹ không muốn nhìn lại vì chính bản thân mẹ à?” Maggie đã từng hỏi bà khi họ nghe tin tức về chuyến viếng thăm của Clinton năm 2000.

Bà Nhi lắc đầu như muốn bịt miệng cô lại ngay khi nghe lời đề nghị.

“Mẹ có thể đi mà,” Maggie nói, “và nếu an toàn, mà con chắc chắn rằng là thế, mẹ có thể đi cùng con.”

“Đừng làm thế con,” bà đã thì thầm qua bàn tay cô như thế.

Maggie hồi tưởng lại những lời của bố đã rất lâu về trước vào khoảnh khắc đó: Con hãy đồng hành với mẹ, hãy mạnh mẽ lên, mẹ cần con. Những lời nói như đã được tiên tri. Từ lúc họ đến Mỹ, Maggie đã dẫn dắt con đường họ đi.

Họ đã được tái định cư ở Minneapolis vào năm 1975 với những bộ đồng phục mùa Đông lịch sự của quân đội Mỹ, nhưng có rất ít manh mối nào khác về nơi ở ngoài mảnh giấy ghi số điện thoại của Margaret McGillis mà bố cô đưa; đó là bà chủ nhà của ông ở Chicago; sau đó thì Maggie được đặt tên (đặt theo tên Margaret - người dịch). “Em hãy gọi cho bà

ấy,” ông đã nói với mẹ của Maggie như vậy. “Em gọi và đưa địa chỉ nhà cho bà. Bằng cách đó, anh sẽ tìm được em.”

Nhưng bà Nhi không biết nói tiếng Anh, và Maggie thì chỉ mới biết các chữ cái và số đếm. Nhiệm vụ đầu tiên của họ đó là sống sót, họ ăn những thức đóng hộp mà họ nhận ra nhờ những hình ảnh trên nhãn hộp: dưa (thơm) đóng hộp, những phần siro cam quýt, cà rốt, cá ngừ, nắm rơm. Mẹ của Maggie đã cất trữ lại những đồ hộp đó phòng trường hợp xấu xảy ra - một câu thần chú bà chưa bao giờ quên trong suốt những năm sống ở Mỹ. Mỗi đêm, cũng vì cùng lý do đó, bà gác một chiếc ghế dưới tay cầm của cánh cửa trước của căn hộ trợ cấp mà họ được phân cho.

Khoảng một tháng sau khi cô và mẹ đến nơi, Maggie bị thu hút bởi âm thanh của một trái bóng nảy vào cầu thang, nơi cô tìm thấy một cô bé người Việt ngang lứa với mình đang chơi trò chơi một mình. Cô bé kia đếm đến mười bằng tiếng Anh trước khi đổi qua tiếng Việt. Maggie đã dạy cho người bạn mới của cô, Mei, những số đếm tiếp theo đến ba mươi hai trước khi họ nghỉ chơi và quay về căn hộ của cô bé kia, bà Minh, mẹ cô bé đang làm chả giò ở đó. Đó là món đầu tiên Maggie đã được ăn trong một thời gian dài chỉ toàn ăn đồ hộp.

Bà Minh đã đưa mẹ của Maggie đến một cửa hàng tạp hóa của người Hoa ngay ngày tiếp theo, và rồi cả bữa ăn của họ lẫn tâm trạng của bà đều bắt đầu khá hơn kể từ đó. Ngay sau khi họ được một cộng tác viên xã hội viếng thăm, một phiên dịch người Việt, người đã đưa họ một loạt hướng dẫn dài dằng dặc. Bà Nhi tham dự những lớp học tiếng Anh trong một tầng hầm của nhà thờ, còn Maggie thì bắt đầu học lớp 1 ở ngôi trường trong khu phố của họ vào mùa Thu.

“Làm ơn,” mẹ cô đã nói với người phiên dịch hôm đó, trong khi rút mảnh giấy có số điện thoại của cửa bà Margaret McGillis’s trong túi ra. “Làm ơn giúp tôi gọi cho người phụ nữ này và nói cho bà ấy biết chúng tôi đang ở đây?”

Nhưng số điện thoại đó không liên lạc được. Theo nhà cung cấp thì số điện thoại đó đã ngừng sử dụng được một thời gian. Họ học được một điều rằng các thế hệ người Mỹ không ở cùng một ngôi nhà, đã có vài thế hệ và quá ít sự nối tiếp, vài thứ mà cha cô hẳn đã thất bại trong việc hiểu về người Mỹ trong thời gian ông ở đây như một vị khách. Tương lai mà mẹ cô đã hình dung ra đã được viết lại vào thời điểm ấy. Họ không còn tin chắc vào việc gặp lại ông Lý Văn Hai nữa. Mẹ cô đã cười và gật đầu một cách lịch sự với người phiên dịch hôm đó, và cùng cô tiễn người nhân viên xã hội ra tận cửa. Rồi bà gác chiếc ghế

dưới tay nắm cửa và gục mặt xuống sàn hành lang. Bà co rúm người lại trong cơn run, giọng nghẹn ngào, trong khi hai tay ôm chặt lấy thái dương.

Maggie chạy vụt lên ban công, hi vọng thấy được dấu hiệu của người phiên dịch ở bãi đỗ xe, nhưng cô không nhìn thấy bất kì dấu vết nào của cô ấy. Cô chạy trở lại bên trong và nhắc điện thoại, la hét xin giúp đỡ mỗi lúc mỗi dữ dội bằng tiếng Việt với âm thanh mời quay số của tổng đài.

Có tiếng gõ cửa. Maggie thả máy xuống và trèo qua người mẹ cô, gỡ chiếc ghế khỏi tay nắm cửa. Đó là bà Minh, mẹ của Mei, từ dưới sảnh lên. Bà Minh nhìn mẹ của Maggie quỳ trên sàn thoáng chút ngạc nhiên trước khi ngồi xuống một cách rất bình tĩnh bên cạnh và đặt tay lên lưng mẹ Maggie. “Tôi định hỏi bà có muốn đi chơi tứ sắc không,” bà nói, như thể cảnh tượng trước mắt rất cổ điển trên thế giới này. Maggie tháo bản lề cánh cổng sắt của thang máy và nhón chân đi đến cuối sảnh. Cô bật nhẹ công tắc đèn và đặt gót chân sẵn ở tiền sảnh, đón người qua những ô vuông sàn gỗ của phòng nhận nguyên liệu vào nhà bếp trên đôi chân mang tất. Âm thanh của gót chân cô trên sàn gỗ làm cho không gian càng trở nên trống rỗng và cô đơn. Căn hộ đã được trang trí với một số đồ cổ nặng nề của Pháp, ngoại trừ một vài đồ dùng nhà bếp, Maggie không nhớ gì, cũng không chắc chắn mình đã ở đâu, hay cô sẽ ở đó bao lâu.

Mẹ cô đã tích lũy rất ít trong những khóa học suốt 30 năm ở Mỹ, như thể cuộc sống của bà chỉ là tạm thời. Maggie chỉ nhận ra sự thật đó sau khi mẹ cô mất. Cô đã nhốt mình trong căn hộ của mẹ suốt nhiều tuần sau đó, ngủ trên những tấm nệm và mặc áo choàng tắm của bà, chúng vẫn còn mùi Chanel No. 5 mẹ cô đã từng dùng. Cô nhắm nháp từng ngụm trà từ một chiếc tách hình con mèo đã bị sút mẻ bởi năm tháng và ngắm hàng giờ viền bức ảnh hoa anh túc bị bong tróc mà mẹ cô đã dán lên tường vào những thập niên 1980, tự nhắc mình có nhiệm vụ phải bỏ đi những thứ của mẹ cô.

Một tối nọ, cô nốc cả một chai rượu, gạt bỏ mọi ưu phiền, và gọi cho Daniel. Đã vài tháng nay cô vẫn chưa nói chuyện với anh ta. “Mẹ em đã mất rồi,” cô bần thần nói.

“Ôi, chuột đáng thương,” cậu nói, lời nói như đâm xuyên qua trái tim đã tan nát.

Sự hối hận cô cảm thấy vào sáng hôm sau ít nhất đã cho cô một động lực cần thiết. Maggie gói ghém bộ bài tứ sắc của mẹ cô và đưa cho bà Minh, tặng những bộ áo quần của bà cũng như những món đồ nội thất ít ỏi làm từ thiện. Cô giữ lại chiếc đồng hồ của mẹ và bộ áo dài cô hiếm khi mặc được làm cho những dịp đặc biệt. Khi ấy cô đã khám phá ra những bí mật của mẹ mình. 5 năm đầy giá trị của những bức thư từ mẹ không bao giờ được gửi cho cha cô gói lại với nhau nằm trong một hộp đựng giày ở mặt sau của tủ áo quần. Maggie đã quỳ trên một tấm

thảm xanh với chiếc hộp trong lòng, cô lấy một bức ngẫu nhiên trong cọc thư. Bao thư được đề địa chỉ là căn hộ cũ của họ ở Sài Gòn, tên người nhận là cha cô, Lý Văn Hai.

Chồng yêu dấu của em,

Maggie vừa mất chiếc răng thứ năm của con bé và sẽ bắt đầu học lớp 3 vào mùa Thu. Chỉ trong 2 năm, con bé đã nói tiếng Anh như thể nó được sinh ra ở đất nước này vậy. Con bé giúp đỡ em rất nhiều. Ai lại tưởng tượng được khi anh bắt đầu dạy con bé những chữ cái tiếng Anh, con bé lại có thể sớm dùng nó mỗi ngày chứ? Em đang theo học một lớp buổi tối gọi là Tiếng Anh Cơ Bản Cho Người Mới, nhưng thật chẳng dễ chút nào và thỉnh thoảng em lại bỏ học vì đổi giờ ở chỗ làm. Em nghĩ sẽ cần một thời gian trước khi em đủ ngôn ngữ để đào tạo lại như là một y tá ở đây, nhưng ơn trời là công việc em đang có rất tốt. Người góa phụ trưởng toán đã rất kiên nhẫn với em và bà ấy vừa thuê thêm 2 người Việt làm lau dọn nữa, bà bảo em đã cho bà thấy rằng người Việt rất chăm chỉ.

Em gửi kèm theo đây ảnh lớp 2 của Maggie. Ông xã yêu, anh có thấy Maggie ngày càng giống anh không? Em rất lo lắng cho anh, nhưng khi em nhìn Maggie của chúng ta, con bé khiến em cảm thấy anh không còn quá xa xôi nữa. Em vẫn hi vọng vào buổi tái hợp đầy hạnh phúc của chúng ta.

Vợ yêu của anh,

Nhi

Maggie vẫn quỳ trên tấm thảm, cô khóc nức nở. Chữ viết tay của mẹ cô rất yếu đuối, rất do dự. Cô đặt bức thư trở lại hộp cùng những bức khác. Chúng thật sự không có ý nghĩa để cho cô đọc (cô ko nên đọc chúng - người dịch). Cô dọn dẹp hết những gì còn lại của tủ áo quần, dẹp bỏ một giỏ đồ cũ, bỏ hết những áo ngực tiện dụng và đồ lót vào một túi rác màu xanh lá, chỉ để khám phá những bí mật mà mẹ cô đã giấu kín. Ở đáy của chiếc giỏ có vài mảnh giấy: bức phác thảo của Maggie được cha cô vẽ khi còn là một đứa trẻ ở Sài Gòn. Những món quà về những con vật tràn ngập trang giấy mà cha cô đã vẽ với những móng vuốt vụng về của ông. Nhưng mẹ cô không mang gì theo khi họ ra đi; thậm chí họ còn được ra lệnh phải bỏ lại cái túi xách nhỏ đã được đóng gói ở đường băng. Vậy là mẹ cô đã giấu những bức tranh này trong túi? Chúng bị nhăn nhúm và ố màu, có lẽ bởi mồ hôi của bà.

Tại sao mẹ cô lại không đưa chúng cho cô, Maggie sẽ không bao giờ biết được. Nhưng giờ đây Maggie đã sở hữu chúng. Cũng cùng cái cách mẹ cô rời Việt Nam 30 năm trước, giờ đây Maggie đã trở lại: cũng mang theo sáu bức vẽ của Lý Văn Hai.

Ông Hưng nằm trong bóng tối, lắng nghe tiếng mưa lộp bộp nhẹ nhàng trên mái tôn, và ước rằng ông có thể có chút can đảm nào đó, ông hi vọng nói có thể nói cô Maggie hãy bước ra khỏi đám cỏ dại lộn xộn trong trí óc ông. Ông ngủ thiếp đi để rồi lại thức giấc chỉ một giờ sau đó, cơn mưa mang theo những tiếng sấm rền vang từ trên cao, đưa ông trở lại một thời của chiến tranh. Những tháng ngày khủng khiếp nhất là tháng 12 năm 1972, mà người Mỹ gọi là cuộc đánh bom mùa Giáng Sinh, khi cơn mưa bom B-52 kéo dài khoảng 11 ngày, đã phá hủy những nhà ga xe lửa, nhà kho, những nhà máy, phi trường, cầu, đường, bệnh viện, trường học, những dãy nhà công cộng, và tiêu diệt toàn bộ những khu phố như phố Khâm Thiên. Dường như cả Hà Nội đã bao trùm trong lửa đỏ khi ấy.

May mắn thay là các khu phố cổ đã thoát nạn, nhưng trận bom thả quá gần khu ổ chuột đến nỗi có thể cảm thấy hơi nóng đang tràn về từ phía Bắc. Những người ngồi xổm, thu mình lại được an toàn nhờ cái ao bẩn của họ. Nhà máy sản xuất lốp ở phía bờ xa của vũng nước bùn đã bị nổ tung và cháy ngùn ngụt suốt vài ngày trước khi nhận chìm họ trong đám khói dầu đen ngòm. Trong tuần, thành phố tối tăm và âm u, vài người ho ra máu và bò mà đi vì họ không thể nhìn thấy đường đi.

Cuối cùng thì bầu trời cũng dần hiện ra, màu đen nhạt dần sang màu khói xám. Trong vài ngày không có ánh mặt trời, ông Hưng, những người đàn ông và những phụ nữ khác trong khu ổ chuột đã lội ra cái ao đầy váng dầu, lượm các mảnh vỡ ném lên bờ. Ông nhớ mình đã thoáng dừng lại ở hình bóng của Lan trong đám người kiếm ăn, một cái nhìn lướt qua để họ nhận ra nhau như thể nói: tất cả đám rong trong ao đều đã hết, cả cá, ếch nhái lẫn chim chóc, nhưng bằng cách nào đó, cho dù là ngẫu nhiên hay định mệnh, chúng ta vẫn phải sống.

Mất 11 năm để xây dựng lại bệnh viện, một thế hệ để dựng lại khu phố Khâm Thiên, nhưng mất chưa đầy một năm để cái ao, không có sự can thiệp của con người, bắt đầu xuất hiện những dấu hiệu của sự sống mới. Một đám tảo xuất hiện trên bề mặt. Màu xanh lá cây đã trở lại với Hà Nội.

Bằng cách nào đó chỉ sau cơn sốc của sự tàn phá bởi trận dội bom mùa Đông, sự sợ hãi đã thực sự được nhen nhóm. Ông Hưng nín thở mỗi khi lắng nghe tiếng máy bay không người lái của một làn sóng bom đạn khác. Ông nguyện cầu cho kết thúc chiến tranh, cầu xin sự xót thương của Trời Phật mà ai đó đã nói rằng không còn tồn tại nữa.

Ông Hưng buộc phải thở lại, để mạo hiểm ra ngoài khu ổ chuột kiếm ăn trên đồng cỏ nát, để nạo vét những hố bùn, để kéo về nhà những con chó chết, để ăn rễ của những cây bị bật gốc. Có vài mát mát trong cộng đồng: những người chết bởi máu tràn trong lồng ngực

họ, hoại tử ở trong ruột, sốc nhiễm trùng, tự tử hay chết vì đói khát. Ông Hưng đã làm tất cả những gì có thể để ông và những người hàng xóm của mình sống sót, lật tung đồng đồ nát để tìm những con ốc sên, đào tìm những con trùng đất, luộc sôi và nấu nước lại, rồi nấu món canh có màu xanh nhạt từ những mảng địa y ông cạo trên đá.

Mặc dù ông Hưng không còn nói chuyện với Lan nữa, nhưng ông cũng không để cho cô bị đói. Nếu cô không xuất hiện giữa những người sống sót tụ tập lại một trong những khu xóm lớn quanh ông, ông cũng sẽ đơn giản là gói một phần khẩu phần của ông trong lá chuối và để nó trên bậc cửa lều cô lúc nửa đêm. Và ông đã làm thế trong suốt những năm chiến tranh.

Vào tháng 4 năm 1975, những chiếc xe tải đen len lỏi khắp thành phố, thông báo về việc rút quân của lính Mỹ. Việc Giải phóng Sài Gòn đang rất khẩn trương và rồi chiến thắng sẽ về tay quân đội Nhân Dân. Chính quyền bù nhìn Nam kì sẽ bị sụp đổ.

“Hãy đứng lên, hỡi các đồng chí,” phát ngôn viên của Đảng la lớn qua những cửa sổ xe tải, “vì quê nhà sẽ sớm thống nhất dưới tên của vị cha già cách mạng. Đó là cuộc sống mới trong rạng đông mới. Ánh sáng mới.”

Họ đã chờ đợi suốt hơn hai mươi năm qua cho giây phút đó. Vỏ trái cây, đã bị gọt bỏ; một thứ trái không vỏ, Đạo đã từng viết một lần về đất nước chia đôi như thế. Ông Hưng với một con tim không bao giờ ghét bỏ những thứ vỏ màu cam, hay ngay cả chiếc vỏ sần sùi xấu xí đỏ quạch và vô dụng của một trái vải. Bởi những lời của Đạo, cuộc sống của ông Hưng đã bị ngự trị bởi cũng nhiều sự ảm đạm như kinh tế học. Ông Hưng ước gì Đạo có thể ở đây để nhìn thấy cảnh này. Một tương lai thống nhất. Một đất nước vẹn toàn.

Dĩ nhiên, sự lừa dối của thống nhất là những chuyện thối nát được che giấu dưới lớp vỏ bọc của nó. Chiến thắng năm 1975 đã bị bôi nhọ, những chiến thắng vẫn luôn như thế, bởi chủ nghĩa cơ hội. Những kẻ buôn lậu không biết từ đâu đã đến khu dân cư với những con người ngồi chồm hồm bên bờ ao. Một nhóm những người đàn ông lẫn phụ nữ ăn mặc sắc sảo đi ngang qua những túp lều, thu hút mọi người vào ánh đèn sáng choang và la lớn “Những ai cần một tương lai cho con cái nào? Những ai muốn thoát khỏi nghèo khổ nào?” Người Mỹ điên đầu với những đứa trẻ Việt Nam, họ nói, họ đang nâng đỡ tất cả trẻ mồ côi ở Sài Gòn và cho chúng thuốc men, chăm sóc chúng khỏe mạnh. Bán những đứa trẻ của bạn cho chúng tôi, chúng tôi sẽ đưa chúng vào Nam, và cho chúng lên những chiếc máy bay, rồi chúng sẽ lớn lên trong giàu sang.

Ông Hưng tê tái cõi lòng khi nhìn một phụ nữ trẻ tiếp sau một người khác chuyển một đứa bé sơ sinh vào những cánh tay của một tương lai vô định. Khi người phụ nữ trẻ không thể

tự làm điều đó, mẹ của cô hay người mẹ hợp pháp của cô vào cuộc. Cho dù họ cảm thấy thế nào về chiến tranh, thì họ vẫn không bao giờ ghét ý nghĩ rằng con cái của họ được lớn lên giàu có ở Mỹ. Có lẽ đơn giản là họ thấy họ không có lựa chọn. Họ vẫn còn đói trong khi những tên buôn lậu lại phe phẩy tiền trước mặt họ. Thế là chưa đầy một tuần, tất cả những trẻ sơ sinh gái đều đã bị cho đi.

Khu ổ chuột hứng chịu một nỗi đau mất mát, và những ai không bán những đứa con bởi họ đã không làm thế sôi lên vì giận, họ không thèm nói chuyện với những người đã bán con, và gọi họ là kẻ phản bội của những loại người tồi tệ nhất có thể, tệ hơn cả người Công Giáo và những kẻ ích kỉ đã đào tị vào Nam.

9 tháng tốt đẹp của lặng lẽ đã trôi qua trước khi sự căng thẳng bắt đầu lắng dịu xuống. Những bé gái mới được sinh ra, và một số chúng được đặt tên theo những người chị có lẽ đang lớn lên giàu có ở Mỹ.

Ông Hưng chỉ mới thấy người Mỹ có một lần, ít nhất là một ai đó mà ông chắc chắn rằng đó là một người Mỹ, thậm chí từ khá xa. Người đàn ông đó nằm trên bờ hồ Trúc Bạch, khoác áo nhảy dù. Ông ta được đưa đến bờ hồ bởi những người đàn ông như ông Hưng, những người đàn ông nghèo đánh bắt cá xa hơn, dọc theo bờ hồ, cho dù có nguy hiểm, vì khi những quả bom rơi, cá chết nổi lên, không phải lúc nào cũng còn nguyên vẹn, nhưng số lượng lại khá nhiều.

Giờ đây, gặp cô Maggie, ông Hưng lại hình dung ra những đứa trẻ khu ổ chuột có thể sẽ trở thành. Một người phụ nữ trẻ, khỏe khoắn, có học thức với một công việc tốt, nói chuyện một cách đầy tự tin và không cụp mắt xuống khi cô gặp một người lạ. Ông nghĩ tất cả những đứa bé đó, những người phụ nữ bây giờ, Áo Dài của họ tung bay trong những cơn gió Mỹ, và ông tự hỏi liệu họ có biết tiếng Việt không, họ có lấy đàn ông Mỹ không, họ có ăn sáng bằng Phở không, thậm chí họ có biết hương vị của quê hương không. Ông phải hỏi cô Maggie nếu Mỹ vẫn cam chịu việc thiếu vắng Phở. Ông tự hỏi bao nhiêu người phụ nữ trẻ như cô bị ám ảnh bởi những câu hỏi về quá khứ, quê hương của họ. Và bao nhiêu người đàn ông lớn tuổi như ông có thể có những câu trả lời.

Nếu chỉ có mình ông đã không được quá vô tâm với ký ức của mình. Sự vô tâm đã khiến ông trả một cái giá rất đắt trong quá khứ: ông lẽ ra không nên học khi những tờ báo bị lấy khỏi căn lều của ông? Mỗi lần nghĩ đến nó ông lại rất tức giận, nhưng rồi ông đã biết chú tâm hơn đến ký ức của mình. Ông nên chăm chỉ hơn để bảo toàn những gì ông có thể, bởi vì chúng sẽ nhanh chóng chẳng còn gì để mất.

Maggie không ngủ được. Cô đang nhớ về buổi sáng mùa Đông cô với mẹ ở Minneapolis khi họ đã mất tất cả những liên hệ với Việt Nam. Ngày hôm đó những đống tuyết lớn như những con voi, bầu trời trong trẻo, những bông tuyết quay quanh họ khiến họ cảm thấy như đang ở trong một quả cầu tuyết di động. Đôi chân của Maggie trượt xung quanh đôi ủng của cô khi họ bước lên đường bởi mặc dù cô chỉ mới 10 tuổi mẹ cô cũng đã mua một đôi ủng thiếu nữ cho cô để họ có thể trải qua vài mùa Đông.

Họ đi ngang qua quán phở Việt Anh, một quán phở họ thường ghé ăn trưa, bởi vì mặc dù bà Trang là người nấu Phở Bắc ở Minneapolis, nhưng bà Nhi không quan tâm đến tin đồn về người phụ nữ đó. Thay vì thế, họ đến một nhà hàng mới của người Việt ở cuối phố, kéo cánh cửa mở ra, những chiếc chuông gió xao động khi họ đi vào.

Nơi này dày đặc khói thuốc lá và tiếng ồn ào huyền ảo của những lá bài Domino trên mặt bàn Formica. Mẹ Maggie thúc cô vào trong một góc bàn và ngồi xuống cạnh cô trên chiếc ghế nhựa dài màu đỏ.

“Nghiêm Nhi?” người đàn ông đến ghi món ăn của họ hỏi, miệng và cặp lông mày của ông ta trông như nhân vật hoạt họa - khi chúng thể hiện sự ngạc nhiên vô cùng. Ông ta nhìn bà Nhi, vẫn chưa đóng mồm lại.

Mẹ cô liếc nhìn. “Tôi có biết anh không?”

“Tôi là Paul,” ông nói, ngón tay đặt lên ngực mình. “Paul Nguyễn. Đồng nghiệp với Văn Hai ở Sài Gòn. Phóng viên ảnh. Associated Press.”

Bà mở lớn mắt như một sự xác nhận.

Paul Nguyễn nói, “Tôi rất rất lấy làm tiếc về Văn Hai,”

“Má?” Maggie thúc giục.

Mẹ cô đứng dậy khỏi bàn ăn. Bà đi lui nhà bếp với Paul Nguyễn, để lại Maggie ở bàn ăn một mình. Vài phút sau, bà trở lại với một tô kem thủy tinh đầy kem Vanilla.

“Bố con chưa bao giờ làm nó ngoài Việt Nam,” bà Nhi nói khi ngồi xuống. Họ cùng ngồi và ngắm tô kem. Maggie đã nghĩ về con số 8 mà cô được học để trượt trên băng khi mùa Đông năm đó đang khoác lên những chiếc ván trượt vay mượn. Cô nhớ lại cảm giác bị trượt lùi về sau.

“Bố không qua đây hả mẹ?” Maggie nói sau ít phút im lặng - tiếng nói mà cô có lẽ đã rõ vài năm gần đây.

“Không, bố sẽ không qua đâu.”

“Nhưng bố ở đâu?” cô hỏi.

“Ôi, Maggie,” mẹ cô nói, vui mặt trong đôi tay bà. “Con xin lỗi.” Cô lắc đầu bà.

“Bố sẽ gặp chúng ta ở kiếp sau.”

Vì chúng ta đã để ông lại, Maggie nghĩ thế, chúng ta đã để bố đứng giữa đường băng sân bay.

“Có thể kiếp sau bố sẽ sống ở Minneapolis,” cuối cùng Maggie nói, cố gắng để trước tiên xoa dịu mẹ cô rồi đến cô - cái khuôn mẫu đó, khi hồi tưởng lại, đã trở nên cố hữu.

Cho đến lúc Maggie lớn hơn, cô học hỏi những chi tiết có bề mặt vào ngày đó. Ở tuổi 16, cô đã tìm ra Paul Nguyễn, bây giờ ông ấy làm việc ở bệnh viện Abbott Northwestern Hospital, một kỹ thuật viên phòng thí nghiệm. Họ ngồi trong một căn phòng sáng lờ mờ, Paul đang mặc chiếc áo khoát phòng lab của ông và vo một mảnh giấy trong tay.

“Vậy là mẹ cháu không nói gì cho cháu hết,” ông nói. “Chú nghĩ cháu còn quá trẻ. Sự thật là cha cháu và chú đã đợi khá lâu trước khi rời đi.”

“Nhưng tại sao chú lại đợi?” Maggie hỏi. “Nó rất quan trọng để tiếp tục câu chuyện. Chú nghĩ là chúng ta cho rằng chừng nào người Mỹ còn ở Sài Gòn thì chúng ta vẫn ổn. Nhưng rồi thì thành phố đã bị bao vây, bị tấn công khắp mọi mặt. Cha cháu và chú trốn đến đại sứ quán Mỹ. Có cả hàng ngàn người đã ở đó, tuyệt vọng, đang trèo qua những bức tường. Đại sứ quán tiếp nhận người một cách nhanh chóng nhất có thể. Lúc đến lượt chúng ta, cha cháu và chú đã đợi ở trên mái nhà trong một cơn bão khủng khiếp. Nhưng chiếc trực thăng tiếp theo đã không bao giờ đến. Chúng tôi đợi hàng giờ và chú nhớ cuối cùng thì cha cháu nói, ‘thế là hết.’ chú biết cha cháu đã đúng,” Paul nói, trong lúc vứt mảnh giấy xoắn vòng vào thùng rác. “Chúng ta đi và trốn trong hầm trú bom. Hàng trăm người chen chúc trong cái đường hầm nóng nẩy và tăm tối đó. Chúng ta chẳng có kế hoạch nào cả, Maggie à, chỉ có cầu nguyện. Trong vài giờ, binh lính đã xông vào và rọi đèn vào mặt chúng ta. Khi họ rọi đến cha cháu và bắn vào đầu ông thì ông chỉ đưa tay lên đầu và bảo, ‘Tôi xong rồi. Tôi đã già và mấy người đã lấy đi đôi tay tôi. Vợ và con gái tôi đã được an toàn ở Mỹ.’”

Tại sao bố cô từ bỏ khi ông có rất nhiều điều phải đấu tranh? Paul Nguyễn đã sống; chú ấy thậm chí còn đôi tay nguyên vẹn mặc dù bị bắt đi từ hầm trú ẩn đến trại cải tạo, nơi mà ông không phải bị tù tội khoảng 4 năm.

Maggie trượt ra khỏi chiếc ghế và chạm lấy ba lô của cô.

“Cháu nghe này, ông ấy đã từng qua trại một lần trước đó,” ông Paul giọng năn nỉ. “Chú không nghĩ ông ấy có thể đối mặt với nó một lần nữa. Cháu phải hiểu, Maggie à, giáo dục lại nghe có vẻ nhẹ nhàng hơn nó vốn thế - nó nhào nặn lại cái tôi của ông, hủy hoại ông ấy để xây dựng lại.”

Nhưng Maggie đã không hiểu, cô nổi giận. Cô không tưởng tượng được điều gì có thể tệ hơn là từ bỏ mạng sống của bố cô, gia đình của ông, và cả một tương lai. Nhưng rồi có lẽ đó là lý do tại sao ông phải đảm bảo rằng họ qua Mỹ. Thế nên cô có thể không bao giờ biết được.

Chương 6. Nội tâm tĩnh lặng

Sáng hôm đó, ông Hưng nghỉ bán, Tư và bố cậu buộc phải quyết định ăn một tô phở chẳng ngon lành gì. Nước phở ở tiệm Phở Hồng Việt trên đường Mã Mây tạm được và thịt bò cũng là loại ngon bởi vì được mua từ mẹ của Tư, nhưng mà họ vẫn sẽ cảm thấy chẳng thể nào nói rằng tô phở đó gần đạt được chất lượng như của ông già Hưng. Cứ hễ khi nào họ buộc phải đến đây, họ lại phàn nàn gì đó.

“Chưa cho đủ tiêu hủ con, Tư?”

“Ông ấy không thể giảm lượng mỡ được, bố có thấy đám váng mỡ này không?”

“Bố nghĩ đó là vì ông ấy lại mua thịt rẻ tiền nữa rồi. Đó không phải lỗi của mẹ Anh, ông ta thật rẻ tiền.”

“Bố có thấy vị hồi sao không? Con nghĩ ông ấy dùng lại vỏ vì con chẳng thấy vị gì cả.”

“Tương ớt thì chẳng cay chút nào.”

“Ông ấy trưng phở quá lâu. Giờ nó cứ nhão như hồ vậy.”

“Bố, xem cái gì này?” Tư nói, trong khi kẹp một cọng giá giữa ngón cái và ngón trỏ. “Đúng là một kiểu xâm lược của Sài Gòn!”

“Cảm ơn, anh Bình và cậu bé,” ông chủ quán ngắt lời họ. “Hôm nay tôi sẽ rất hạnh phúc mà tính tiền anh gấp đôi vì sự thích thú xúc phạm quá đáng này của anh đấy.”

Tư đang húp nước phở và quan sát một con gián băng ngang qua nền nhà khi điện thoại cậu đổ chuông. Con gián bò qua mép tấm ốp chân tường và rơi xuống nền nhà lại. Những người bạn ở những nơi cao, cậu nghĩ, trong khi nhìn số điện thoại lúc cậu nhấc chân lên.

“Cao Mạnh Tư at your service,” cậu trả lời lớn bằng tiếng Anh.

“Good morning,” cô Maggie Lý đáp với giọng Mỹ khiến cậu phải ngờ vực tấm hình với khuôn mặt Việt Nam của cô.

“Tôi vừa tự hỏi, Tư - hôm qua, khi anh nói nếu tôi cần các dịch vụ của một hướng dẫn viên du lịch? Ủm, tôi nghĩ, anh có thể đến khách sạn hôm nay không?”

Vâng, Okay, yêu cầu của cô Maggie có một ít bất tiện, nhưng bạn chẳng thể nào nói không với một yêu cầu đến từ Metropole được, khi cậu nói với sếp cậu ở một cuộc gọi sau đó. Và làm cách nào để cậu có thể cưỡng lại sự tò mò đây? Đó là một cơ hội để khám phá ra cô gái này là ai, và tìm ra mối quan hệ bí ẩn của cô với ông già Hưng.

“Khách sạn bây giờ lại gọi trực tiếp cho con à?” bố Tư hỏi, nhướn đôi lông mày lên bởi bất ngờ về điều đó. Tư cảm giác việc gặp gỡ cô Maggie Lý như là định mệnh. Cuộc sống sắp phát triển một cách trông thấy.

Đại sảnh của Metropole thật là tĩnh lặng khi so với đường phố bên ngoài, cần vài phút để Tư điều chỉnh thính giác của cậu. Tư đứng hít ngửi mùi của bánh mì nướng và cafe trước khi rẽ xuống hành lang khách sạn để tìm kiếm văn phòng của cô Maggie. Cậu kiểm tra xem chắt cúc áo đã được cài chưa, rồi gõ ba lần cầu may lên cánh cửa.

Quá nhiều tác phẩm xếp chồng dựa lên những bức tường trong văn phòng đến nỗi cô không thể ra mở cửa được. Tư buộc phải đẩy ép cánh cửa vào khi Maggie nắm giữ khóa cửa mở, đuôi cậu chà vào cô khiến cậu bối rối nhìn xuống.

Cuối cùng cậu buộc phải ngược nhìn khắp căn phòng, cậu nói “Tôi không biết là khách sạn lại có nhiều tác phẩm nghệ thuật như thế,”

“Mọi người ai cũng ngạc nhiên,” Maggie nói. “Công việc của tôi là nhận biết ý nghĩa của chúng. Tôi làm cả năm rồi, nhưng cũng đã gần xong. Ủm, vậy ông bác thế nào rồi? Anh đã đưa ông ấy về nhà ổn thỏa cả chứ?”

“Ông ấy khỏe,” Tư nói. “Ít nhất thì ông ấy đã chịu nghỉ buổi sáng nay, nhưng tôi chắc chắn là ngày mai ông ấy sẽ lại bán phở thôi.”

“Thật là một tin tốt lành,” Maggie nói trong lúc ngồi xuống. “Nghe này, tôi thật sự vui mừng là anh đã đến. Đây là những gì tôi muốn nói với anh. Ngày càng nhiều vị khách trong khách sạn liên hệ với tôi bởi họ hứng thú với nghệ thuật đương đại Việt Nam. Tôi thật sự không có thời gian để đưa họ đi quanh thành phố và cho họ thấy các gallery (phòng triển lãm - người dịch) cũng như studio (phòng sáng tác - người dịch); Tôi sẽ không bao giờ xong công việc của mình nếu tôi làm thế. Nên sẽ hữu ích hơn nếu tôi có một hướng dẫn viên có thể giúp tôi khi xảy ra trường hợp đó, và tôi nghĩ có lẽ anh là người thích hợp.”

Tư không thể tưởng tượng ra dựa vào đâu mà cô ta lại đi đến một kết luận như thế, nhưng câu hỏi tại sao phải chẳng là quá tự kiêu? Và nhìn vào nụ cười đó, nụ cười quá ấm áp và thân thiện mà cậu có thể cảm thấy rõ rệt trong lòng mình. Có lẽ đó là tính Mỹ trong cách nhìn nhận trực tiếp của cô, nhưng không có cô gái nào từng nhìn cậu theo một cách như thế, như thể cô cần một thứ gì đó mà chỉ có cậu giúp được.

“Dĩ nhiên,” Tư đứng thẳng dậy nói, dù rằng cả cậu cũng không chắc lắm.

“Tuyệt,” cô nói và lôi ra một tấm bản đồ.

“Tôi chắc là anh biết Bảo tàng Mỹ Thuật, nên tôi nghĩ chúng ta có thể bắt đầu với việc đi thăm vài gallery chính ở phố cổ - Tôi vẫn chưa tự mình đi hết tất cả chúng.”

Tư cầm tấm bản đồ lên. Không một nơi nào cô đánh dấu lại quen thuộc với cậu; chuyên môn của cậu liên quan đến những điểm du lịch phổ biến hơn. Tuy nhiên cậu sẽ làm một cách tốt nhất để hài lòng cô Maggie Lý và kiếm nhiều lời khen hơn thế.

Maggie đứng dậy, cô trườn quanh bàn và sau lưng ghế của Tư để lấy ví của mình. “Anh sẵn sàng chưa?” cô nói trong khi nắm lấy vai cậu.

Cả cánh tay Tư lan tỏa một luồng hơi ấm. Cậu cảm thấy một cái gì đó ở hạ thể cũng thế, vài thứ cậu chắc chắn rằng là cậu không nên, nhưng không phải mỗi ngày đều có một cô gái chạm vào vai cậu. Đôi chân cậu bật dậy và theo cô đi xuống hành lang, đôi giày cao gót màu đen của cô gõ lách cách trên nền gạch.

Ngay khi họ bước chân xuống đường, Tư bắt chuyện với một loạt câu hỏi mà cậu đã được học trong suốt tuần đầu tiên ở trường cao đẳng du lịch. “Hôm nay thật nóng phải không? Mùa mưa sẽ sớm đến và quét sạch độ ẩm. Cô sống ở Việt Nam lâu chưa? Chính xác là cô đến từ nơi nào của nước Mỹ? Thời tiết ở đó có đẹp không?”

“Vùng Trung Tây,” Maggie nói, lúc này cô đi sau cậu hai bước, “ở đó có rất nhiều tuyệt.”

Tư buộc phải tưởng tượng ra bản đồ nước Mỹ trong đầu cậu. Cậu nghĩ miền Tây là miền viễn Tây hoang dã - Texas, đúng rồi-nhưng cậu hoàn toàn không chắc về miền Trung.

“Minneapolis,” cô nói, “Minnesota.”

“Ahh, vậy cô là fan (người hâm mộ - người dịch) của Minnesota Vikings?” Tư nói, hi vọng sẽ làm cô ấn tượng với hiểu biết của mình, đồng thời quay lại để xác nhận sự kinh ngạc trên khuôn mặt của cô.

Maggie bật cười. “Không, nó không thật sự là chuyện của tôi,” cô đáp. “Nhưng sao anh lại biết? Không phải tất cả các đội bóng đều ở đây đấy chứ?”

“Tôi chỉ thích quan tâm những sự kiện thôi, nhất là ngoại quốc. Cô có biết bóng đá có nguồn gốc từ môn bóng bầu dục không?”

“Thật thế à,” Maggie đáp theo cái cách mà Phương vẫn hằng cảnh báo Tư.

Maggie đi theo Tư xuống vào một lối đi hẹp trên vỉa hè, nằm ép giữa một tường xe máy bên tay phải của họ và một dãy bàn nhựa màu đỏ bên tay trái. Tư muốn đọc thuộc lòng cho cô nghe những cái tên còn lại của các đội bóng Mỹ mà cậu biết, nhưng tiếng cậu bị lạc mất trong những tiếng gầm rú của động cơ.

Những người khách du lịch luôn hỏi cậu, làm sao mà cậu có thể suy nghĩ với cái tiếng ồn này được? Nhưng, phải trung thực thế không nhỉ? Đó lại là nơi cậu tìm thấy mình đang hành thiện. Càng đông đúc càng tốt. Ở Việt Nam chúng ta ở với gia đình từ thuở ấu thơ cho đến chết - và khi gia đình hay hàng xóm không còn quan tâm nữa, ta có thể tin rằng chính phủ đang làm thế. Hai lần mỗi ngày, báo cáo phường được phát trên loa, kể tên những người phạm tội và phạt vi cảnh. Một lần Tư nghe tên Phương trong việc chậm trễ trả tiền làm lại giấy tờ xe, khiến cậu đã rất xấu hổ thay cho cậu ta.

“Thành thực mà nói thì cậu không nghe những cái tuyên truyền đó chứ?” cậu ấy hỏi Tư. “Chúng ta ở trong một thành phố với ba triệu rưỡi người. Cậu nghĩ có bao nhiêu là Nguyễn Phương ở trong phường của chúng ta nào?”

Phương đã đúng; không ai mất công chú ý đến cái báo cáo đó nữa. Giờ đây ta chẳng cần phải thăm dò người hàng xóm của ta rồi ghen tị với cái tivi mới cóng của anh ấy và nghi ngờ anh ta đã nhận một khoảng hối lộ nào đó, từ người nước ngoài, hay có vài người vượt biên Việt kiều trong gia đình ở bên Mỹ đã gửi tiền cho anh ta. Giờ đây, thay vì báo cáo với ủy ban phường, người hàng xóm của bạn sẽ nói, Anh Bạn, anh sẽ chia tiền xài chung cáp truyền hình chứ? Hey, anh bạn, tại sao chúng ta không chung tiền mua một chảo vệ tinh nhỉ?

Tư bước khỏi vỉa hè để xuống đường. “Đội đã,” Maggie kêu lên. “Chúng ta không định băng qua đường đấy chứ?” Cô chỉ vào dòng xe cộ giữa họ và hồ Hoàn Kiếm. “Chúng ta không thể đi đến đầu đường rồi băng qua à?”

“Nhưng đường này lẹ hơn. Cô chưa đến hồ bao giờ à?”

Maggie lắc đầu. “Cô chưa băng qua đường bao giờ à?” “Chưa, trừ lần này,” cô đáp.

“Làm cách nào cô đến và đi từ khách sạn?”

“Tôi bắt taxi.”

“Mỗi ngày sao?”

“Ít nhất hai lần một ngày.” “Ồi Zôi ôi,” Tư nói. Cậu hướng dẫn cô Maggie xuống đường bằng khuỷu tay. Trông giống như nổi bập bênh, như đi bộ trên mặt nước. “Nhìn thẳng về phía trước,” cậu nói, “và bất kể cô làm cái gì đi nữa cũng đừng xấu hổ. Cô cần phải tìm thấy sự yên tĩnh trong lòng.”

Bên trong sự tĩnh tâm của Tư, cậu tìm thấy cô gái của mùa Giánh Sinh trước, trong bộ trang phục màu đỏ và trắng nhạt. Đôi môi cô như một cánh bướm, làn da ẩm sương của cô mịn màng như củ khoai tây mới gọt vỏ. Cậu không nghe tiếng xe cộ khi băng qua đường, thay vì thế cậu chỉ nghe tiếng thầm thì của cô bên tai: Anh có thể hôn em, chạm em, nếu anh thích. Những lời tương tự ấy thốt ra từ giữa hàm răng trắng đều của Maggie ngay trước khi cậu lên đến vỉa hè.

“Wow, chúa ơi,” Maggie nói. Cô ôm bụng trong chốc lát, còn Tư thì tự hỏi liệu cô có ốm không. Không sao, không khí của hồ sẽ khiến cô tươi tỉnh lại. Hồ Hoàn Kiếm đang ở trạng thái đẹp nhất trong buổi sáng, và rất lãng mạn, khi ấy, các chàng trai ngồi cùng bạn gái của anh ta dưới gốc Đa trong khi Tư thì ghen tị với họ. Làn sương chậm rãi tan dần vào bầu trời màu phấn. “Thật là đẹp,” cô nói, trong khi đương nhìn lên mặt hồ.

Điều khiến Tư rất buồn là cô Maggie chỉ nhận ra điều này sau cả năm sống ở Hà Nội. Vì mặc cho tất cả những đổi thay đang xảy ra trong thành phố này, thì hồ Hoàn Kiếm vẫn còn mãi và vẫn sẽ thế.

“Có một truyền thuyết địa phương, sáu thế kỷ trước, một con rùa vàng từ dưới nước đã trao cho vua Lê Lợi một thanh kiếm thần để ông dùng đánh bại giặc Minh. Thành phố đã được sinh ra từ cái hồ này, thế nên, một cách nào đó, nó là con người ở đây. Hồ chính là trái tim bằng nước của thành phố.” Vẫn thơ hay! Tư tự bình luận chính mình. Có lẽ cậu nên thử với ông già, ông là một người yêu thích thi ca.

Tư và Maggie thả bộ bên nhau dọc theo con đường trải nhựa lượn quanh hồ trong khi những cặp tình nhân trẻ cùng nhau chia sẻ những bí mật trên các băng ghế, những người đàn ông nghiêng nghiêng trên bàn cờ tướng, một đôi vợ chồng già chơi cầu lông, cầm vợt trên tay; có những người đàn ông và phụ nữ trung niên đang diễu hành qua họ, cánh tay đung đưa như những cánh quạt. Họ đã quá trẻ để có thể xem những quân đoàn người tập Thái Cực Quyền vào sáng sớm.

Tư đang truyền đạt những trận đánh lịch sử mang tính quyết định đã trả tự do người Việt khỏi ách đô hộ của Trung Hoa trong suốt mười lăm thế kỷ khi cậu và Maggie đi bộ qua cầu Thê Húc (cầu mặt trời mọc - người dịch). Một người phụ nữ già với chiếc gù từ một cột tre băng ngang qua cô, bà đến gần và cười với Tư bằng hàm răng ố đen. “Anh hãy giúp bà ấy và mua giùm tôi,” cô nói với cậu.

Tư vẫy bà lại, cậu muốn trở lại với những câu chuyện quan trọng này, nhưng rồi cậu chợt nhận ra là cậu đang nói một mình.

“Bà ấy bán gì thế?” cô Maggie nói lớn từ chỗ cô nghỉ chân.

“Xôi bọc lá chuối,” Tư nói, trong khi bước lại chỗ cô. “kèm trứng cút bên trong.”

“Tôi cóc thềm bán cho Việt Kiều,” người phụ nữ nói bằng một chất giọng vùng quê đầy địch ý là điều khó hiểu đối với Maggie. “cậu tôi cũng cóc cần,” bà ta nói với Tư, mím hàm răng đen của mình lại.

“Cô ấy chẳng mua gì đâu,” Tư nói với người phụ nữ lớn tuổi trong lúc xưa bà đi.

“Bà ấy nói gì thế?” Maggie hỏi, vẫn nhìn theo người phụ nữ khi bà ta đã chậm chạp bước đi khuất.

“Bà ta hi vọng cô được vui về ở Hà Nội.”

Tư đang giải thích cái cách mà chế độ phong kiến làm việc khi họ đi bộ vào những con hẻm nhỏ, chật chội của khu phố cổ. Maggie có vẻ không hào hứng với lịch sử hơn là cái gì đó ngay trước mặt họ. Đó là gì vậy? Cô hỏi. Kia là gì?

Tư tự hỏi sao mà cô trông giống người Việt Nam đến thế với chừng đó câu hỏi. Cô ta đã ở đâu trong suốt cả năm qua chứ? Chẳng lẽ cô ta chẳng bao giờ bước chân ra khỏi khách sạn hay sao?

“Kia kia,” Maggie nói, dừng trước một căn nhà rộng hơn bất kì căn nhà nào trên đường Hàng Bò.

Tư kiểm tra lui kiểm tra tới tám bản đồ. Gallery này sáng sủa và nổi bật hẳn với những căn nhà hình hộp ở bên mạn sườn nó. Cậu kéo cánh cửa gỗ được chạm khắc, mở ra một không gian rộng lớn với trần nhà cao vút.

Ngay khi họ bước qua ngưỡng cửa, họ được chào đón bằng tiếng anh bởi một nhóm các cô gái tuyệt đẹp, tóc rẽ giữa và bóng mượt, tất cả họ mặc những chiếc áo dài truyền thống giống nhau. Người phụ nữ phụ trách là một người châu Âu với một âm sắc nặng nề, đứng đằng sau một chiếc bàn mạ vàng có hoa văn; bà che tay lên micro (ổng nói - người dịch) của chiếc di động của và nói rằng bà sẽ rất vui lòng trả lời bất kỳ câu hỏi nào họ muốn sau khi bà kết thúc cuộc gọi.

“Xin hãy dạo bước chút xíu đi ạ,” bà nói với một cái vẫy tay.

Tư chưa bao giờ nhìn thấy nhiều tác phẩm như thế đặt trong cùng một nơi, ngoại trừ viện bảo tàng. Cậu đi quanh một cách im lặng, ngắm nhìn những bức họa. Thiếu nữ mặc áo dài. Con trâu nước. Người phụ nữ đang giã lúa. Chùa chiền. Cầu tre bắc qua sông. Sương mù trên đỉnh núi. Cô nữ sinh mặc áo dài. Thuyền trên vịnh Hạ Long. Trâu nước... Với Tư, chúng trông như

những tấm bưu thiếp, loại mà những du khách đưa cậu vào cuối những cuộc hành trình của họ với câu nói, “Cậu có phiền nếu gửi chúng cho tôi không? Tôi chưa có cơ hội để mua tem,” và ấn 10 dollar vào tay cậu.

“Tất cả chúng đều có một nét lãng mạn phải không (It’s all a bit romantic, isn’t it),” Maggie hỏi bằng tiếng Anh. “Kiểu vô thường vô phạt (And kind of innocuous.)”

Tư không biết từ “innocuous”. Có phải là “tiêm chủng”(inoculation) không nhỉ? Tiêm vào cánh tay à?

Bà chủ cúi mình xin lỗi và đảo đôi mắt nhìn, rồi thì bà nói với Maggie.

Tư và Maggie rảo bước qua phía đối diện căn phòng, vẽ nhòa nhạt của những bức tranh trở thành bức tường, cho đến khi Tư quan sát thấy những nét quen thuộc. Một bức vẽ phố cổ của họa sĩ Bùi Xuân Phái. Tư nhận ra ngay lập tức bởi có vài bức tranh của họa sĩ Phái treo trên những bức tường quán cà phê Võ, cha cậu đã đưa cậu đến đó xem khi cậu còn là một cậu bé. Ông Võ có hầu hết bộ sưu tập đặc giá những tác phẩm của họa sĩ Phái vì người nghệ sĩ đó đã trả tiền cafe nhiều năm cho ông bằng những bức tranh.

Cha của Tư cũng có một bức tranh của Bùi Xuân Phái ở nhà. Đó là một món quà từ chính người họa sĩ ấy tặng cho ông nội của cậu, ông Đạo, mà thỉnh thoảng bà nội Amie lại ôm lấy nó. Đó là một bức tranh mực trên nền giấy nâu vẽ một cô gái, thân hình cô chỉ vẽ bằng viền đen, và để Tư không nhìn thấy được, bố cậu đã luôn luôn cuộn nó lại - khóa thân là quá trần trụi đối với Đảng, đó là chưa kể quá Tư Sản - mặc dù kể từ khi Đổi Mới, cậu cảm thấy không cần phải khóa bức tranh đó trong chiếc rương ở phòng ngủ.

Tư nhặt lên một tờ giấy photocopy. Giá của các bức họa được liệt kê bằng Dollar với rất nhiều chữ số 0. Nhưng sao lại có thể thế này cơ chứ? Bùi Xuân Phái đã phải chết trong đói nghèo và tuyệt vọng - một người đàn ông thậm chí còn không có cả một chiếc xe đạp, chỉ có một cây gậy chống đi khắp khiêng - trong khi những bức tranh này được bán với giá hàng ngàn Dollar.

Bà chủ vẫn đang gọi điện lúc họ kết thúc một vòng dạo quanh căn phòng.

Phòng trưng bày thứ hai chỉ cách hai con đường và người chủ lần này không đang bận gọi điện thoại nữa. Ông ta chào đón cô Maggie theo một cách quen thuộc, rồi thì đưa cô vào cuộc nói chuyện về một nhóm những nghệ sĩ ở Singapore, để mặc Tư dạo bước trong căn phòng. Phần nhiều cũng giống vậy. Những cô gái trong những tà áo dài đang rời trường về nhà. Những người phụ nữ già gạo. Mặt trời mọc trên vịnh Hạ Long. Cô gái với hoa sen, thuyền trên sông Hương, một cô gái khác với hoa sen.

“Đó là những giá trị vượt thời gian,” Maggie nói, tiến đến đứng bên cạnh cậu. “Hầu như là một sự ngăn cấm dễ thấy của lịch sử.”

Tư đang nhìn một bức tranh dễ thương, giờ là cảnh một làng quê thân quen khắc họa qua một màn che mưa. Cậu không chắc lắm ý cô Maggie là gì. Nhưng chắc hẳn, đó là những hình ảnh cậu nhìn thấy ở ngoại ô, nhưng mà cậu cũng thấy cả đường cao tốc, nhà máy, cảng biển, xưởng sản xuất, hầm mỏ, sân bay, khu công nghiệp và các resort đang được xây dựng dọc theo bờ biển. Các thành phố thì sao? Các họa sĩ dường như không vẽ thành phố. Cậu lo rằng nếu đó là tất cả những gì người nước ngoài được nhìn thấy, những con sông lười biếng và những con người lam lũ đang cày ruộng bằng tay, họ sẽ nghĩ Việt Nam là một đất nước lạc hậu.

“Anh đang nghĩ gì vậy?” cô Maggie hỏi. “anh đã từng thấy một bức tranh như thế này ở nhà à?”

“Nhưng chúng không phải dành cho căn nhà của một người Việt,” Tư đáp.

“Anh đúng trong chuyện này,” Maggie nói. “98% các tác phẩm nghệ thuật đương đại ở đây đều xuất đi nước ngoài.”

Tư, một người thích thống kê, nói cậu không quá ngạc nhiên về điều đó. Cậu kiểm tra mảnh giấy photocopy của bảng giá, nó quả là đau tim với mức giá 8000 dollar. Cho đến lúc cậu kể lại với Phương. Họ có thể ăn 11.428,5 tô phở với số tiền đó. Họ có thể ăn phở mỗi ngày khoảng 51 năm 2 tháng. Thậm chí một người Việt Nam có mức thu nhập trên trung bình để làm ra số tiền đó cũng mất gần hai chục năm. Hai mươi nam không ăn hay một mái che đầu, kể cả một chiếc xe máy, hay mua quần áo mới. Nhưng Tư cũng không biết người Việt nào có thể mua một thứ như thế này, dù thế nào đi nữa. Nếu bạn có 8000 dolar để chi tiêu, bạn có thể mở một cửa hàng khoảng 1 năm hay đầu tư vào kinh doanh, hay mua một chiếc xe tốt hơn và vài mảnh đất, để dành cho đám cưới hay tang lễ.

Có vài điều không đúng với việc kinh doanh này. Một số người đang trở nên rất rất giàu.

Người đàn bà sống cạnh nhà Phương đang đập mấy cái còng cua trong con hẻm bằng một cái chày. Chị ta đưa một mảnh thịt màu hồng qua vai mình và đút vào cái miệng háo hức của đứa bé chập chững đứng sau lưng. Tư vỗ tay đứa nhỏ trước khi đi xuống con hẻm và rẽ phải vào một khoảnh sân. Những tia sáng từ phòng ngủ của Phương chiếu qua thanh chắn trên ô cửa sổ nhỏ phía trên cao.

Tư vọt lên cầu thang, suýt chút nữa là đụng phải chị của Phương đang đứng.

“Nó chẳng nói gì với tụi chị cả,” chị nói. “Nó thậm chí còn chẳng thèm xuống ăn tối. Em nói với nó đi. Có vẻ nó đang có chuyện ngớ ngẩn gì đó với con gái.”

Tư đẩy cửa phòng ngủ của bạn. Cậu thấy Phương đang nằm dài trên nệm, không mặc gì trừ chiếc quần sóc màu đỏ máu của võ sĩ quyền anh - một món quà sinh nhật từ người bạn gái cũ mới đây của cậu. Phương có nhiều người hâm mộ và hẹn hò, nhưng chẳng có ai thực sự là bạn gái của cậu, không có trường hợp nào cậu từng giới thiệu với gia đình mình.

Những cô gái hâm mộ đó uốn éo mỗi lần quay ngược hướng, đưa làn nước hoa quyến rũ về phía Phương. Cậu dường như không để ý Tư đi vào; Phương đang đeo tai nghe và Tư có thể nghe tiếng treble nho nhỏ phát ra mọi phía ngay từ cửa ra vào. Phương đang chăm chú nhìn lên trần nhà, một chai rượu, rượu trắng, một lọ nước mắt và một tô gạo cháy nằm trên sàn trong tầm tay của cậu.

Tư chưa thấy bạn mình như thế này bao giờ, ngay cả khi chia tay với một cô gái; Phương quên ngay các cô gái sau lần tán tỉnh đầu tiên, với một phong thái rất Mỹ kiểu như cô ta chỉ là “thứ rẻ tiền” hay “làm hỏng cả phong cách của tôi.” Âm nhạc sẽ luôn luôn đến đầu tiên trong cuộc sống của cậu, điều đó làm cho bố mẹ cậu và ngay cả Tư cũng phải lo lắng. Ở Việt Nam thì gia đình là xếp hàng đầu; tại sao Phương lại quá trái khuấy đến như thế chứ?

Tư thúc vào bàn chân Phương đang để lơ lửng cuối giường.

“Mmm?” Phương ư ử, ngóc đầu dậy. Cậu nằm xuống lại tám thăm ngay sau đó.

“Phương,” Tư gọi, giật chiếc tai nghe ra khỏi tai bạn. “Có chuyện gì hở?” cậu ngồi xuống cạnh tám thăm. “Cậu đang nghe gì thế?”

“Sex Pistols,” (một ban nhạc rock của Anh, thành lập vào năm 1975 ở London - người dịch) Phương đáp.

“Nó có ý nghĩa gì không?”

Phương nhún vai. Dù cậu có biết thì giờ cậu cũng chẳng có hứng nói chuyện. Cậu muốn lên chỗ cao hơn. Thế là họ trèo lên tầng 3, gạt nhẹ đầu khi ngang qua bàn thờ tổ tiên, rồi trèo thang sắt lên mái nhà. Hai chiếc áo sơ mi của bố Phương đang được phơi khô trên dây, mấy con gà túc túc một cách hời hợt trong những cái chuồng của chúng, còn con chó mà họ đang vỗ béo cho dịp Tết thì đang liếm láp hai viên “bi” của nó. Có mùi dầu hỏa quyến cùng dầu ăn từ dưới con đường.

Phương sử dụng ánh sáng hắt ra từ mái nhà hàng xóm để giúp cậu vấn cần sa. Một người đàn ông luôn hút trong những tour bằng xích lô trong phố cổ đã cho cậu. Tư không phải là người thích dùng cách này để thay đổi tâm trạng; cậu thích khả năng đoán trước được của bia hơi,

ngon và rẻ theo phong cách cổ điển, vào những giờ vui vẻ, đôi khi nó làm bạn mệt mỏi hoặc làm bạn quá no để có thể ăn tối được, khiến mẹ bạn nổi giận, nhưng phần lớn là nó khiến bạn hạnh phúc và thôi thúc bạn đi hát karaoke.

Quả là sai trái khi hút cần sa ngay phía trên tổ tiên, hiển nhiên bạn không được thề thốt hay làm tình ngay phía trên họ, nhưng ít nhất thì Phương đang nói thế.

“Cậu có chú ý xem bao nhiêu là lời hứa người nước ngoài trông như sẽ làm không?”

Phương nói, thở ra một đám khói.

“Cậu đang nói về gì hả Phương?”

“Biết bao nhiêu lần những du khách nói với cậu là hãy cho tôi địa chỉ email, chúng ta sẽ giữ liên lạc. Tôi sẽ gửi cho bạn một CD hay DVD hay một cuốn sách khi tôi về đến nhà. Hay thậm chí họ nói, Hey, cậu thật sự nên đến thăm tôi ở New York hay Berlin hay bất cứ nơi nào.”

Thỉnh thoảng cũng có vài email lạc lõng trao đổi vào tháng đầu tiên, nhưng khi nó chấm dứt, nó chắc chắn sẽ thế, Tư thật sự không còn thấy đây là chuyện riêng vài người nữa.

“Cậu có nhớ cái gã người Úc không?” Phương hỏi. Làm sao mà Tư quên được? Cậu đã thấy gã ta rất mạnh mẽ, cả tinh thần lẫn thể chất. Cổ gã nở nang săn chắc và đường tĩnh mạch màu xanh trên thái dương phập phồng như thể nó cũng có một quả tim. Gã ta đã làm Tư cực kỳ ngưỡng mộ ở làng Hồ Chí Minh với cái quần lửng và giọng nói bất lịch sự của gã, rồi gã còn cười chế giễu vào sự thật là Bác Hồ được gửi đi Nga mỗi năm một thời gian ngắn để bảo quản, nhưng Tư đã phải giữ thể diện vì lợi ích của Phương - gã bảo chị gái gã từng là một nhà sản xuất âm nhạc ở Sydney.

“Cái thằng chết tiệt đó thậm chí chả thèm cầm CD của tớ Tư à. Cậu đã nghe gã nói đó - hần ta bảo hần sẽ đưa cho chị hần, nhưng rồi cậu biết chuyện gì khi tớ đang lau dọn chiếc xe vào một hôm khác không? Tớ đã tìm thấy chiếc CD được nhét dưới ghế. Tớ đã lãng phí tất cả thời gian đó để nghĩ rằng nó sẽ là đột phá lớn của tớ, tớ thậm chí còn đến lãnh sự quán để tìm cách làm visa Úc, khi cái gã đó vừa vứt chiếc CD vào xe như thể nó là một cục phân vậy.”

Cô em nhỏ của Phương thò đầu qua cánh cửa mái nhà ngay sau đó. Phương dập ngay điều thuốc vào chậu rau mùi. Cô bé hít hít không khí và hỏi họ có muốn ăn gì không. Cô bé đang mang chỗ thức ăn còn lại từ buổi tối trên một cái mâm. Cô bé khom người xuống gối và gấp mấy miếng cá chiên có lớp da béo ngậy vào hai tô cơm. Cô bé vừa gọi đầu, mái tóc xõa ẩm ướt quanh vai, khiến chiếc áo sơ mi trắng trở nên lờ mờ trong suốt. Tư không thể giúp gì ngoài

việc ngấm hai núm vú cô, giống những hạt nho hơn là nho khô của cô gái ăn mặc như phụ tá của ông già Santa.

Tư quay trở lại câu chuyện của cặp đôi trong những ngày vừa qua, những tin tức mà giờ đây cậu tuyệt vọng để chia sẻ. Cậu nói với bạn mình về tai nạn của ông Hưng và cô Maggie Lý, cô gái Việt Kiều đã gọi đến văn phòng để đặt dịch vụ cho những ngày còn lại trong tuần.

“Cậu có tin nổi không?” Tư hỏi, toàn thân cậu cũng không khác gì một dấu hỏi.

“Không,” Phương đáp, mặt thộn ra.

“Tớ không biết câu chuyện của cô ta thế nào, nhưng cô ấy đã có một kiểu liên hệ nào đó với ông Hưng,” Tư nói.

“Nhưng làm cách nào ông Hưng quen biết một Việt Kiều nhỉ?” Phương nói. “Đặc biệt là một người đang làm việc ở một nơi như thế. Ý tớ là chúng ta thậm chí còn không quen biết Việt Kiều nào hờ Tư.”

“Tớ không biết,” Tư nói. “Có lẽ cậu có thể giúp tớ tìm ra.”

“Được, Okay,” Phương nói.

Hah! Tư cảm thấy cậu rất thông minh khi dẫn dắt Phương quay lại với nẻo sáng. Trần trề hi vọng quay lại làm việc. Bây giờ tất cả những gì cần thiết là một tô phở của ông già Hưng vào buổi sáng và sự cân bằng của Phương sẽ thật sự được phục hồi. Họ sẽ quay trở lại bình thường, nhóm A đang cười với New Dawn (Hừng Đông).

Chương 7. Một thế giới ngược

Ông Hưng thấy nhói lên phía dưới thận khi ông đẩy chiếc xe phở lên khu vực công trình xây dựng của khách sạn trong nhịp nhaoang tối trước bình minh. Ông mới chỉ nghỉ một ngày mà họ đã bắt đầu bơm nước đầy hồ. Ông đã phải đối mặt với sự cần thiết không thể tránh khỏi để đi qua rất nhiều thập kỉ mà ông bị chối bỏ. Những chuyện khác thì lại đầy lo toan. Ví dụ như giá thịt, vẫn đang tiếp tục mắc hơn. Ông đã phải đối mặt với những khẩu phần ít ỏi, ngũ cốc thì mất mùa bởi thời tiết hay chiến loạn, sự hiếp đáp sỉ nhục, hối lộ và chợ đen trong suốt nhiều năm, rồi bằng một cách nào đó, lạm phát đến sau Đổi Mới đang chứng minh nó là thách thức căng thẳng nhất sau tất cả mọi sự.

Ông Hưng cũng bị ảnh hưởng bởi những chi phí sinh hoạt đắt đỏ, ông tự đi nhặt củi và cũng chẳng có một nơi cư trú hay địa điểm kinh doanh chính thức nào. Thế mà một tên đầu đảng đã tuyên bố một chính sách là khu ổ chuột có nhu cầu bảo vệ tiền bạc mỗi tháng, hần ta đe dọa mọi người phải điền tên vào một bản đăng kí dùng để nhận diện những ngôi lều của họ như là những cư dân và họ phải đóng thuế tương ứng.

Ông Hưng biết nó thật tệ biết chừng nào cho những người ở cái thôn làng này, đặc biệt là những nông dân, khi giá nhiên liệu thì rất đắt mà thuế lại quá cao. Thường chỉ có những người thức dậy khi ông Hưng đẩy xe phở của ông đi qua thành phố trước bình minh là những nhóm trẻ em lang thang từ làng lên, những đứa trẻ có gia đình không thể gắng gượng cho chúng đến trường được nữa; chúng phải đến và đánh giày hoặc bán đậu phộng hay tệ hơn nữa là chỉ để cha mẹ và anh chị em chúng có cái ăn cái mặc. Những đứa trẻ có nhà ở rất xa ấy có thể thuê một căn phòng, ở chung 10 đến 12 đứa với nhau, chen chúc nhau ngủ, đi tiểu trong bộ, chí thì nhảy từ đầu đứa này sang đứa khác.

Ông Hưng có thể nhận ra chúng từ xa, ông thấy hình ảnh mình trong chúng. Thật may mắn biết bao là ông đã có chú, chú Chiến. Nhờ vậy mà những tủi nhục và sự thiếu thốn đã buông tha cho ông.

Khi ông Hưng về đến nhà ở làng lần đầu từ dạo được gửi đến chỗ chú Chiến ở thành phố, bố ông đã công khai chấp nhận ông. Một người đàn ông dịu dàng nhưng dễ căng thẳng, ông Trọng Trí đã luôn luôn yêu thương và xót xa một cách lặng lẽ cho đứa con thứ chín của mình, cá nhân mà nói thì ông Hưng là người con giống bố ông nhất. Nhưng tình yêu đó của cha ông dành cho ông đã không tương xứng được với sự giận dữ của vợ ông, bởi vợ ông tin theo tin đồn và sự mê tín dị đoan của làng; thế nên tình thương ông dành cho đứa con trai chỉ còn là một ngọn đèn leo lét.

Niềm hoan hỉ trên khuôn mặt bố ông biến mất, thay vào đó là sự chú ý vào chiếc bọc nặng đầy đồng xu đựng thẳng mà ông đã bỏ lên bàn ngay khi vừa bước vào nhà.

“Việc kinh doanh rất tốt đẹp ạ,” ông nói đầy tự hào.

“Chú Chiến có rất rất nhiều khách. Cửa hàng lúc nào cũng bận rộn bố à,” ông Hưng nói.

“Ừm, tốt, bố biết con đã giúp chú ấy rất nhiều,” bố ông nói, khiến ông Hưng cảm thấy một cảm giác tự hào lạ lùng.

Mẹ ông bỏ nhào vào và chụp chiếc túi lên. Bà tung nó lên không bằng tay này rồi hứng lấy bằng tay kia. “Của tao, của tao,” bà nói. “Mày được sống ở một nơi thật sung sướng.”

Bố ông lặng lẽ khuyên lần sau ông nên giữ nốt ruồi bẩm sinh trên má quay vào phía trong tường khi chào mẹ ông, và ông Hưng đã nhận ra rằng khi ông làm thế vào những cuộc viếng thăm sau đó, mẹ ông thậm chí còn cười với ông, bảo ông đi tắm hoặc nằm nghỉ sau một hành trình dài - sau khi ông đã trút bỏ túi tiền xu nặng trĩu. Ông những muốn có một đêm ngủ cùng gia đình trước khi làm một chuyến đi 3 ngày quay lại thành phố, một buổi tối khi mẹ ông sẽ nấu món ngon nào đó và nói cho ông những tin tức trong làng, đối xử với ông như là một thân nhân đến từ thành phố mà ông đã nhanh chóng trở thành như thế.

Bố ông sẽ thì thầm với ông về khởi đầu của ông, “Bố tự hào về con lắm, con trai. Và bố sẽ tự hào về con mà không cần tiền bạc. Con hãy nhớ như thế.”

Ông Hưng cũng tin như thế. Ông trở lại thành phố mỗi lần như thế cùng với một sự thỏa mãn vì biết

mình đã giúp đỡ gia đình.

Sự kính trọng ông dành cho bố ông quay ngoắt thành nỗi nhục nhã khi ông lớn hơn, tủi nhục cho một người đàn ông bị bắt nạt bởi một người vợ nhỏ nhen, một người đàn ông có thể có rất nhiều từ cuộc sống nếu hoàn cảnh cho phép. Trớ trêu thay, cha ông đã tạo cho đứa con trai khiếm khuyết của mình một cơ hội có cuộc sống tốt hơn nhiều so với bất kì cuộc sống nào trong làng đưa đẩy ông.

Sau đó, sau khi chú Chiến trở bệnh, ông Hưng bắt đầu không thể rời cửa hàng để về nhà, về ngôi làng có gia đình nữa. Chú ông trải qua rất rất nhiều thời gian để nghỉ ngơi ở phòng sau, nhưng sự nghỉ ngơi dường như là vì tuổi tác chứ không phải để chữa lành cơn bệnh. Chỉ vài ngày trước khi chú chết, chú Chiến đã ra ngoài và chạm lên nốt ruồi trên má đứa cháu. “Với chú, đây là một phước lành mà cháu có được,” ông nói, “không phải một lời nguyện.”

Bố mẹ ông đã đều đặn gửi một trong những người anh em của ông lên thành phố để lấy tiền từ ông sau khi chú Chiến mất. Người anh đó không bao giờ ngồi lại ăn sáng, mặc cho ông Hưng nài nỉ, hay kể ra còn nhiều hơn cả những tin tức thực tế nhất. Trong suốt mùa Đông năm 1954, nhiều tháng sau giải phóng, anh của ông không còn xuất hiện nữa. Ông Hưng để dành lại một phần mà ông kiên quyết không dùng ngay sau đó cho gia đình trong mỗi tháng, nhưng càng ngày ông càng lo lắng cho họ nhiều hơn.

Cuộc Cải cách điền địa đang được tiến hành ở nông thôn, và mặc dù Bác Hồ đã hứa điều đó sẽ giải phóng nông dân, những con người đang chứng minh là chịu sự ảnh hưởng mạnh nhất của ý tưởng đó - với những lý do tốt đẹp.

“Anh không thể chỉ áp đặt một mô hình kiểu Nga lên một đất nước như Việt Nam được,” Đạo cứ lặp lại như thế. “Chúng ta đơn thuần không có những mảnh đất canh tác rộng lớn để tạo ra các hợp tác xã lớn được.”

Ông Hưng nghĩ đến những tác động lên ngôi làng của ông. Tất nhiên ông chẳng thể tưởng ra rằng những gia đình giàu có như Changs lại chịu từ bỏ mảnh đất của họ. Chuyện

gì sẽ xảy ra để cách mạng hóa ngôi làng của ông - hay bất kỳ ngôi làng nào khác? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu nó không chỉ trên lý thuyết nữa?

“Họ sẽ phải tập hợp lại hàng trăm mảnh ruộng nhỏ,” ông Hưng nói qua vai Đạo khi ông nghiêng người chêm thêm bình nước mắm nhỏ trên bàn.

“Chuyện đó khiến em lo lắng,” Đạo nói. “Nó sẽ khiến mỗi người chủ mảnh đất nhỏ của họ trở thành tầng lớp kẻ thù nếu họ có bất kì phản kháng nào.”

Sự cần thiết phải đưa số tiền ông đã tích lũy cả mấy tháng nay cho bố mẹ ông càng trở nên cấp thiết hơn như là một kết quả sau cuộc trao đổi đó. Ngày tiếp theo, buổi sáng đầu tiên trong 25 năm, lần thứ 11 cuối cùng dưới quyền làm chủ của ông Hưng, Phở Chiến (và Hưng) đã đóng cửa không kinh doanh. Thay vì kéo thẳng những cái xương đuôi bò, rắc tiêu vào nồi nước phở mượt mà với Đinh Hương, nhấp một ngụm nước trà nhân sâm trước khi bước vào giờ cao điểm sáng sớm, ông Hưng lại lên xe máy, bám chặt lấy tấm lưng rộng của người đàn ông xe ôm được ông trả tiền để đưa ông quay về làng.

Sự tàn phá của cuộc chiến với người Pháp hiện ra rõ ràng trong suốt chuyến đi 3 ngày về phía Nam Hà Nội, nhưng phần lớn, người lái xe tránh các ổ gà và vết bom trên các con đường bằng cách đi dọc theo đường làng, điều đó khiến họ phải trải qua 320 km đường gập ghềnh. Tuy nhiên, ở thành phố cảng, Vinh, vẫn có những bằng chứng lịch sử của sự tàn phá không thể nào tránh được. Thành phố gần như bị san phẳng: người Pháp thậm chí còn ném bom những nhà máy của họ; biển, đất liền và bầu trời nhuộm một màu tro xám xịt.

Người lái xe ôm không thể đưa ông Hưng đi xa hơn thành phố Vinh, ông ta đổ lỗi cho những con đường đầy bùn không thể đi được sau những cơn mưa Thu. Ông Hưng bắt buộc phải tự đi bộ trên những cây số cuối cùng mà hầu hết ông đã quen thuộc. Khi còn là một cậu bé, ông đã đi 19 cây số trên chiếc xe đạp cà tàng của ông đến cảng công nghiệp mỗi buổi sáng để đi học, rồi lại đạp trên quãng đường dài đó để quay về làng sau buổi trưa. Nhưng giờ đây địa danh đó lại hiện ra một vẻ trần trụi xa lạ. Núi Quyết đứng đó, trơ trụi, vắng đi những bóng Thông mát mẻ. Dáng núi chỉ còn là một màu xám cô đơn, không bóng mát.

Ông Hưng đi dọc theo những vết chân trâu bên bờ sông Lam như thể chúng trườn đi theo cách của mình, những vết cháy xém trên mặt đất rõ ràng tăng dần lên trông thấy. Nó đã từng là mảnh đất khắc nghiệt vào những thời điểm tốt nhất: thôn làng Bác Hồ. Ông Hưng có thể hiểu mong ước của con người vĩ đại đó với cách mạng bởi vì ông cũng xuất thân từ nơi

đói nghèo này, nơi mà những nông dân đã tham gia vào trận chiến đang diễn ra và thường thua cuộc bởi đá vôi, những cơn gió Lào khô nóng, những cơn bão tàn phá đất liền từ vịnh Bắc Bộ, đó là chưa kể đến những điền chủ thường xuyên bắt nông dân phải sản xuất nhiều hơn mặc cho mảnh đất khắc nghiệt. Trong khi ông Hưng tin rằng đã đến lúc những người giàu có như Changs phải khiêm nhường, với làn da trắng mịn như hoa phong lan, những chiếc răng vàng, những cái chế nhạo cay độc, đồn điền rộng lớn và được bao quanh bởi nhóm làm thuê đông đúc, thì ông lại thật sự lo lắng cho số phận những chủ đất nhỏ trong làng như cô Widow Nguyệt. Sau khi bố mẹ ông Hưng đã khổ công khoảng 15 năm trên cánh đồng của họ, thì cô Widow Nguyệt đã cảm động mà cấp cho họ một mảnh đất riêng để dùng. Bố mẹ ông đã dựng lên một đền thờ tôn thờ cô trên mảnh đất đó như thể cô là tổ tiên của họ. Từ mảnh đất đó họ đã có thể kiếm ra tiền để thuê một con trâu và may đồng phục học sinh cho đứa con trai út - ông Hưng, dù cho ông có một lời nguyện trên má.

Ông Hưng vẫn tiếp tục mặc bộ đồng phục đó một thời gian dài sau khi ông được gửi cho chú Chiến ở Hà Nội. Trong lúc ông cảm thấy tự hào bởi ý nghĩ rằng ông đã từng được đi học, thì bà rửa chén của chú Chiến lại gọi ông đến và hỏi rằng ông có biết trông ông rất buồn cười không - giống như cậu học sinh tỉnh quá lứa đã bị trục xuất từ năm học trước mà lại không dám nói cho bố mẹ biết vậy.

Ông Hưng đã đỏ bừng vì xấu hổ. Ông không có bộ áo quần nào khác, không bộ áo quần nào đủ đáng hoàng để mặc trong lúc phục vụ cho một quán ăn ở thành phố.

“Đưa bộ đồng phục đó cho tôi,” bà rửa chén nói một cách nhã nhặn. “Tôi sẽ làm cho cậu một cái áo sơ mi từ nó. Xin chú Chiến của cậu một ít tiền, rồi tôi sẽ mua vải để may cho cậu một cặp quần dài luôn.”

Như để tránh bất kì sự mong đợi lòng tốt nào hơn nữa, bà nhìn vào vết bớt của cậu và thêm một câu chóng vánh, “Thật xấu hổ là chúng ta không thể che đi vết bunn đó khỏi tương lai của cậu.”

Hưng đưa tay lên mặt khi ông đi những cây số cuối cùng về ngôi làng của gia đình ông. Ông vân vê lớp lông mịn trên nốt ruồi tốt lành với mấy đầu ngón tay của mình, một cảm giác thường cho ông sự thoải mái.

Ông chẳng thấy con trâu nào trên những cánh đồng, không chiếc nón lá nào bập bênh trên ruộng lúa xanh thẫm, cũng chẳng có người phụ nữ nào đi xuống những luống cày với 2 thùng nước trên mỗi đầu đòn gánh. Chỉ có những tổ tiên đã khuất trong những ngôi mộ đá hoa cương là còn lại trên những ruộng lúa. Chẳng có gì ngoài tiếng ếch nhái thường vang vọng buổi đêm, như thể ngày và đêm đã đổi chỗ cho nhau.

Ông thấy nhẹ nhõm hẳn khi ngôi đền làng dần hiện ra phía trước, đó là mốc dấu ở rìa làng. Một làn hương trầm thoang thoảng mùi gỗ ngọt ngào xộc vào mũi ông.

Ông Hưng mang theo tiền kiếm được hơn một tháng nay trong mấy chiếc túi. Ông nhét 1 phần 5 của số đó vào thùng gỗ từ thiện dưới chân đền, rồi tiến đến chà sát vào ngón chân tượng phật trắng đang lấp lánh sáng, ông cúi đầu và kính cẩn chắp hai tay lại. Lúc đang cầu khẩn nửa chừng, ông nghe ai đó đang lẩm nhẩm bên tay trái. Một người phụ nữ già đang bước xuống lối đi, đầu cong cong, sức nặng của cây củi làm vai bà chùng xuống, đôi chân chai sạn và khuỳnh ra ngoài.

“Bà ơi,” ông Hưng chùn bước xuống, thả hai tay ra bỏ dở cả việc cầu nguyện.

Bà không ngoái lại, chỉ đơn giản vẫy tay để mặc ông qua một bên, như thể sợ rằng nói chuyện hay thay đổi dáng đi sẽ khiến bà mất thăng bằng chiếc đòn gánh trên hai vai.

“Bà,” ông lặp lại. “Cháu là Hưng này.” Bà đi chậm lại và thăm thò qua kẽ răng nhuộm màu trầu nâu đỏ, “Quay lại đi.” Bà hơi nghiêng về bên trái, ông Hưng chạy đến, đẩy chiếc đòn gánh trượt về lại giữa lưng bà để bà có thể lấy lại thăng bằng. Chiếc đòn trơn tuột, màu sơn mài đỏ, không phải là một cây đòn đơn thuần. Ông bước qua một bên để bà đi tiếp.

Mái đền, ông chợt nhận ra khi nhìn bà cả nhắc đi xa dần. Bà đang mang mái dầm của một ngôi đền phía khác của làng. Điều gì đã làm một bà già làm cái điều xúc phạm thánh thần đến thế chứ?

Ông Hưng nán ná với một cảm giác sợ hãi vô hình phía sau hàng rào tre bao quanh làng, khuất trong đó là nơi ông lần đầu tiên khám phá ra đây là điều làm ông trở lại làm một cậu bé. Ông nhìn lên bầu trời để tìm kiếm ít tự tin bước tiếp trên con đường làng, một con đường lát gạch bởi những người đàn ông từ làng khác đến cưới vợ ở làng ông và đưa họ đi.

Ông giữ hơi thở của mình trầm lại, chân bước tiếp chân, cho đến khi chạm vào bức vách đất của đình, một nơi sinh hoạt chung và là ngôi nhà tinh thần của cả làng, ông lắng nghe tiếng cười bên trong. Ông lùi lại chỗ hàng dấu ủng của bộ đội ở lối vào. Ông đứng cạnh chiếc giếng. Đoạn kéo dài của bức tường bên trái đã bị lỗ chỗ dấu đạn bắn. Bên dưới mặt tường thủng đó là một đám ruồi nhặng bầu kín trên một con chó đang liếm mặt đất dính đầy máu. Đột nhiên ông có thể ngửi thấy nó - một mùi tanh nhẹ của máu tươi, và hơn cả thế là mùi hôi thối của những xác chết đang mục rữa. Ông có thể ngửi thấy bởi nó quá nồng nặc đến nỗi như ông có thể ném nó, như gỏi sắt ngay trong miệng. Ông cuống cuống bỏ chạy về phía đầu khác của làng, ông chạy qua những ngôi nhà vách đất đã sụp đổ, những mái nhà tranh đã cháy mất trong ngọn lửa, qua những đám than tàn của những ngọn cây đã từng cho cơ man nào những quả và bóng mát.

Căn nhà gia đình Chang không còn gì hơn là một bản phác thảo cháy xém. Căn nhà gia đình của ông, ít nhất vẫn còn dù đã mất mái. Ông đẩy cửa trước bằng chân và bước lên thềm nhà dơ bẩn. Những chiếc ghế đầu được cất dưới chiếc bàn gỗ, tất cả những chiếc chăn đều được cất gọn gàng trong sạp, mọi thứ trong phòng đều nằm đúng trật tự của nó - phủ bởi một lớp bụi bặm, nhưng mặt khác như vẫn sẵn sàng cho một ngày mới. Ở nhà bếp bên ngoài phòng chính, chậu bát được xếp chồng trên kệ gỗ và một nắm cỏ thơm được treo trên trần nhà. Tô trái cây héo và những con dòi trong nồi cơm chứng tỏ sự vắng người đã lâu, cũng như một cái mùi thoang thoảng mà mũi ông không nhận rõ được.

Ông Hưng nhắc bức ảnh bà ông lên từ bàn thờ tổ tiên nhưng rồi ông nghĩ tốt hơn nên để lại đó. Ông đặt tấm ảnh lại chỗ cũ, rồi lặng lẽ đóng cửa, như thể mọi người đang còn ngủ và ông ước sao có thể biến mất mãi mãi khỏi cuộc đời họ.

Ông thờ dốc trên bậc thềm, rồi lại lao vào chạy xuống con đường, vượt qua căn nhà đã bị tàn phá, đang sụp đổ của Widow Nguyệt, hướng về căn nhà của chủ sự bưu điện, người đã cho ông thấy sự tử tế hiếm hoi khi ông còn là một thằng nhóc.

Ông xông qua cửa chính nhà bà, xé toang lớp mạng nhện, ông chỉ muốn hét toáng lên rồi thả mình xuống tấm ván gỗ tối tăm của nền nhà. Ông hít thấy mùi hôi thối ở làng trong khi một con chim vô ý đập mình vào xà nhà trên đầu. Ông nghĩ về những cánh chim ông muốn gọi là bạn bè khi còn là một cậu bé thay cho sự đồng hành của con người. Ông nghĩ về những con nòng nọc và những cánh sen, nhưng thứ ông đã từng lợi nước nhặt nhanh. Ông nhớ lại cây sáo ông đã một lần đeo từ một thân trúc và ông đã cố gắng như thế nào để nói chuyện với những con chim qua tiếng sáo.

Rồi thì, giữa những hơi thở nặng nhọc, ông nghe một tiếng đập bị nghẽn lại dưới những tấm sàn. Ông đứng thẳng lên, chạy trở lại phía ngoài căn nhà và kéo cánh cửa về vị trí căn hầm, rọi ánh sáng lên một khuôn mặt mà ông biết từ thuở thiếu thời, giờ đây đã nhăn nheo, nhàu nát và như hóa đá.

Bà chủ sự bưu điện đưa hai tay lên để không phải nhìn thấy kẻ hành quyết bà, nhưng khi chẳng thấy cú đâm nào xảy đến với mình, bà len lén nhìn qua những kẽ tay rồi khóc thét lên, “Ôi trời ơi, Hưng. Hưng đây mà!”

Ông đưa cánh tay mình cho bà, nhưng bà không nắm lấy.

“Làm ơn để tôi, Hưng,” bà nói, giọng yếu ớt, xa xôi. “Tôi già rồi. Sẽ tốt hơn nếu cậu để tôi lại. Mọi người đã đi cả rồi.”

Nhưng mọi người đã đi đâu? Ông trèo vào bên trong căn hầm, kéo cánh cửa đóng lại phía sau, bọc họ lại cùng nhau trong bóng tối. Ông cầu xin người phụ nữ già nói cho ông biết.

Bà nói không quan co bởi cũng chẳng còn gì để mất; có vấn đề gì nữa đây nếu bà bị giết bởi đã tố cáo bộ đội, những kẻ đã đến giải phóng làng?

“Họ tuyên truyền khắp nơi những lời lẽ về nhiệm vụ cách mạng của chúng tôi, nói rằng đó là nghĩa vụ của chúng tôi phải giúp họ nhổ bật gốc rễ những kẻ thù giai cấp - chỉ khi đó thì chúng tôi mới có thể sống dưới viễn cảnh ánh sáng vinh quang của cha già vĩ đại.

“Gia đình Chang biết họ sẽ bị buộc tội đầu tiên. Họ bỏ chạy và ở trong nhà chặn cửa lại, thế là bộ đội chỉ việc lấy một cây đuốc rồi đốt căn nhà tàn rụi. Cậu có thể nghe thấy họ đang gào thét, Hưng, nhưng bộ đội chỉ nói, “Đốt đi, bọn con hoang, đây là bài học cho những đứa còn lại. Chúng tao sẽ cho tất cả bọn địa chủ, những kẻ có vấn đề và bọn phản động thành tro thành bụi hết; chúng tao sẽ xóa sổ bọn tham lam nơi này. ‘Hưng, bất kì ai với một miếng vá bản thiu đã gọi riêng mình một kẻ thù trong mắt họ. Bất kì ai đã trồng quá nhiều dù là một củ cà rốt để dùng cho riêng họ.’

“Những người đã đầu hàng không kháng cự thì được gửi đến trại giáo dục cải tạo, nhưng những người chống đối, ôi, Hưng,” bà nói, giọng ngắt quãng. “Họ đã gọi mọi người trong làng đến đình. Họ bắt chúng tôi phải nhìn. Họ bắn những người chống cự đến chết và vứt xác họ hôi thối trên đường. Những người thân của họ quá khiếp sợ chẳng dám xin xỏ gì.”

“Còn bố mẹ cháu?” ông Hưng hỏi.

“Hưng,” bà nói, úp mặt vào tay, rồi nói qua những ngón tay. “Có những đứa con của làng trong đám bộ đội đó. Chúng nó là những kẻ đã chỉ tay và bảo, thằng đàn ông này có một vườn rau quả, gia đình này là chủ đất mà chưa trình báo lúc ở dưới sông, thằng này làm ở lò để thu lợi, tên này nuôi tằm lấy tơ bán, và Widow Nguyệt đã làm giàu trên lưng của những người nông dân, những tên này đây, hàng xóm của bà ta, cũng được hưởng lợi từ sự giàu có đó.”

“Những người đó - là cha mẹ cháu?”

“Ừ,” bà rên rỉ.

Ông có thể ngửi thấy mùi đói mốc meo trong miệng bà; ông có thể thấy những ngày cuối cùng của bà.

“Và anh em của cháu là người đã tố cáo họ?”

“Cậu có thể thấy hai trong số chúng mặc đồ bộ đội đang hút thuốc Lào ở đình.”

“Còn chị em của cháu?”

“Tôi không biết ai bị giết ai bỏ chạy nữa,” người phụ nữ già trả lời, ôm lấy đầu bà. “Tôi không biết họ đi đâu. Có lẽ là lên núi, hay ra biển, mà bây giờ thì còn có nghĩa lý gì nữa cơ chứ?”

“Cậu có mảnh nhựa nào không?” bà hỏi ngay sau đó một lúc.

“Để làm gì ạ?” Hưng hỏi.

“Vì tôi có thể tự khiến mình chết ngạt được.”

Ông Hưng hôn lên trán bà, làn da mỏng như bánh tráng, rồi chào tạm biệt bà.

Ông đến phía xa cuối làng. Ngôi đền không còn đứng bảo vệ giữa làng và thế giới bên ngoài nữa; nó đã bị xé nát, gỗ xếp với nhau, sẵn sàng cho ngọn lửa đói khát. Ông nghe thấy tiếng họa mi đang hát bản nhạc về một thế giới đã đảo ngược. Ông hít vào một hương thơm hiếm hoi của loài hoa nở về đêm, một mùi hương sẽ mãi mãi được ở lại với ngôi làng ông không bao giờ quay lại nữa.

Chương 8. Tay công tử lòe loẹt

Tư đi bộ đến Metropole, suy nghĩ của cậu đã tê liệt bởi những động cơ quay vòng vòng, tiếng còi xe xin đường, đám đông buôn bán lề đường, tiếng nện của búa, tiếng rít của tia magnet kim loại cắt nhau. Bản nhạc “Dancing Queen” phát om sòm qua dàn loa khổng lồ bên con hẻm có quán cafe, nơi mà bọn trẻ học sinh và những nhân viên văn phòng thường ngồi dưới một mái hiên sọc trắng xanh cùng những ánh đèn giáng sinh, tô phở ngút khói được đặt trên đui. Tư dừng một lúc để làm quen với sự yên tĩnh của Metropole, lướt nhìn một cách lặng lẽ tờ bìa trang VietNam News đặt trên bàn ở đại sảnh, đầu đề nói về việc phát động đang đến gần của “Learn and Follow the Exemplary Morality of President Hồ Chí Minh Campaign,” (Chiến dịch Lao Động và Học Tập theo tấm gương đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh) và việc trao thưởng của chủ tịch truy tặng huân chương Sao Vàng cho hai cựu quan chức Đảng vì những nỗ lực của họ và cống hiến của họ cho sự nghiệp giải phóng đất nước vào cuối thập niên 1940.

Cậu ném tờ báo xuống và đi dọc theo hành lang đến văn phòng cô Maggie. Cậu thấy cô đang ăn sáng - một tách cafe đen và một ổ bánh mì bơ ngọt kiểu Pháp - và cô đang thêm những chấm đồ trên bản đồ của cô. Theo lời mời của cô, Tư ngồi xuống. Họ đã đi thăm 5 gallery nữa vào hôm qua, có lẽ chỉ một phần tư của những nơi cô đã đánh dấu trên bản đồ.

Sáng hôm nay cô đã đặt một cuộc hẹn gặp hai nghệ sĩ ở studio của họ. Người nghệ sĩ đầu tiên hóa ra là một trong những người mà cô Maggie giới thiệu ở phòng tranh của cô.

Ông làm iệc ở một căn nhà sàn cũ được nâng đỡ bởi những bó dây san sát từ làng mẹ ông ở phía Bắc và được dựng lại ở giữa khối nhà cạnh hồ Tây. Ông có một cá tính kiểu xưa, không xài điện thoại di động, không có vợ, nhưng với giá cho những bức tranh của ông khiến Tư tự hỏi một cách trung thực, là ông ta làm cái quái gì với tất cả số tiền đó?

Tư dẫn cô Maggie đến địa điểm được đánh dấu tiếp theo trên bản đồ, họ bước vào một trong những tuyến đường hẹp nhất trong phố cổ. Cô Maggie chưa bao giờ gặp người nghệ sĩ này, mặc dù cô bảo ông ấy rất nổi tiếng, nó có nghĩa 98% là nổi tiếng trong giới quốc tế bởi Tư chưa bao giờ nghe tiếng ông ta.

“Đây là những gì tôi muốn chúng ta làm,” cô bảo. “Hãy tưởng tượng tôi là khách hàng của anh và anh đưa tôi đi tham quan nhiều thể loại gallery và studio. Tôi cố gắng để có một tầm nhìn tổng quát về bối cảnh nghệ thuật đương đại, và tôi chưa mua gì hết.”

“Oh,” cô thêm vào, “và tôi không nói một từ tiếng Việt nào cả.”

Tư lặp lại những lời dặn đó của cô khi họ đi qua một đám cổng sắt. Họ bước vào một khu vườn đầy tượng phật - khoảng 200 hoặc hơn số đó - phật di lạc, những tượng Phật với khuôn mặt đỏ nát, những tượng phật bằng đồng, màu cam sáng, và đá cẩm thạch, những tượng phật bằng đá thì phủ đầy rêu. Người nghệ sĩ này hẳn là phát cuồng với những vị phật. Hoặc có lẽ ông ta chỉ điên thuần túy, Tư nghĩ, bởi lẽ ông xuất hiện trong vườn với một chiếc áo choàng lụa mượt mà, giống như một chiếc áo dài phụ nữ hơn bất cứ thứ gì mà một người đàn ông bình thường vẫn mặc.

“Wow,” cô Maggie thốt lên. “He’s a real dandy (Ông ấy thực sự là một vị công tử phong lưu - người dịch).”

Tư sẽ tìm kiếm từ “dandy” trong từ điển của cậu khi cậu trở về nhà. Vào lúc này thì cậu chọn cách giải thích nó với ý nghĩa là “con công.” Người đàn ông trông như một con công đang khoe mẽ, đang phô trương bộ lông đầy màu sắc của nó.

“Welcome! Welcome!” người nghệ sĩ rống lên khi cô Maggie chào ông bằng tiếng Anh. “Please” - ông vẫy hai cánh tay - “Coffee?”

Dường như ông nhanh chóng cạn kiệt hết vốn tiếng Anh mà ông biết. “Cô ấy thật tuyệt vời phải không?” người nghệ sĩ hỏi nhỏ Tư, trong lúc vẫn tươi cười.

“Cô ấy cực kì quan tâm đến nghệ thuật,” Tư đáp.

“Ý tôi là với tư cách người mua. Cô ấy mua có nhiều không?”

Tư sợ một câu trả lời thành thật có thể khiến người đàn ông đang rống lên trong bộ áo quần phụ nữ này có thể làm những chuyện không lường trước được, thế nên cậu đáp lại với một điều mà cậu biết trong tiếng Anh gọi là “white lie” (nói dối vô hại), dù với cậu “white” khó được xem là một tính từ vô tội, nó tượng trưng cho cái chết. “Cô ấy mua rất nhiều,” Tư bảo trong lúc gạt đầu và đồng tình với người nghệ sĩ bằng nụ cười New Dawn của cậu.

“Sit! Sit! (Ngồi! Ngồi! - người dịch)” tay nghệ sĩ nói với cô Maggie, khi họ theo ông lên cầu thang để đến studio (phòng vẽ trang, sáng tác - người dịch).

Cô Maggie ngồi xuống trên một chiếc ghế xoay 360 độ, nó cho phép cô ngắm toàn bộ số tranh phủ trên ba bức tường trong căn phòng hình chữ nhật của căn nhà hình hộp đã được cải tạo này. Ở góc cuối của căn phòng là một nhóm công nhân đang đứng ở một chiếc bàn dài. Chín thanh niên nam nữ mặc những chiếc tạp dề dính đầy màu đang làm việc của mỗi người trên một bức tranh khác nhau. Người nghệ sĩ cuối cùng làm việc một mình, nhưng rồi Tư nghĩ, có lẽ đó là vì cậu ta không quá nổi tiếng.

Tư bắt đầu phiên dịch. Cậu hỏi người họa sĩ có phiền nếu họ hỏi đôi câu?

“Yes! Yes!” tay họa sĩ trả lời, ông ta nhảy lên để lấy một cuốn sách màu đen nặng nề ra khỏi kệ sách. Ảnh chụp những bức tranh đang được trưng bày trong những gallery ở Hà Nội và Sài Gòn, Singapore và Hồng Kông. Đặt hàng qua Mỹ chỉ với giá 150\$.

“Please! Please!” ông ta nói, lật qua vài trang đầu cho họ xem.

Tư phiên dịch những câu hỏi của cô Maggie về phương pháp, vật liệu, và chủ đề ông ta thích để khám phá ra là tại sao ông chọn những chủ đề đó, ông bị ảnh hưởng bởi ai và tại sao ông ta nghĩ nghệ thuật đương đại Việt Nam đang nhận được rất nhiều sự chú ý và ông dự định làm cái gì cho tính Việt Nam đơn nhất, rồi ông đóng góp gì cho người Pháp và người Trung Hoa, và sự phát triển trong nghệ thuật Việt Nam khác với sự phát triển của nghệ thuật Trung Quốc không, và ông có cảm thấy sự thể hiện của ông đã bị giới hạn bởi những mối quan tâm của Đảng không, và quá trình ông trở thành một nghệ sĩ như thế nào?

“Please! Please!” ông nói, lật thêm vài trang trong cuốn sách màu đen cho họ. Ông quay sang bảo Tư, “Sao nhiều câu hỏi thế? Cô ấy đang kiệt sức bởi năng lực sáng tạo của tôi rồi. Làm ơn đi, thế là đủ lắm rồi.”

“Ông ấy thắc mắc là sao cô không đến xem những tác phẩm mà ông ấy đang làm lúc này nhỉ,” Tư nói trong khi chỉ về chiếc bàn dài cuối căn phòng.

Tay họa sĩ nhảy lên nhẹ nhõm và ra dấu cho họ đi theo.

Cô Maggie nhìn qua vai của những họa sĩ trẻ, theo dõi họ làm việc. Những bức tranh dường như rất giống với những bức họ đã xem ở các gallery hôm qua.

“Excellent!” tay họa sĩ hét lên, nhặt lên một cây cọ. Ông thêm chữ cái đầu của tên ông bằng mực đen vào góc của bức họa vừa mới hoàn thành.

Một cô gái trẻ với mái tóc cắt ngắn như con trai đặt một khay cà phê lên góc chiếc bàn dài. Tư muốn hỏi cô tại sao cô lại cắt mái tóc như thế, bởi cô sẽ không bao giờ lấy được chồng trong cái bộ dạng đó. Cậu hi vọng tốt nhất cô đừng lấy phải một nghệ sĩ, kẻ có thể khăng khăng đòi cô làm tổn thương bề ngoài của cô theo cách này để không một gã nào chú ý đến cô. Tưởng tượng xem, những xác thịt lượn lờ quanh bạn. Tư rùng mình, tự trấn tĩnh với suy nghĩ - chắc cũng áp lực như thể Trung Quốc đang chèn ép Việt Nam.

Trong lúc cô Maggie đợi những giọt cà phê đen của mình nhỏ hết, cô đi vòng quanh căn phòng, xem xét những tác phẩm trên các bức tường.

“Bill Clinton!” cô chỉ vào một bức tranh ngang tầm mắt và nói với người nghệ sĩ.

“Ah, so this is the one,” cô Maggie nói. (À, thì ra đây là một trong những số đó)

“Bill Clinton đã mua bức tranh này à?” Tư hỏi, cực kỳ ấn tượng.

“Vâng, ông ấy đã mua một bức giống thế này. Mà giờ đây người ta gọi nó là phong cách Bill Clinton. Cậu không thất vọng đấy chứ?”

Tư không chắc cậu mong chờ câu trả lời ra sao. Thế nào là sự thất vọng về Bill Clinton? Ông ấy là một nhân vật như thể một vị anh hùng trong mắt lớp trẻ Việt Nam. Ông quảng một ghi chép bưng bưng lửa trên ngọn lửa âm ỉ của Đổi Mới khi ông đã dỡ bỏ lệnh cấm vận thương mại với Hoa Kỳ, và ông là tổng thống Mỹ đầu tiên đến thăm Việt Nam kể từ sau chiến tranh.

Cô Maggie uống hết tách cafe của mình, đứng dậy và nói lời cảm ơn người nghệ sĩ đã dành thời gian cho cô.

“Tôi nghĩ cậu đã nói là cô ấy rất say mê mà,” tay họa sĩ khiển trách Tư trong khi đưa cô Maggie danh thiếp của ông. “But she is clearly a philistine (Nhưng cô ấy rõ là một kẻ phàm tục - người dịch).”

Tư không biết nghĩa của từ đó, nhưng tay họa sĩ đã nói theo lối Pháp, và cậu nghĩ nó hẳn có ý gì đó xúc phạm vì cô Maggie đã như ong mày lên theo một lối ngạo nhiên rất Mỹ.

Tư đã rất rất lúng túng bởi hành động của tay công tử diêm dúa đó. Nó quả là một điều xấu hổ. Chẳng tốt đẹp gì hơn một người hành khất đang quấy rối du khách trên đường. Tư

những gì cậu đã thấy của bối cảnh nghệ thuật đương đại, cậu chỉ có thể đi đến một kết luận rằng nó là một thế giới của sự kiêu căng và tham lam.

Họ đi bộ trở về khách sạn Metropole cùng nhau trong im lặng, như thể cô Maggie, cũng thế, cũng bị thất vọng bởi những gì họ đã thấy. Từ những muốn xin lỗi cô, nhưng cậu không chắc là chính xác thì cậu phải xin lỗi vì điều gì.

“Anh đã làm rất tốt, Tư à,” cô nói, “Ờ?”

“Anh đã bảo vệ sự hứng thú của khách hàng. Anh đã không để ông ta xoay vòng cô ấy với cái giá bán cắt cổ của ông ta. Nó có thể là một cuộc kinh doanh tích cực. anh không muốn mọi người cảm thấy áp lực khi mua.”

Maggie chìm vào làn hơi nước của bể tắm trong khi tay giữ ly rượu trên cao. Cô chặn vòi tắm bằng ngón chân cái của mình và lắng nghe tiếng gió rít qua một tấm kính ở phòng tiếp tân. Cô ngửi thấy mùi thịt gà mà bà Viên ở dưới sảnh hầm đang nấu cho bữa tối, cô nghe tiếng vo vo đơn âm của một chiếc radio từ khoảng cách xa.

Có lẽ đó là sự đối xử hiếm hoi của cộng đồng ngày nay, nhưng Maggie cảm thấy cô đơn hơn thường lệ trong chiều này. Đó là những giờ phút lẽ ra nên trải qua cùng với gia đình và bè bạn, cùng nhau ăn uống trong buổi chiều. Maggie tự hỏi Tư sống ở đâu, mẹ anh ấy có ủi chiếc quần jean thùng hipster (những người mê nhạc jazz - người dịch) cho anh không, anh ấy đã có bạn gái chưa và mẹ của Tư và mẹ cô gái có đang có ý trông cho con họ kết hôn với nhau không.

Mẹ Maggie đã mất vài năm để hỏi khi cô và Daniel đang dự định làm vài chuyện hay ho, những chuyện khiến cô tự hào. Daniel đã từng là một người sắp đặt ở Walker Art Center (Trung tâm nghệ thuật người đi bộ - người dịch) - một người cô đơn, lịch lãm, lớn hơn cô vài tuổi mà cô đã đến để nhận biết khi anh cho treo những bức tranh ở cuộc triển lãm đầu tiên do cô giám tuyển. Daniel có một bộ óc rộng mở và một trái tim tràn đầy nhiệt huyết - thậm chí anh còn bỏ ra ba năm để học tiếng Việt nhằm gây ấn tượng với mẹ cô - nhưng anh cũng đã bị đè nặng với một khả năng chịu đựng nỗi buồn mà nó có thể, thỉnh thoảng, vùi lấp anh ở một chiếc bàn, trong cuộc trò chuyện, trên giường. Đó là những bức tường u ám khiến Maggie gục ngã một cách khéo léo, đặc biệt là khi nó đã đến với chính gia đình của anh.

Maggie đã 26 tuổi khi cô gặp Daniel, lúc đó đã 35 tuổi, họ đang lái xe đến dự lễ cưới một người bạn đại học của anh ở Ann Arbor, và anh đột nhiên tiết lộ một sự thật là cha anh, một người đàn ông xem như đã chết tại thời điểm đó, đã quân dịch ở Việt Nam. Đã đi

nhưng bằng cách nào đó đã không bao giờ quay về. Thân thể thì có, nhưng là những gì còn lại của ông.

Câu chuyện chấm dứt ở đó, trên con đường đến Ann Arbor, Maggie ngấm một thế giới nhuốm vị mặn qua cửa sổ xe, đồng thời nhận ra rằng vẻ cuốn hút của Daniel với cô rõ là rắc rối hơn cô tưởng và một cách nào đấy nó cũng chẳng có gì để mà làm với cô.

Cô không thể tự mình bắt đầu một câu chuyện về vấn đề đó, đặc biệt là với mẹ cô. Cô có cảm giác như phản bội, và thấy mình như một kẻ thất bại. Bằng cách nào đó, cô nên và phải biết. Điều đó đã đặt một sự nghi hoặc lên những mối quan hệ của cô, buộc cô phải tự hỏi là đối với những người khác cô đại diện cho cái gì, mọi người thấy ở cô điều gì.

“Một cô gái khác?” mẹ cô cuối cùng cũng hỏi. Maggie gật đầu, một cách dễ dàng.

“Người Mỹ?”

“Để làm gì ạ?” Maggie ngắt lời. “Để hòa nhập tốt hơn,” mẹ cô trả lời.

“Như thế tốt hơn cho trẻ con.”

Maggie nhận ra mẹ cô và Daniel đã có chung điều gì vào thời khắc đó. Cảm xúc của họ luôn luôn chi phối đến cô, và cô quan tâm đến cả hai người.

Mối quan hệ với Daniel đã đổ vỡ gần ba năm trước đây, và ngoại trừ hai ngày cô ngủ với một người đàn ông không gọi lên cảm giác tuyệt vời nào trong cô, thì Maggie đã rút khỏi tình yêu. Từ khi mẹ cô chết hai năm trước, việc tìm kiếm một kết nối với quá khứ dường như cơ bản càng quan trọng hơn. Cô cần một chiếc mỏ neo đủ nặng để kéo cô xuống, để cô cảm giác còn có một nơi cô thuộc về. Để được có một nơi đặt chân trước khi lại bắt đầu cuộc sống mới.

Theo như Maggie biết thì trong suốt cuộc đời của mẹ cô, bà chưa bao giờ tận hưởng một sự lãng mạn có thể nào khác, dù cho bà có nhớ đến cái nhìn đặc biệt, khao khát, của chồng bà Trang từng trao cho bà, mỗi khi bà và Maggie đến nhà hàng của họ. Nó cứ như thể ông ta là một động vật ở trong một cái tổ đang cần ngôi nhà mới. Có lẽ nó đủ ngọt ngào để giữ chân mẹ cô.

Mẹ cô thật sự là một người đàn bà đẹp, rất thanh lịch và tinh tế, điều đó đã làm tổn thương Maggie khi thấy mọi người thường lờ cô đi như một người nhập cư nào khác - một cô gái lau dọn với ít vốn liếng tiếng Anh, một kẻ nào đó vừa rời tàu, một cô gái Trung Hoa, một phụ nữ vô danh thoáng nhẹ nét buồn đang kéo một bó đầy rau quả vừa mua ở phố Trung Hoa, đang giẫm những bước nặng nề lên xe bus, đang tìm chiếc thẻ đi xe bus, trong khi người tài xế hét với cô, hay nói to như sợ cô bị điếc hoặc thiếu năng.

Bà Nhi đã làm việc một cách siêng năng trong nhiều năm như một người lau dọn ở bệnh viện, và trong khi theo thời gian cô thấy lương bà tăng dần một cách đều đặn và được giao trách nhiệm nhiều hơn, thì ngôn ngữ lại luôn luôn kéo giữ bà lại. Bà chỉ giỏi một số cụm từ rất cơ bản, chẳng có một tài khoản ngân hàng hay thẻ tín dụng nào, và cuối cùng thì bà nói nhiều tiếng Quảng Đông hơn là tiếng Anh, tạ ơn những người phụ nữ đã chơi từ sắc cùng bà. Maggie đã trả các hóa đơn cho mẹ cô, làm lại thẻ xe bus, đại diện khai thuế cho bà. Mỗi hai năm cô đưa bà đến Target và J.C. Penney để bổ sung tủ quần áo của bà. Maggie là nhíp cầu nối mẹ cô với nước Mỹ mà nếu không có chiếc cầu đó, bà Nghiêm Nhi vẫn còn đang ở những bờ biển nhập cư.

Maggie nhớ mẹ cô đã ngồi như thần thờ thế nào trước tấm gương oval trong phòng bà mỗi đêm, với bàn chải mạ bạc và những lọ kem làm trắng, kem chống lão hóa xếp hàng phía trên. Bà sẽ tẩy trang với những quả bóng vải, gỡ búi tóc ra và chải mái tóc dài của bà. Bà vẫn nhận thấy nét mộc tĩnh tế của mình, nhưng không thể che giấu đôi chút thất vọng bởi những nếp nhăn đã hiện ra quanh miệng.

Mỗi lần Maggie nhìn trong gương, cô lại lo sợ phải thấy những thứ gây ra cùng nỗi thất vọng đó. Cả một nỗi ngạc nhiên và một sự cứu cánh khi thấy hình ảnh đôi mắt của cha cô phản ánh trong cô. Một màu đen tinh anh. Linh hoạt và sống động.

Chương 9. Tuyên truyền giáo dục chính trị

. Ông Hưng xếp chồng củi dưới chân nệm và bức tường để chuẩn bị cho bữa sáng ngày mai. Hi vọng có thể quên đi với những việc lật vật chiều nay, nhưng rồi chuyển đi về nhà thăm khố, về ngôi làng chẳng còn là làng ấy cứ tái hiện lại trong trí óc ông.

Ký ức bắt đầu hiện ra khi ông ngấm dòng nước đổ vào hồ sáng nay. Nó song hành cùng ông khi ông đẩy xe đi qua chiếc TV đèn hình ở Bưởi, nơi các công nhân đang đình công. Hạnh phúc là, khi những thực khách cuối cùng đứng dậy, nhìn họ làm ông nhớ lại chuyện trở lại quán ăn sau chuyến về nhà nhiều năm trước đó, ông đã cố gắng tiếp tục làm việc, cố gắng nấu bữa sáng như thường lệ mặc dù bản hợp tấu bất lực và thăm khố vẫn đang vắng vắng trong đầu ông.

Rồi thì, những khách hàng của ông cũng đã trách móc bởi sự biến mất của ông. Họ không hỏi ông đã ở đâu cả tuần, không chú ý ông Hưng đã trở nên kín đáo hơn; Họ đơn giản chỉ muốn được bảo đảm bữa ăn mỗi buổi sáng. Họ muốn ông làm công việc của ông.

Chỉ có cậu bé Bình và bố cậu là lưu ý đến ông. Bình nói lại một cách háo hức những tin tức của hẻm phố: bông hoa hồng đã mọc lên giữa những tảng đá bên cạnh cửa sau, cái lưới

nhện có 50 vòng, tin đồn về một người đàn ông được cho là đã ngủ trong con hẻm vào ban đêm. Trong lúc ấy, Đạo lại nấn ná sau bữa ăn sáng để hỏi ý kiến của ông Hưng cho một vở kịch cậu bắt đầu viết trong lúc ông Hưng đi vắng.

“Anh sẽ nói gì nếu anh là một người nông dân sở hữu một đồng ruộng băng qua sông từ làng anh rồi một Đảng viên nói với anh rằng từ giờ anh sẽ làm việc để được chia một phần thu hoạch trên tập thể ở phía bờ sông của anh, và nông trại đó cách xa 50 kilomet? Em chỉ cần vài dòng thôi. Một số thứ nghe thật tự nhiên. Thực tế.”

Ông Hưng cảm thấy ruột mình như thắt chặt lại. Bố mẹ ông là những nông dân có ruộng đồng và họ cũng chẳng có gì hơn ngoài đồng lúa và một con trâu cày chung với một gia đình khác, và họ cũng đã bị giết bởi chính vì điều đó. Thật sự Đạo không biết gì về những việc như thế đối với một người nông dân nghèo sao? Với tất cả những gì cậu ấy nói về bình đẳng giai cấp, lời mời ông Hưng chia sẻ quan điểm của cậu, Đạo vẫn vậy, cuối cùng vẫn là một trí thức trẻ của Hà Nội, theo Tây học, người chưa bao giờ phải lao động chân tay hay chịu đựng cơn đói. Đạo có thể cảm thấy bị xúc phạm bởi những thứ trừu tượng mà cậu rõ ràng là có thể không bao giờ cảm thấy được trong xương máu của mình.

Ông Hưng bước đi thay vì trả lời, đi ngang qua phòng ngủ của ông và ra cửa sau, bước vào con hẻm để kiểm tra mực nước còn lại trong lu nước mưa. Ông vỗ mấy con ruồi bay khỏi mái tóc và mắng một anh chàng đang đi tiểu lên một bên căn nhà khi ông nghe Đạo nói tên cậu ta.

“Anh Hưng,” Đạo chạm vào khuỷu tay và kêu ông. “Chuyện gì đã xảy ra với anh vậy? Anh đã biến đi đâu mất cả tuần vừa rồi?” Ông Hưng quay lại đối mặt với chàng trai đã từng chỉ bảo ông rất nhiều nhưng lại biết quá ít về thế giới thật sự.

“Cậu tha lỗi cho tôi,” ông bắt đầu nói.

“Anh là một người Hà Nội, anh Hưng, anh nên giải phóng chính anh khỏi cái lễ thói của đất nước này đi,” Đạo nói.

“Cậu đã xác định được những vấn đề với việc cải tạo điền địa đó chưa?” ông Hưng tiếp.

“Chúng chẳng phải chỉ là lý thuyết. Chúng tác động đến con người thật theo những cách rất thật.”

“Đó là lí do tại sao tụi em cần người thật như anh để nói cho tụi em biết anh đã tận mắt thấy những gì,” Đạo nói.

Nhưng ông Hưng không thể nói về sự kinh hoàng mà ông đã chứng kiến được. Ông đã từ chối, xa hơn là, từ chối để được đối xử như một người bạn yêu nước của Đạo. Ông đã không nói ra những lời có thể không bao giờ nói lên được sự tàn phá. Mà ông tin rằng một

cây dao đâm xuyên dạ dày còn truyền đạt nỗi đau hiệu quả hơn là những tác phẩm với một cây bút. Ông Hưng không nói những điều đó với một người đàn ông vẫn còn quá kiên trì lạc quan rằng thi ca có thể thay đổi thế giới.

“Đó là gì, hờ anh Hưng?” Đạo hỏi, cặp lông mày nhú lại lo lắng.

“Bởi câu hỏi,” ông Hưng nói một cách khó hiểu. “Bởi không có gì như là nó trông như thế.”

Đạo đã mở miệng như muốn nói nhưng rồi ngậm lại ngay. Cậu quay đi và bước qua cánh cửa, trở lại nhập bọn với những người đàn ông khác trong quán.

Đức tin của Đạo trong văn chương vẫn rất vững bền. Qua vài tuần tiếp theo, dưới sự hướng dẫn của Đạo và đôi mắt quan tâm biên tập của một nhà cách mạng lão làng tên Phan Khôi, những người đàn ông trong tiệm đã chung sức làm nên một tạp chí văn học mà họ sẽ xuất bản và phát hành.

Khi “Giai phẩm mùa Xuân” được ấn hành sau đó một tháng, nó ngay lập tức thu hút các cán bộ tuyên truyền giáo dục chính trị mới được đào tạo nên đến quán ăn của ông Hưng. Như mấy con ruồi trên đồng phân, ông Hưng không thể không nghĩ thế khi ông nhìn những người đàn ông trong bộ đồng phục phủ phục trên những ấn bản của tờ tạp chí đang mở ra trên những chiếc bàn thấp.

Họ đã tịch thu lấy mọi thứ có thể: những tập phác thảo, sổ ghi chép, những tờ báo. Họ với những nòng súng của họ. Họ nói một thứ luận điệu đầy mâu thuẫn với vẻ đe dọa bởi sự hiện diện của họ, miệng mỉm cười trong lúc đang nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc cách mạng với những chàng trai như Đạo và bạn bè của anh phải gia nhập hàng ngũ của họ như là những nhà giáo dục ý thức hệ. Họ cần những văn nghệ sĩ - như là những họa sĩ vẽ tranh tuyên truyền, biểu ngữ, hay những thơ văn tung hô.

“Chính anh là mẫu người đàn ông chúng tôi cần để dẫn dắt Hội Văn Nghệ Cứu Quốc mới,” họ nói, trong lúc chỉ vào Đạo.

Ông Hưng, đang đứng, đôi tay đặt trên vai Bình một cách bình tĩnh, dò xét những người đàn ông trong tiệm đang nhìn Đạo. Đạo nhìn chăm chăm lên bức tường trên đầu những người cán bộ, chiếc cảm thể hiện một nét kiên định. Cậu vẫn im lặng trong khi những tay cán bộ kia đã bước ra khỏi cửa.

“Nghệ thuật là gì nếu sự sáng tạo ra nó đã bị chi phối?” cậu nói một cách giận dữ với những người đứng bao quanh. “Nghệ thuật là gì nếu cái nhìn then chốt đã hóa mù, nếu chúng ta không còn dùng nó để độc lập bình luận về tình trạng của thế giới?”

Những viên cán bộ đó vẫn tiếp tục xuất hiện sáng hôm sau và mỗi buổi sáng sau đó. Họ hứa hẹn một tình trạng tốt đẹp cho Đảng viên và ưu tiên nhà ở chính phủ cho những ai sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cách mạng bằng cách tự giác đi cải tạo giáo dục.

Suốt ngày hôm đó ông Hưng không đóng cửa tiệm cho đến khi những người đàn ông đã tranh luận đến mỗi mệt, và vì lợi ích của Bình, cậu bé đã làm tốt nhất có thể để giữ một sự bình tĩnh mà cậu không cảm thấy thế. Cậu bé đã chứng minh mình là một phụ tá đắc lực - cậu luôn tránh dưới những cánh tay đang vung vẩy minh họa hay những đám khói thuốc phì phà từ mũi miệng để trượt những tô rỗng khỏi bàn - nhưng khi những người cán bộ bắt đầu đứng dậy, ông Hưng giao thêm Bình một nhiệm vụ bổ sung để giúp cậu khỏi chú ý đến - pha nước, lấy đĩa sạch từ chỗ cô rửa chén trong hẻm, cũng là người phụ nữ cả thập kỉ trước đã may chiếc áo tươm tất đầu tiên cho ông.

Những người đàn ông trong quán trở nên ít nói và cũng chẳng động đậy, họ chỉ bùng nổ một khi những người Đảng viên đó đã đi khỏi. Việc tranh luận chưa bao giờ ảnh hưởng đến tình đoàn kết của họ, nhưng qua nhiều ngày, ông Hưng có thể thấy vòng tròn quanh Đạo dần thu hẹp thành những đầu nhọn của một trái bàng.

“Có thể nó không phải là những thứ chúng ta thích thú, cuối cùng, chúng ta nên hợp tác không?” một nhà thơ trẻ tên Trúc hỏi. “Làm cho họ lúc này, để chúng ta sẽ tự do làm việc của chúng ta sau đó?”

“Đúng rồi,” một người viết thư pháp hời đầu nói. “Chúng ta tạm thời đặt những mục đích của mình sang một bên.”

“Yếu ớt, nhu nhược!” Đạo hét lên, lần lượt chỉ vào mỗi người trong bọn họ. “Nếu các cậu từ bỏ những điều đó thì chúng cũng sẽ không bao giờ quay trở lại với các cậu nữa! Các cậu thậm chí còn chẳng tự lắng nghe lấy? Đảng ca ngợi cuộc giải phóng giai cấp bần nông của họ trong khi lại đang tàn phá nông thôn. Làm sao các cậu lại có thể tin bất cứ điều gì họ hứa hẹn chứ?”

Ngày hôm sau, ông Hưng thấy đám đông vây quanh Đạo chỉ còn lại là một đường thẳng.

“Cậu thật hèn nhát,” Đạo gậy gổ với tay viết thư pháp. “Còn cậu là tên đạo đức giả,” tay viết thư pháp gào trả, dứ nắm đấm trước mặt Đạo, “một kẻ tự làm mình phản cách mạng.”

Ông Hưng không phải là người duy nhất trong phòng thở gấp. Ông lập tức bảo Bình đi lấy những chiếc tô từ bà rửa chén bát trong hẻm. Ông tự hỏi Bình hiểu được bao nhiêu. Những sự kiện cả ở trong phòng lẫn thế giới rộng lớn ngoài kia. Ông Hưng đi bộ ra cửa sau và đứng ở bậc thềm trong khi một giọng điệu tuyên truyền quái gở được phun ra từ một cái loa lớn.

“Nhân dân là ai ạ?” ông nghe Bình hỏi bà rửa chén bát. “Ngày nào bố cháu cũng nói về ‘nhân dân’.”

“Ừm, chính là chúng ta,” bà nói. “Là tất cả chúng ta.”

“Nhưng tại sao bố cháu lại giận dữ với tất cả chúng ta?” Bình hỏi.

Người phụ nữ nhún vai, chẳng biết phải trả lời cậu bé thế nào.

Buổi sáng tiếp theo, ngày thứ 9 những người Đảng viên xuất hiện, nhà thơ trẻ tên Trúc đứng dậy, băng ngang qua sân nhà và nói cậu muốn thực hiện nghĩa vụ của mình. Vào ngày thứ 10 thì người viết thư pháp và anh em của cậu ta cũng theo sau.

“Có nhiều cách khác nhau để thực hiện nghĩa vụ cách mạng của chúng ta, các đồng chí à,” Đạo cố nài nỉ với những người còn lại. Rồi thì cậu quay lại những người cán bộ, đối mặt trực tiếp với họ lần đầu tiên. “Tại sao không để cho chúng tôi tự do phát triển một nền văn học quốc gia? Làm cách nào chúng tôi có thể phục vụ cách mạng tốt hơn là đi kể những câu chuyện của một dân tộc giải phóng khỏi cách thống trị của đế quốc sau hàng thế kỷ đấu tranh chứ?”

“Thế tiêu chuẩn nào, mà một người ngoan cố từ chối làm nghĩa vụ của mình, để anh biết là tốt nhất?” một tay Đảng viên chìa một ngón tay vào ngực Đạo hỏi.

Ông Hưng nhận thấy sự giận dữ qua chiếc cằm của Đạo. Ông đặt đôi tay trấn an lên vai Bình. Tay Đảng viên đưa súng lên và thoáng chỉ vào đầu Đạo trước khi đưa những người mới tuyển ra khỏi cửa.

Ông Hưng nhớ là Bình đã đưa nắm đấm nhỏ nhắn đầy dứa sạch của cậu ra ngay khi người cuối cùng bước qua cửa quán của ông. Ánh sáng quá yếu để thấy rõ mặt ông ta, nhưng một hàng huy chương lấp lánh đính trên ngực áo chứng tỏ ông ta không phải là một cán bộ phòng tuyên truyền giáo dục chính trị, cũng không phải một người tuyển dụng cho Hội Văn học cứu quốc. Ông ta là một Đảng viên có cấp bậc khác hoàn toàn.

Những người đàn ông đồng minh còn lại với Đạo đã tiếp tục xuất bản ấn phẩm thứ hai của tạp chí Giai Phẩm mùa Thu trước đó. Ông Hưng cũng nhận thấy vài thông điệp ẩn danh dưới cửa trước của quán trong 24 giờ sau: Chúng tôi đã đợi điều này, Chúng tôi bị bỏ đói, Các cậu đã cho chúng tôi niềm hi vọng, Làm ơn hãy tiếp tục như thế, ông đọc được cả đồng tin nhắn gửi. Bệnh hoạn có thể khiến bạn tử vong trừ khi bạn kiếm tìm sự giúp đỡ ngay lập tức, ông đọc một lưu ý đơn độc, và ông đã không đưa nó cho Đạo.

Người đàn ông ở cửa ra vào đập báng súng trường của ông ta lên nền nhà. Bó dứa tuột khỏi tay Bình, kêu vang trên nền gạch. Cậu bé đã quá đủ sợ hãi rồi. Bình đẩy ông Hưng về phía trước, nhưng người cán bộ chỉ đơn giản đẩy ông Hưng sang một bên với cánh tay rắn

rồi, rồi đi thẳng đến những người đàn ông đang ngồi ở góc phía xa của căn phòng. Ba người đàn ông có vũ trang đi theo ông ta, những khẩu súng giữ chặt trên ngực họ.

Đạo đứng dậy, trong khi những người còn lại vẫn ngồi, im lặng. Bình hết nhìn mặt bố cậu lại nhìn mặt viên cán bộ, rồi chạy đến ông Hưng. Ông Hưng kéo cậu bé ra sau ông, để cậu dựa vào cặp đùi rắn chắc của ông.

Người cán bộ đứng trước những người đàn ông với đôi chân xếp chặt vào nhau, hai tay chống hông. Ông ta nói với một giọng lạnh băng không quanh co. “Đây là một tai họa đặc biệt của sự kiêu căng và đầy tự ái, mà dường như nó đã ảnh hưởng đến các văn nghệ sĩ và trí thức,” ông ta bắt đầu. “Cậu đã bị tẩy não bởi những ý tưởng ngoại quốc và làm đầy tớ cho cái tôi của cậu. Sự bệnh hoạn cá nhân đó cần được cứu chữa. Nó là sự làm lạc chính trị của cậu. Chẳng lẽ chúng tôi phải chờ xem cái gì sẽ lây nhiễm tiếp theo sao?”

“Thưa đồng chí, thưa ông, tôi bảo đảm là ông hoàn toàn tin tưởng vào triết thuyết Mác LeNin,” Đạo nói. “Chúng tôi hiển nhiên tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng Sản, lý tưởng tuyệt vời nhất của nhân loại, lý tưởng trẻ trung nhất, tươi mới nhất trong toàn lịch sử. Nhưng nếu một kiểu cách duy nhất được áp đặt lên toàn bộ nhà văn và nghệ sĩ, cái ngày tất cả loài hoa đều biến thành hoa Cúc sẽ chẳng còn xa nữa.”

Hãy để trăm hoa được đua nở; hãy để cho hàng trăm trường phái tư tưởng đấu tranh, ông Hưng tự nghĩ thế.

Đạo đang ám chỉ đến lời kêu gọi của chủ tịch Mao đến nghệ sĩ và tầng lớp trí thức chia sẻ sự chỉ trích của họ để định hình và làm vững mạnh một trật tự Trung Hoa mới.

Nhưng những lời đẹp đẽ của Đạo chỉ lãng phí đối với những người đàn ông đó. Họ vẫn giữ một bộ mặt vô cảm, không ấn tượng. Hai trong số họ đi về phía Đạo và nhắc cậu lên bằng cánh tay, nhắc bổng cậu khỏi mặt đất.

“Đây là một cảnh cáo với cậu,” tay cán bộ nói. “Nếu cậu không ngưng và chấm dứt việc xuất bản của cậu, nếu cậu không tìm được một cách để sử dụng năng lực hủi mình cho cách mạng thật tốt, cậu sẽ chẳng có mảnh vườn nào mà trồng những bông hoa ngu ngốc ngớ ngẩn của cậu đâu.”

Ông Hưng cảm thấy cả người Bình co giật qua đùi ông khi hai gã đàn ông nhắc bố cậu lên. Đạo nhìn mặt như là cậu đi trên mắt cá chân mình. Tay đảng viên cúi xuống rồi nhổ vào tô phở trước mặt Đạo, chùi mép bằng mu bàn tay một cách hài lòng trước khi ra đi.

Ông Hưng đã thôi giữ Bình lại, ông bước tới và nhắc tô phở khỏi bàn. Bình đi theo sau ông qua cửa quán khi ông mang tô phở ra cửa sau, đổ nước phở vào con hẻm và đập vỡ tô sứ vào một tảng đá.

Đạo xuất hiện trên ngưỡng cửa sau lưng con trai cậu. “Đến đây, Bình,” cậu gọi, đặt tay lên vai cậu bé. “Chào tạm biệt bác Hưng đi con. Từ giờ con sẽ phải ăn sáng ở nhà.”

Ông Hưng, vẫn đang cầm những mảnh sứ vỡ trên mỗi tay, ông đi xung quanh và vẫy chào cậu bé đang buồn rầu, ông biết rằng như thế là tốt nhất, ông cũng đau đớn biết rằng những ngày Bình đi theo như hình với bóng với ông dường như sẽ không còn quay lại nữa. Thời điểm ấy lẫn lộn những vui buồn: Đạo cuối cùng đã là cha của đứa con trai cậu, nhưng bảo vệ Bình cũng đồng nghĩa với việc phải đưa cậu bé tránh xa.

Sáng hôm sau, những người cán bộ lại quay trở lại, họ làm một màn trình diễn lớn bằng cách quăng đầy tay những ấn bản của tờ tạp chí bị tịch thu vào thùng dầu rỗng đang cháy phừng phực trước cửa tiệm ông Hưng. Làn khói đen cuộn vào qua cánh cửa trước trong khi người cán bộ đang phát đi những thông điệp lên án bằng chiếc loa cầm tay nứt nẻ, gọi “Giai phẩm mùa Thu” là kết quả của bọn phản động và Tư-rốt-kít (tư tưởng của Lev Davidovich Trotsky - người dịch), ca ngợi sự già cỗi của những tâm trí giang mai, bệnh hoạn.

Những người đàn ông trong quán không nói hay phản ứng gì; họ chỉ đơn giản là quan tâm đến việc ăn những tô phở của họ. Khi ông Hưng hỏi họ có muốn đi ra bằng cửa hậu không, Đạo nói, “Tụi em sẽ không sợ những trò kịch của bọn họ. Tụi em sẽ đi bằng cửa trước.”

Rồi họ làm đúng như thế, tám người còn lại: một hàng người duy nhất trong sự trang nghiêm.

Ảnh hưởng của cải cách điền địa bắt đầu cảm nhận được ở thành phố ngay sau đó. Những chiếc giỏ đi chợ của phụ nữ cả nước rỗng lắc với vài trái táo bầm, giá gạo tăng đến không tưởng, màu xanh rau quả trong chợ ử rử gợi nhớ về những thứ đã từng phát triển phong phú, mỗi thịt là vẫn có sẵn với một màu xám bạc và nhẵn nhúm già cỗi.

Ông Hưng nấu phở mà chẳng có màu xanh trang trí, ông phải đập như những lát thịt bò với một cái vồ, chỉ đơn giản là biết ơn những người đàn ông đã không phản nản; họ vẫn đến mỗi buổi sáng để ăn một thứ nước phở không thể so sánh được với thời gian trước đó, vẫn đến mặc cho những nét thâm quầng bởi ngủ muộn dưới mí mắt và nét lo lắng hiện rõ trên khuôn mặt họ.

Họ đã trở thành một đội quân bé nhỏ dành riêng cho những nghĩ suy và nói chuyện nghiêm túc. Họ chẳng thèm cạo râu, có lẽ bởi đã bỏ cả việc trở về nhà tắm rửa và ngủ trên những chiếc giường êm ái của họ. Họ cần một cách nhanh hơn, rẻ hơn để giao tiếp với nhân dân, một cách để mở rộng và đến được với độc giả. Họ chấp nhận tiến tới để làm ra một tạp chí lá cải mà họ gọi là Nhân Văn - chủ nghĩa Nhân Văn (Humanism - người dịch).

Ông Hưng nhớ đến việc ông hít mùi mực đậm dần từ những trang báo trong lần xuất bản đầu tiên, ông lão đảo như say rượu bởi cái mùi độc hại và sự hồi hộp của những lời lẽ táo bạo

trong đó. Ngay khi ông đã dấu tờ báo một cách an toàn dưới tấm nệm trong phòng xong, cũng là lúc những người Đảng viên bất thành linh xét hỏi văn phòng của tạp chí, đốt sách, giấy tờ, kệ sách và phá hủy tờ báo.

Đạo đã đưa những chồng báo lớn đến một địa điểm bí mật mới ở sau lưng một ngôi đình trong khu phố của cậu với sự giúp đỡ của những người đàn ông mang mặt nạ đen. Những người đàn ông đó đã tiếp tục xuất bản được hai số nữa của Nhân Văn trong một thời gian ngắn, nhưng họ cũng quẳng những cuốn tạp chí trực tiếp vào ngọn lửa như chúng đã nhanh chóng bị tịch thu và tiêu hủy.

Những người đàn ông lạnh lẽo hơn bao giờ hết so với thời mà ông Hưng từng biết họ như thế nào, cả sự kiệt sức bởi những nỗ lực của họ và cả cảnh giác bởi khả năng có sự hiện diện của gián điệp giữa bọn họ. Ông Hưng được nhẹ nhõm rằng ít nhất Bình đã an toàn ở nhà với mẹ cậu, cô Amie; Ông cảm thấy chắc chắn rằng giờ đây, bất cứ ngày nào quán ăn của ông cũng có thể ngập chìm trong lửa, nhưng ông rất nhớ cậu bé như người ta nhớ một cảm giác mùi vị. Cậu bé chưa bao giờ muốn ý thức hệ hay chính trị; cậu chỉ muốn những điều đơn giản mà một người như ông Hưng có thể cho cậu: gọt sữa đôi dưa, thêm vài giọt nước mắm, khen ngợi cho một việc vặt được làm tốt, hay một lời chào đón cậu bé.

Đó là những chuyện chi tiết mà ông Hưng đã từng chia sẻ với Bình, những chuyện không ai khác chú ý, những điều ông Hưng không còn nhìn thấy trong sự thiếu vắng cậu bé. Ông đã mất dấu các vết mờ để lại của con thằn lằn làm tổ trên tường phòng sau của ông.

“Tại sao nó để lại một vết dài thế?” một lần nọ Bình hỏi. “Bác có nghĩ nó muốn chúng ta tìm ra nó không?”

Bầu không khí trong cửa tiệm đã trở nên rất căng thẳng đến nỗi ông Hưng mong đợi sự cứu rỗi ông đã từng có mỗi khi ông cảm thấy niềm hi vọng vào tương lai Việt Nam đang giảm dần, ông nhìn sang chỗ Bình để cảm thấy như được giải thoát khỏi những chán nản nghi ngờ.

Rồi đột nhiên, một buổi sáng khi ông đưa một chồng tô cho cô rửa chén bát trong con hẻm, ông Hưng bắt gặp ánh nhìn của cậu bé trong một ô cửa liền kề. Chỉ có đôi tai và đầu gối cậu bé trông có vẻ lớn hơn trong nhiều tháng không gặp lại.

“Bình,” ông Hưng gọi. “Cháu đang làm gì ở đây thế?” “Má (nguyên văn - người dịch - có lẽ tác giả lầm lẫn bởi “Má” chỉ dùng cho miền Nam) cháu chỉ nấu có mỗi cơm ạ,” cậu bé nói, cơn xúc động qua đi.

“Bà không bao giờ nấu phở ạ.”

“Ừ, bác có thể hiểu điều đó, Bình. Có cả đồng công việc và bà là một người phụ nữ bận rộn. Nhưng cơm cũng không đến nỗi tệ phải không?”

Cậu bé nhún đôi vai nhỏ nhắn của cậu. “Được rồi,” ông nói. “Mọi thứ chỉ vừa yên tĩnh.”

“À,” ông nói. “Cháu nhớ những buổi nói chuyện phải không? Nhóm người đó?”

Bình chớp mắt. “Cháu nhớ bác.”

Đối với một người đàn ông đã có nhiều điều không mong muốn trong cuộc sống của mình, đó quả thực là một điều đặc biệt đáng lo ngại ông nghe được. Và làm cách nào một người có thể đáp trả với sự yêu mến đó, đặc biệt là khi được thể hiện rất chân thật như vậy? Một cái háng giọng, quay lại, trượt chân qua một bên, và từ từ trở lại bình tĩnh.

“Thế này thì sao, Bình,” ông Hưng đề xuất. “Cháu xin phép mẹ đến gặp bác vào cuối tuần. Cháu sẽ đợi bác ở chỗ này, ngay cửa ra vào mà cháu đang đợi sáng nay này, rồi bác sẽ mang cho cháu một tô phở, nhé.”

Thế là Bình đã đến con hẻm phía sau quán Phở Chiến & Hưng cùng mẹ cậu sáng thứ sáu đó. “Tất nhiên là em tán thành ạ,” Amie nói với ông Hưng. “Thằng bé rất thích anh. Nhưng làm ơn, đừng để anh Đạo biết, anh ấy sẽ cần nhằn em mất. Anh ấy chỉ có ý tốt muốn giữ an toàn cho tụi em.”

Và rồi họ cúi xuống ăn những tô phở của ông Hưng trong con hẻm vào thứ sáu hôm đó cũng như những thứ sáu sau nữa. Ngày thứ sáu tiếp theo, Bình đến một mình. Cậu bé mang theo một bàn cờ tướng, đặt nó trên đất và cố gắng lôi kéo ông Hưng cùng chơi.

“Mỗi người một lượt,” ông Hưng nói. “Đó là tất cả những gì có lần chơi mà bác biết.”

“Nhưng cháu không biết cách chơi,” Bình đáp.

“Ồi cháu ơi,” ông Hưng nói, trong lúc ngồi xổm xuống đất với cậu bé, bàn cờ nằm giữa họ. “Bác cũng không chắc Bác phải chơi thế nào nữa.” Ông Hưng nhấc một quân cờ bằng gỗ khắc chữ “Tượng” bằng tiếng Hán lên rồi đặt nó xuống.

Thế là ông Hưng làm nên một thói quen vào mỗi buổi sáng, để giữ mình chờ đợi cái ngày mà cửa tiệm của ông sẽ bị đốt chỉ còn tro lại mặt đất. Mùa Đông đã đến bên họ, những ngày xăm xẹt của tháng 11, khi số thứ 4 của Nhân Văn được phát hành. Đạo đưa một ấn bản cho ông Hưng khi trời tối, cậu gõ cửa sau của tòa nhà. Ông Hưng, tim thót lên tận cổ, ông run run ra mở cửa.

“Bản thân em đã ra khỏi lề đất nước này rồi,” Đạo nói với mặt đất. Cậu xấu hổ, một người đàn ông chữ nghĩa không chắc rằng phải làm gì tiếp theo; cảm giác ngại ngùng bất thường

của cậu khiến cả hai im lặng. “Về làng vợ em,” cuối cùng cậu nói thêm, rồi ấn cuốn tạp chí nặng nề vào đôi tay ông Hưng.

Tối đó ông Hưng đã đọc bài xã luận dưới ánh đèn vàng vọt yếu ớt tỏa ra từ cây đèn của mình. Rồi thì, lắng nghe một cách rõ ràng, những tội ác của cải cách ruộng đất, bị lột mặt nạ bởi thơ hay truyện ngụ ngôn. Đảng đã vi phạm hiến pháp của một nước Cộng Hòa bằng cách bắt giữ trái luật, cố ý nhằm lẫn giữa nông dân và địa chủ, cưỡng đoạt tài sản của họ, quăng họ vào tù, tra tấn họ dã man, hành quyết họ và bỏ mặc những đứa trẻ vô tội cho đến chết đói.

Bài xã luận đã đi đến đề xuất đã đến lúc nên thay thế người lãnh đạo mới, kể từ lúc Hồ Chí Minh và những Đảng viên ki cựu dường như đã trở nên cứng nhắc và bảo thủ cùng tuổi tác. Giờ đây họ cấm tất cả các cuộc biểu tình - nhưng lúc còn trẻ họ lại không phải như thế sao, cũng tham gia biểu tình? Thế nào mà Đảng đã tồn tại ở nơi đầu tiên? Rồi giờ đây, từ trong êm ả của địa vị và quyền lực, họ làm cho cuộc sống trì trệ, teo tóp, và đóng cửa tư tưởng của người dân Việt Nam?

Ông Hưng đã vượt qua được sự sợ hãi của những phản biến một trái tim đã chết thành bê tông. Ông ước với mỗi thớ thịt của mình là Đạo đừng đi quá xa trong nỗ lực bù đắp cho sự thất bại của cậu để đồng cảm với nông dân. Đạo không đơn thuần là chỉ trích chính sách của Đảng, cậu đã phạm một tội tột đỉnh - xúc phạm Bác Hồ - bởi đó cậu đã mạo hiểm với sự đe dọa trừng phạt vô cùng.

Ngày hôm sau, không có một người nào làm việc cho Nhân Văn đến ăn sáng. Căn phòng cực kì lặng lẽ đến nỗi ông Hưng có thể nghe từng nhịp đập chậm chậm của quả tim. Khi buổi ăn sáng đã qua đi, bếp lửa được dập tắt, sàn gạch được quét dọn, những đôi đũa đặt gọn gàng, ông Hưng đóng tất cả cửa chớp, kéo chiếc mũ bê-rê Đạo đã tặng ông vài năm trước xuống sát lông mày và rời nhà bằng cửa hậu.

Sự hoang tưởng đã dùng những người đàn ông đang nói chuyện lại thế nào thì giờ đây cũng ảnh hưởng đến ông như thế. Ông rút hai tay trong túi và nhìn xuống đất trong lúc rảo bộ một cách thông thả về phía đối diện của văn phòng Nhân Văn. Khi đoán chắc rằng không có ai theo đuôi, ông quay lại hai lần và xuất hiện ở bờ Tây của khu phố cổ, lướt vào cafe Võ, rải bước suốt chiều dài của nó, không gì khác ngoài một cái gật đầu chào ông chủ, và đi ra cửa hậu để vào một con hẻm khác.

Ông quẹo ở góc. Ông ngửi thấy mùi lửa cháy trước khi trông thấy nó. Đó là lúc Đảng đơn giản là không vừa lòng nên phá hủy tất cả mọi thứ bên trong văn phòng. Họ đã san phẳng những ngôi nhà chung của hàng xóm, nơi tụ họp và thờ phượng linh hồn tổ tiên, ở mặt sau

nơi những người đàn ông của Nét đẹp của phong trào Nhân Văn dùng để lẩn tránh. Một đám đông những người đứng giữa đường nhìn chăm chăm vào những xà nhà đang cháy âm ỉ, đã quá trễ để có thể cứu tòa nhà hay những ai có thể kẹt lại bên trong.

Đạo đang chết cháy - ông Hưng không chịu nổi khi nghĩ đến đó. Đạo đang chết ngạt, thở hồng hộc bởi thiếu không khí. Ông Hưng đi ra xa như khi ông chạy xa khỏi đền làng ông, cảm thấy mọi sự sống còn đều bị báng bỏ. Cuối cùng ông nhận ra mình ở bờ hồ Hoàn Kiếm. Ông ngẩng nhìn mặt nước tĩnh lặng, mong thấy một con rùa nổi lên từ tăm tối, rồi ông thả bộ qua cầu Thê Húc hướng về phía đền Ngọc Sơn.

Một cuộn nhang trầm đang cháy trong ngôi đền, nơi một lần cách đây không lâu, có cả hàng trăm cuộn như thế. Ông chấp hai tay lên cầu nguyện, nhưng một sự mệt mỏi quá sức đã khiến ông từ bỏ nỗ lực đó. Chủ nghĩa Cộng Sản đã gây nên sức nặng lên đôi cánh tay ông. Tôn giáo chỉ còn là chuyện quá khứ, Đảng đã nói thế, một công cụ đàn áp để nô lệ những con người tầm thường.

Nhưng nơi đây, ông không tìm thấy sự thanh thản trong ngôi đền này nữa rồi, ông vẫn cầu nguyện hằng đêm với những linh hồn tổ tiên, ông nâng tâm di ảnh của chú Chiến khỏi bàn thờ nhỏ sau lưng quán, quét sạch bụi, đơm trái cây. Ông đã cầu khẩn tổ tiên phù hộ mạng sống cho Đạo, nhưng mỗi sáng ông vẫn thức dậy trong lo buồn, nỗi sợ hãi như một cục nghẹn trong cổ họng ông.

Nhiều ngày trôi qua không một tin tức gì của Đạo và đồng bạn của cậu. Ông Hưng thấy mình đang đứng trước ngưỡng cửa căn hộ của Đạo ở khu phố Pháp. Cánh cửa đã bị bung bản lề. “Bình ơi,” ông Hưng gọi, giọng ông vang vọng trong căn phòng phía trước. “Amie?”

Ông gõ cửa những căn hộ kế bên nhưng chẳng có ai. Tuy nhiên vài người đã nghe thấy ông gọi, và ngày hôm sau, vợ Đạo đến cửa tiệm của ông. “Anh ấy hẳn là đã bị đưa đi trại cải tạo rồi ạ,” Amie nói.

Ông Hưng chẳng thể trả lời, sự hãi một định mệnh còn tồi tệ hơn nhiều, không một từ ngữ bảo đảm nào có thể đáp lại.

“Anh Hưng, làm ơn hãy nói em anh cũng nghĩ là anh ấy đã bị gửi đến trại cải tạo đi,” cô nài nỉ.

Ông Hưng không thể tưởng tượng ra rằng Đạo sẽ chịu từ bỏ niềm tin của cậu, rồi có lẽ cậu sẽ bị tra tấn và tẩy não, những điều tương tự được miêu tả như thế ông đã đọc trong Nhân Văn.

“Tôi sẽ giữ nước phở được nóng để chuẩn bị cho sự quay về của cậu ấy,” ông Hưng nói, một sự thật ông đã làm lúc thốt ra lời ấy. Nó là lời cầu nguyện của ông.

“Anh Đạo đã với nói anh là tụi em có em bé chưa, anh Hưng?” ông Hưng bước lùi lại một bước, ông giật mình với tin ấy. “Tháng trước. Một đứa em của Bình. Nhưng dây rốn đang quấn quanh cổ bé.”

Giọng Amie biểu hiện một trong những sự đau thương hoàn toàn tuyệt vọng. “Khuôn mặt thằng bé tím tái bởi thiếu Oxy,” cô tiếp, nhưng thay vì cắt dây rốn và giải thoát nó, các cô hộ sinh lại kéo dây rốn chặt lại.

“Một hành động trác ảm,” ông Hưng nói một cách nhẹ nhàng. “Hắn là đã quá trễ cho đứa trẻ.”

“Nhưng không phải vì lợi ích đứa bé, anh Hưng à. Không phải vì tốt cho em hay cả Đạo. Anh có biết cô hộ sinh đã nói gì không?” Đôi môi Amie bắt đầu run bần bật. “Một đứa trẻ thế này sẽ vô dụng đối với cách mạng,” cô thảm thì. “Đó là những gì nhắc nhở Đạo phải làm cho đất nước. Để cuối cùng thấy sự hủy diệt chính mình. Để có thể viết về nó.”

Ông Hưng đột nhiên cảm thấy sự hiện diện của Đạo, như thể họ đang đứng bên nhau để làm chứng cho cuộc tàn sát ở làng ông. Đạo giờ đây đã hiểu rằng cuộc cách mạng sẽ không dừng lại ngăn ngừa với việc tàn sát bất kỳ ai đứng trên đường đi của nó. Nhưng họ đã lỡ đi cơ hội cho cuộc trao đổi ấy, cái thời khác mà Đạo có thể đã nói, Bây giờ em đã hiểu bằng trái tim của mình, và ông Hưng cũng sẽ nói, Tha thứ.

“Có lẽ cô nên đưa Bình xa khỏi Hà Nội để sống một thời gian,” ông Hưng nói.

“Vâng,” Amie trả lời. “Tụi em sẽ quay về ngôi làng mẹ em. Anh sẽ gửi tin tức cho tụi em nếu anh nghe ngóng được gì nhé?”

“Ừ”, dĩ nhiên là vậy,” ông dựa vào cái ngăn kéo đan bằng mây nói. “Và hãy mang cái này theo. Chúng là của Bình.”

Ông nhìn Amie chạy ra đường, tay nắm đôi đũa ngán của cậu bé, áo dài tung bay sau cô trông như cánh diều đang nhào lộn.